

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
HỌC VIỆN Y DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

BỘ Y TẾ



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

Đối tượng: **CHUYÊN KHOA I- CHÂM CỨU**

HÀ NỘI - 2023

BỘ Y TẾ
HỌC VIỆN YDHCT VIỆT NAM

Số: 1004/QĐ-HVYDCT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 24 tháng 7 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành đề cương các học phần trong chương trình đào tạo Tiến sĩ, Chuyên khoa II, Chuyên khoa I, Thạc sĩ định hướng nghiên cứu, Bác sĩ nội trú ngành Y học cổ truyền, chuyên khoa I ngành Dược liệu - Dược học cổ truyền và chuyên khoa I ngành Châm cứu

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN Y - DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 30/QĐ- TTg ngày 02 tháng 02 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 484/QĐ-BGDĐT ngày 17 tháng 02 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc giao nhiệm vụ đào tạo trình độ tiến sĩ chuyên ngành Y học cổ truyền cho Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam;

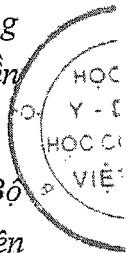
Căn cứ Quyết định số 392/QĐ-BYT ngày 25 tháng 10 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc giao nhiệm vụ đào tạo chuyên khoa cấp I chuyên ngành Y học cổ truyền cho Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 1501/QĐ-BGDĐT ngày 01 tháng 04 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc giao nhiệm vụ đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Y học cổ truyền cho Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 1224/QĐ-BYT ngày 15 tháng 4 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc giao nhiệm vụ đào tạo trình độ bác sĩ chuyên khoa II chuyên ngành Y học cổ truyền cho Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 3051/QĐ-BYT ngày 10 tháng 11 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc giao nhiệm vụ đào tạo chuyên khoa cấp I cho Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 1730/QĐ-BYT ngày 24 tháng 5 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc giao nhiệm vụ đào tạo trình độ Bác sĩ nội trú cho Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam;



Căn cứ Nghị quyết 481/NQ-HĐTHVYDHCTVN ngày 24 tháng 06 năm 2021 của Hội đồng trường Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Học viện Y- Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 604/QĐ-HVYDCT ngày 22 tháng 3 năm 2023 của giám đốc Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam về việc Ban hành khung chương trình đào tạo ngành Y học cổ truyền trình độ thạc sĩ theo định hướng nghiên cứu;

Căn cứ Quyết định số 649/QĐ-HVYDCT ngày 27 tháng 3 năm 2023 của giám đốc Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam về việc Ban hành khung chương trình đào tạo chuyên khoa II ngành Y học cổ truyền;

Căn cứ Quyết định số 823/QĐ-HVYDCT ngày 07 tháng 4 năm 2023 của giám đốc Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam về việc Ban hành khung chương trình đào tạo Bác sĩ nội trú ngành Y học cổ truyền;

Căn cứ Quyết định số 976/QĐ-HVYDCT ngày 21 tháng 4 năm 2023 của giám đốc Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam về việc Ban hành khung chương trình đào tạo bác sĩ chuyên khoa I ngành Châm cứu;

Căn cứ Quyết định số 995/QĐ-HVYDCT ngày 24 tháng 4 năm 2023 của giám đốc Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam về việc Ban hành khung chương trình đào tạo Dược sĩ chuyên khoa I ngành Dược liệu - Dược học cổ truyền;

Căn cứ Quyết định số 997/QĐ-HVYDCT ngày 24 tháng 4 năm 2023 của giám đốc Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam về việc Ban hành khung chương trình đào tạo chuyên khoa I ngành Y học cổ truyền;

Căn cứ Quyết định số 1053/QĐ-HVYDCT ngày 27 tháng 4 năm 2023 của Giám đốc Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam về việc Ban hành khung chương trình đào tạo Tiến sĩ ngành Y học cổ truyền;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo sau đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này đề cương các học phần trong chương trình đào tạo Tiến sĩ, Chuyên khoa II, Chuyên khoa I, Thạc sĩ định hướng nghiên cứu, Bác sĩ nội trú ngành Y học cổ truyền, chuyên khoa I ngành Châm cứu và chuyên khoa I ngành Dược liệu - Dược học cổ truyền (Đề cương chi tiết học phần kèm theo).

TIẾN
SĨ
RUY
NAM

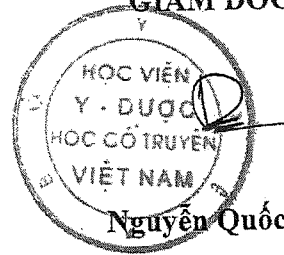
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, ban hành và được áp dụng cho khóa tuyển sinh từ năm 2023.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng phòng: Đào tạo sau đại học, Quản lý chất lượng, Công tác chính trị và Quản lý sinh viên, Hành chính - Tổng hợp, Tài chính kế toán, các Trưởng khoa Khoa học cơ bản, Y học lâm sàng, Dược và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

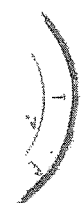
Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Hội đồng trường (để b/c);
- Ban Giám đốc (để b/c);
- Đăng Website;
- Lưu: VT, SDH.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Quốc Huy



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TRIẾT HỌC

Trình độ đào tạo: Chuyên khoa I

Mã ngành đào tạo: **Bác sĩ chuyên khoa I ngành Châm cứu**

1. Thông tin tổng quát về học phần

- Tên học phần:

* Tiếng Việt: Triết học

* Tiếng Anh: Philosophy

- Mã học phần: 311101

- Số tín chỉ: .03.LT/...0..TH/LS

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 45 tiết

+ Lý thuyết: ...23 tiết

+ Thực hành/ Lâm sàng: ...0.. tiết

+ Thảo luận, hoạt động nhóm: ...08...tiết

+ Kiểm tra: ...01...tiết

+ Thời gian tự học: ...13..tiết

- Đối tượng học (năm thứ): Nhất

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>					
		Kiến thức cơ sở khối ngành		Kiến thức cơ sở ngành		Kiến thức ngành	
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

- Điều kiện tham gia học phần: Không

- Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Lý luận chính trị - Khoa KHCB

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Bộ môn	Email
1	TS. Đinh Nguyễn An	0944371111	LLCT	Dinhnguyenan1181@gmail.com
2	Ths. Bùi Thị Phương Thúy	0989727656	LLCT	Phuongthuy12883.pt@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần:

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT HP1	Trang bị cho người học kiến thức tổng quát về lịch sử triết học Phương Đông và Phương Tây, đặc biệt là Tư tưởng triết học Việt Nam.
MT HP2	Cung cấp những nội dung cơ bản của Triết học Mác - Lênin, mối quan hệ giữa Triết học và các khoa học, vai trò của khoa học, công nghệ hiện nay đối với sự phát triển chung của xã hội.
MT HP3	Hình thành phương pháp tư duy khoa học và ý thức trách nhiệm của người học.
MT HP4	Người học hiểu được tầm quan trọng của Triết học Mác - Lênin và vai trò của khoa học, công nghệ đối với công tác chăm sóc sức khỏe cộng đồng.

Bảng 3.2. Mối liên hệ giữa Mục tiêu của Học phần với Mục tiêu của Chương trình đào tạo (MTCTĐT)

	MTTQ	MTCTĐT1	MTCTĐT2	MTCTĐT3	MTCTĐT4
MT HP1	x				x
MT HP2	x			x	
MT HP3	x			x	x
MT HP4	X			x	

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần (ký hiệu: CLO)

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Hiểu được đặc điểm và vai trò của triết học Mác – Lênin trong thời đại ngày nay.
CLO2	Trình bày khái quát được sự phát triển đa dạng của triết học Phương Đông và Phương Tây
CLO3	Vận dụng được kiến thức triết học Mác – Lênin và các nội dung liên quan đến sự phát triển khoa học, công nghệ trong công tác phát triển lĩnh vực chuyên môn.
CLO4	Có tư duy logic, tư duy phản biện; Có kỹ năng phát hiện và giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn.
CLO5	Ý thức được vai trò và trách nhiệm của bản thân đối với cộng đồng, xã hội.

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

Bảng 5.1. Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)

PLO	1	2	3	4	5	6	7	8	9
CLO 1		1						1	
CLO 2		1							
CLO 3		3				1	2		
CLO 4		1							
CLO 5		1							1

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần; Máy chiếu, loa, mic, bảng viết, bút (phấn)...

6.2. Yêu cầu đối với sinh viên

- Dự lớp:

+ Tham gia học tập ít nhất 80% số tiết giáo viên giảng dạy và hướng dẫn thảo luận trên lớp.

+ Không nói chuyện riêng, không dùng điện thoại di động, không làm việc riêng của cá nhân trong giờ học.

- Tự học: Học viên tự nghiên cứu giáo trình, tài liệu tham khảo tại nhà những nội dung giáo viên yêu cầu.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần:

+ Bài kiểm tra điều kiện đạt điểm 5/10 trở lên

+ Nghi học không quá 20% số tiết giáo viên giảng dạy và hướng dẫn thảo luận trên lớp.

7. Mô tả chung học phần:

Học phần Triết học thuộc kiến thức chung, bao gồm 4 chương cung cấp:

1/ Những kiến thức khái lược về lịch sử triết học Phương Đông và Phương Tây cũng như những ảnh hưởng của một số trào lưu tư tưởng triết học tiêu biểu đến đời sống xã hội Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử;

2/ Kiến thức Triết học Mác – Lênin nâng cao, củng cố và phát triển tư duy biện chứng, định hướng hoạt động thực tiễn cho người học;

3/ Tầm quan trọng của Triết học và vai trò của Khoa học công nghệ đối với sự phát triển của các ngành khoa học nói riêng và đối với toàn xã hội nói chung.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần, liên kết nội dung chương mục với CDR

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy và liên kết nội dung chương mục với CLO

Chương	Các nội dung cơ bản của chương	Số tiết (LT/KT/ Tự học)	CDR chương	Liên quan đến CLO nào ở bảng 4.1	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Chương 1	KHÁI LƯỢC VỀ TRIẾT HỌC		+ Hiểu được bản chất của Triết học và		PP. Thuyết	+ Chuẩn	

	<p>I. Triết học là gì?</p> <p>1. Khái niệm triết học</p> <p>2. Đối tượng của triết học</p> <p>3. Vấn đề cơ bản của triết học</p> <p>4. Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm</p> <p>5. Khả tri và bất khả tri</p> <p>6. Biện chứng và siêu hình</p> <p>II. Triết học phương Đông</p> <p>1. Triết học Ấn Độ cổ đại</p> <p>2. Triết học Trung Hoa cổ đại</p> <p>III. Tư tưởng triết học Việt Nam</p> <p>1. Nho giáo ở VN</p> <p>2. Một số tư tưởng triết học Việt Nam tiêu biểu.</p> <p>- Tư tưởng triết học Hồ Chí Minh.</p>	16 tiết	<p>sự khác biệt căn bản giữa phương pháp biện chứng và phương pháp siêu hình.</p> <p>+ Phân loại được các hình thức triết học cơ bản trong lịch sử.</p> <p>+ Hiểu được đặc điểm và những nội dung chính trong các trường phái triết học nổi tiếng của Phương Đông và Phương Tây.</p> <p>+ Xác định được giá trị cốt lõi trong tư tưởng triết học VN tiêu biểu – đặc biệt là triết học Hồ Chí Minh</p>	<p>CLO1</p> <p>CLO2</p> <p>CLO4</p> <p>CLO5</p>	<p>trình;</p> <p>PP.</p> <p>Thảo luận nhóm;</p>	<p>bị bài trước khi đến lớp</p> <p>+ Phát biểu ý kiến liên quan đến bài học</p> <p>+ Tự nghiên cứu những nội dung giáo viên yêu cầu</p>	
<p>Chương 2</p>	<p>TRIẾT HỌC MÁC-LÊNIN</p>	12 tiết	<p>+ Hiểu được sự ra đời của Triết học Mác – Lênin là một</p>	<p>CLO1</p> <p>CLO3</p>	<p>PP.</p> <p>Thuyết trình;</p>	<p>+ Chuẩn bị bài trước</p>	

	<p>I. Sự ra đời của triết học Mác - Lênin</p> <p>1. Điều kiện kinh tế - xã hội</p> <p>2. Tiền đề lý luận</p> <p>3. Tiền đề khoa học tự nhiên</p> <p>4. Những giai đoạn chủ yếu trong sự hình thành và phát triển triết học Mác - Lênin.</p> <p>5. Đối tượng và đặc điểm chủ yếu của triết học Mác - Lênin.</p> <p>II. Chủ nghĩa duy vật biện chứng</p> <p>1. Hai nguyên lý cơ bản của phép biện chứng duy vật</p> <p>2. Các quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật</p> <p>3. Các cặp phạm trù cơ bản của phép biện chứng duy vật</p> <p>III. Chủ nghĩa duy vật lịch sử</p> <p>1. Học thuyết Hình thái kinh tế - xã hội</p> <p>2. Biện chứng giữa LLSX và QHSX</p>		<p>hiện tượng tất yếu, khách quan của lịch sử, dựa trên những tiền đề nhất định và đáp ứng những đòi hỏi cấp bách của thực tiễn những năm 40 của thế kỷ XIX.</p> <p>+ Nhớ được đối tượng và các đặc điểm của Triết học Mác – Lênin.</p> <p>+ Hiểu và vận dụng được các nguyên tắc phương pháp luận rút ra từ việc học tập 2 nguyên lý, 3 quy luật, 6 cặp phạm trù của Phép biện chứng duy vật trong công tác chuyên môn và trong cuộc sống hàng ngày.</p>		<p>PP. Thảo luận nhóm;</p>	<p>khi đến lớp</p> <p>+ Phát biểu ý kiến liên quan đến bài học</p> <p>+ Tự nghiên cứu những nội dung giáo viên yêu cầu</p>	
--	---	--	---	--	----------------------------	--	--

	<p>3. Biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng</p> <p>4. Biện chứng giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội</p> <p>5. Tiên bộ xã hội. Quy luật về sự tiên bộ của xã hội loài người</p> <p>IV. Triết học Mác-Lênin trong giai đoạn hiện nay</p> <p>1. Những biến đổi của thời đại</p> <p>2. Vai trò của Triết học Mác - Lênin</p>		<p>+ Hiểu được các quy luật xã hội đều mang tính khách quan; từ đó có cái nhìn đúng đắn về con đường đi lên CNXH của Việt Nam.</p> <p>+ Xác định được vai trò quan trọng của Triết học Mác – Lênin trong bối cảnh thời đại có nhiều biến đổi ngày nay.</p>			
<p>Chương 3</p>	<p>MỐI QUAN HỆ GIỮA TRIẾT HỌC HỌC VỚI CÁC KHOA HỌC</p> <p>I. Mối quan hệ giữa khoa học với triết học.</p> <p>II. Vai trò thế giới quan và phương pháp luận của triết học đối với sự phát triển khoa học.</p> <p>1. Thế giới quan và Phương pháp luận</p>	8 tiết	<p>Hiểu được mối quan hệ biện chứng giữa khoa học với triết học và vai trò thế giới quan, phương pháp luận của triết học đối với sự phát triển của các khoa học nói chung và đối với nhà</p>	CLO1	<p>PP. Thuyết trình; PP. Thảo luận nhóm;</p>	<p>Chuẩn bị bài trước khi đến lớp</p>

	<p>2. Triết học là cơ sở để giải thích và định hướng nhận thức, hoạt động của các khoa học.</p> <p>3. Nhà khoa học không thể thiếu phương pháp luận triết học sáng suốt dẫn đường.</p>		<p>khoa học nói riêng.</p>				
<p>Chương 4</p>	<p>VAI TRÒ CỦA KHOA HỌC CÔNG NGHỆ TRONG SỰ PHÁT TRIỂN XÃ HỘI</p> <p>I. Khoa học và Công nghệ</p> <p>1. Khoa học</p> <p>2. Kỹ thuật</p> <p>3. Công nghệ</p> <p>4. Cách mạng kỹ thuật, cách mạng công nghệ, cách mạng công nghiệp.</p> <p>II. Cách mạng khoa học và công nghệ.</p> <p>1. Tiến trình phát triển của khoa học, kỹ thuật và công nghệ</p> <p>2. Bản chất, tác động và các xu hướng cơ bản của cách mạng khoa học và công nghệ.</p> <p>III. Khoa học và công nghệ VN</p>	<p>9 tiết</p>	<p>+ Phân biệt được sự giống và khác nhau giữa khoa học, kỹ thuật và công nghệ; Cách mạng kỹ thuật, cách mạng công nghệ và cách mạng công nghiệp.</p> <p>+ Hiểu được những thành tựu, hạn chế yếu kém của khoa học và công nghệ VN và chỉ ra được nguyên nhân của thực trạng này.</p>	<p>CLO3</p>	<p>PP. Thuyết trình; PP. Thảo luận nhóm;</p>	<p>+ Chuẩn bị bài trước khi đến lớp</p> <p>+ Phát biểu ý kiến liên quan đến bài học</p> <p>+ Tự nghiên cứu những nội dung giáo viên yêu cầu</p>	

1. Thành tựu của nền khoa học và công nghệ VN.							
2. Những hạn chế, yếu kém của khoa học và công nghệ VN							
3. Nguyên nhân của thành tựu và hạn chế							

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

9.2.1. Rubric đánh giá chuyên cần

Stt	Tiêu chí đánh giá điểm chuyên cần	Mức điểm (thang điểm 10)
1	Đi học đúng giờ và tham gia đầy đủ 100% các buổi học trên lớp	10 điểm
2	Đi học muộn	Trừ 01 điểm
3	Nghỉ học	Trừ 02 điểm/ 01 buổi nghỉ

9.2.2. Rubric đánh giá điểm kiểm tra giữa kỳ:

Stt	Tiêu chí đánh giá điểm kiểm tra giữa kỳ	Mức điểm (thang điểm 10)
1	Trả lời đúng và đủ ý	09 điểm
2	Trình bày bài khoa học, chữ viết dễ đọc	01 điểm
	<i>Những học viên hăng hái phát biểu xây dựng bài trên lớp được cộng tối đa 03 điểm vào bài kiểm tra giữa kỳ.</i>	

9.2.3. Rubric đánh giá bài thi hoặc tiểu luận:

Stt	Tiêu chí đánh giá giá bài thi kết thúc học phần hoặc tiểu luận	Mức điểm (thang điểm 10)
1	Trả lời đúng và đủ ý	10 điểm

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Liên quan đến CLO nào ở bảng 4.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Điểm Chuyên cần	10%			R1		GV điểm danh học viên đầu buổi học
Điểm kiểm tra giữa kỳ	30%	Chương 1: Khái lược về triết học		R2	CLO3	GV ra đề bài kiểm tra 01 tiết cho học viên; bài làm viết tay không đánh máy
Điểm thi kết thúc học phần hoặc làm bài tiểu luận	60%	Chương 1,2,3,4		R3	CLO1 CLO2 CLO3	GV ra đề thi chẵn – lẻ, học viên làm bài thi tại lớp theo quy định. Trong trường hợp học viên làm bài Tiểu luận thì GV ra đề mở, yêu cầu học viên viết tay, không đánh máy bài làm.

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

9.5. Điểm học phần

- + Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của Điểm chuyên cần; Điểm kiểm tra giữa kỳ và Điểm thi kết thúc học phần (hoặc viết bài tiểu luận) theo Bảng 9.3.1
- + Điểm học phần phải đạt từ 5 điểm trở lên theo thang điểm 10 (làm tròn đến 0,5 điểm).

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính: Bộ Giáo dục và Đào tạo (2020), *Giáo trình Triết học* (dùng cho khối không chuyên ngành triết học trình độ đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ các ngành khoa học tự nhiên, công nghệ), NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.

10.2. Tài liệu tham khảo:

- Trần Văn Thụy (2013): *Triết học Lý luận và vận dụng*, NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh (2004), *Giáo trình Triết học Mác – Lênin*, NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

12. Cấp phê duyệt

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN



ĐOÀN QUANG HUY



ĐINH NGUYỄN AN

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH**

1. Thông tin tổng quát về học phần

- Tên học phần:
* Tiếng Việt: Tiếng Anh chuyên ngành
* Tiếng Anh: English for Medical Purposes
- Mã học phần: 312102
- Số tín chỉ: 03 TC
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 135 tiết
+ Lý thuyết: 45 tiết
+ Thực hành: 0 tiết
+ Kiểm tra, đánh giá: 0 tiết
+ Thời gian tự học: 90 tiết
- Đối tượng học (năm thứ): Chuyên khoa I ngành Châm cứu, năm thứ nhất
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Điều kiện tham gia học phần:
+ Học phần tiên quyết (đã học và thi đạt yêu cầu): Không
+ Học phần học trước (đã học): Không
+ Học phần song hành: Không có
- Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Ngoại ngữ

2. Thông tin về giảng viên

STT	Họ và tên	Điện thoại	Email
1	ThS. Doãn Thị Lan Anh	0904368503	anhminh0409@gmail.com
2	ThS. Phạm Ngân Hà	0983894482	phamnganha2703@gmail.com
3	TS. Phí Thị Việt Hà	0902222779	vietha79vatm@gmail.com
4	ThS. Nguyễn Thanh Hoa	0984328968	thanhhoa.nguyen1609@gmail.com
5	ThS. Nguyễn Văn Trang	0977670786	vantrang0609@gmail.com
6	ThS. Nguyễn Thị Thúy	0778489238	nguyenthithuyts.nguyen@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu: MT)

Học viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu
MT1 Kiến thức	Kiến thức ngôn ngữ về ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh trong lĩnh vực y khoa ở mức độ trung cấp để vận dụng trong giao tiếp chuyên ngành y khoa.
MT2 Kỹ năng	Kỹ năng Nghe, Đọc, Viết ở mức độ trung cấp trong các tình huống giao tiếp về chuyên ngành y khoa; khả năng truyền đạt vấn đề và đưa ra quan điểm của bản thân; khả năng tư duy phân biện; kỹ năng thuyết trình, tổ chức làm việc theo cặp, theo nhóm hiệu quả.
MT3 Năng lực tự chủ và trách nhiệm	Thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	(1)	(2)	(3)
MT1		√	
MT2		√	
MT3		√	

4. Chuẩn đầu ra (CDR) của học phần (ký hiệu: CLO)

Ký hiệu CDR	Nội dung CDR HP (CLO)
CLO1	Vận dụng được từ vựng tiếng Anh chuyên ngành y khoa theo các chủ điểm: Chẩn đoán bệnh, khai thác bệnh sử, giải thích các xét nghiệm và quy trình y tế cho bệnh nhân, điều trị cho bệnh nhân, đưa ra lời khuyên, giải thích trường hợp bệnh cho người thân, giải thích nguyên nhân và phương pháp điều trị, hướng dẫn xuất viện và trấn an người bệnh & người nhà bệnh nhân, xử lý bệnh nhân nguy kịch, mô tả và xác định nguyên nhân gây đau, thông báo tin xấu, hỗ trợ phục hồi và chăm sóc dài hạn, giao tiếp với người nhà bệnh nhân, giải thích kết quả xét nghiệm cho bệnh nhân và thân nhân, giải thích các điều kiện chăm sóc dài hạn và đưa ra hướng dẫn về vật lý trị liệu, giới thiệu bệnh nhân chuyển viện, đưa ra lời khuyên sau phẫu thuật, v.v. vào học tập, tìm hiểu, trao đổi và nghiên cứu chuyên môn.
CLO2	Vận dụng được các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết ở mức độ trung cấp, kiến thức và từ vựng ở các chủ điểm: Chẩn đoán bệnh, khai thác bệnh sử, giải thích các xét nghiệm và quy trình y tế cho bệnh nhân, điều trị cho bệnh nhân, đưa ra lời khuyên, giải thích trường hợp bệnh cho người thân, giải thích nguyên nhân và phương pháp điều trị, hướng dẫn xuất viện và trấn an người bệnh & người nhà bệnh nhân, xử lý bệnh nhân nguy kịch, mô tả và xác định nguyên nhân gây đau, thông báo tin xấu, hỗ trợ phục hồi và chăm sóc dài hạn, giao tiếp với người nhà bệnh nhân, giải thích kết quả xét nghiệm cho bệnh nhân và thân nhân, giải thích các điều kiện chăm sóc dài hạn và đưa ra hướng dẫn về vật lý trị liệu, giới thiệu

	bệnh nhân chuyển viện, đưa ra lời khuyên sau phẫu thuật, v.v. vào các hoạt động giao tiếp bằng tiếng Anh.
CLO3	Vận dụng các kỹ năng thuyết trình, kỹ năng làm việc theo cặp và nhóm vào thảo luận và trình bày các vấn đề liên quan đến bài học một cách hiệu quả bằng tiếng Anh.

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

Bảng 5.1. Mối liên hệ của CDR HP (CLO) đến CDR của CTĐT (PLO)

PLO	1	2	3	4	5	6	7	8	9
CLO1		2						1	
CLO2		2						1	
CLO3		2					1		

6. Yêu cầu của học phần

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết:

- Giáo trình, tài liệu tham khảo như mục 10.1 và 10.2
- Máy chiếu, máy tính, loa, đài, mic, phấn, bảng ...

6.1.2. Lâm sàng:

6.1.3. Thực hành:

6.2. Yêu cầu đối với học viên

- Học viên phải có giáo trình.
- Học viên phải tự đọc tối thiểu đầy đủ tài liệu học tập (tại mục 10) để đảm bảo kết quả thi kết thúc học phần với kiến thức có trong giáo trình, trong tài liệu tham khảo và kiến thức cập nhật mới.
- Dự lớp học lý thuyết: Học viên có trách nhiệm tham gia đầy đủ các buổi học và các hoạt động học tập tại lớp; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.
- Bài tập/Thực hành/ thảo luận: Thực hiện đầy đủ bài thảo luận được giao.
- Tự học: Chủ động tổ chức giờ tự học bao gồm: Ôn bài học trước, chuẩn bị cho bài học mới theo tên bài kèm nội dung ghi tại mục 8, tự học phần tự đọc được giao, thời gian ôn tập phục vụ cho các bài thảo luận/kiểm tra/thi kết thúc học phần (các hình thức ghi tại mục 9.3); Đảm bảo thời gian tự học theo quy định.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự lý thuyết tối thiểu đạt 80 %. Hoàn thành bài kiểm tra thường xuyên.

7. Mô tả chung học phần

Học phần **Tiếng Anh chuyên ngành** gồm 05 nội dung lớn, với tổng số 30 bài học. Mỗi nội dung bài học bao gồm các phần ngữ pháp, từ vựng, ngữ âm và thực hành Nghe, Nói, Đọc, Viết về lĩnh vực y khoa.

Mục đích của học phần TACN là trang bị cho học viên ngôn ngữ và kỹ năng sống mà họ cần để thực hiện mục tiêu nghề nghiệp của họ, đồng thời cung cấp nhiều cơ hội cho học viên xây dựng nhận thức và thực hành ngôn ngữ trong các tình huống thực tế. Phương pháp tiếp cận kỹ năng tích hợp của học phần TACN này giúp phát triển sự tự tin của học viên để tồn tại và thành công trong các cuộc gặp gỡ chuyên nghiệp và xã hội trong một cộng đồng toàn cầu nói tiếng Anh. Học phần TACN cung cấp các cơ hội cho học viên chuẩn bị cho sự nghiệp tương lai của họ bằng cách thực hành các kỹ năng tiếng Anh trong các tình huống liên quan đến công việc mà họ đang và sẽ thực hiện. Các kỹ năng và ngôn ngữ sử dụng trong các tình huống cụ thể bao gồm: Chẩn đoán bệnh, tạo cảm giác thoải mái cho bệnh nhân khi khai thác bệnh sử, viết tiền sử bệnh cách đặt câu hỏi mở, cách trình bày trường hợp, giải thích các xét nghiệm và quy trình y tế cho bệnh nhân, điều trị cho bệnh nhân, đưa ra lời khuyên, giải thích trường hợp bệnh cho người thân, giải thích nguyên nhân và phương pháp điều trị, hướng dẫn xuất viện và trấn an người bệnh & người nhà bệnh nhân, xử lý bệnh nhân nguy kịch, mô tả và xác định nguyên nhân gây đau, nhận biết và áp dụng ngữ điệu hỗ trợ, thông báo tin xấu, hỗ trợ phục hồi và chăm sóc dài hạn, giao tiếp với người nhà bệnh nhân, giải thích kết quả xét nghiệm cho bệnh nhân và thân nhân, giải thích các điều kiện chăm sóc dài hạn và đưa ra hướng dẫn về vật lý trị liệu, giới thiệu bệnh nhân chuyển viện, đưa ra lời khuyên sau phẫu thuật...

Thông qua hoạt động học tập, học viên còn được rèn luyện và phát triển các phẩm chất cần thiết như khả năng tự học, tự tìm hiểu kiến thức, biết chia sẻ thông tin với người khác.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phân, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi	Các nội dung cơ bản của bài học	Số tiết (LT/KT /TH)	CDR của bài học	Lquan đến CDR nào ở bảng 5.1	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV (*)	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	<p>Nội dung 1: Making a diagnosis Lesson 1: So, what can I do for you Lesson 2: When did the problem begin Lesson 3: I'd like to examine you Lesson 4: What's the diagnosis Lesson 5: Let me explain your diet Lesson 6: To put it more simple Team Project 1</p>	9/0/18	Vận dụng các kỹ năng, cấu trúc ngôn ngữ và từ vựng, thuật ngữ tiếng Anh để phát triển kỹ năng giao tiếp hiệu quả trong việc chẩn đoán, tương tác với bệnh nhân và truyền đạt thông tin một cách hiệu quả trong lĩnh vực y học và chăm sóc sức khỏe.	CLO1 CLO2 CLO3	1. Thuyết trình, hướng dẫn, làm mẫu 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề	1. Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên. 2. Nghe (băng, giảng), ghi chép, đặt câu hỏi 3. suy nghĩ - trả lời 4. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép	
	<p>Nội dung 2: Working under pressure Lesson 1: If you are not sure, ask Lesson 2: He'll be fine, Mr Slenkovich</p>	9/0/18	Vận dụng các kỹ năng, cấu trúc ngôn ngữ, từ vựng, thuật ngữ trong diễn đạt tiếng Anh để phát	CLO1 CLO2 CLO3	1. Thuyết trình, hướng dẫn, làm mẫu	1. Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn	

	<p>Lesson 3: Has he ever fainted before</p> <p>Lesson 4: I'd like to ask you a few questions</p> <p>Lesson 5: We need to take a sample</p> <p>Lesson 6: Can I explain the procedure</p> <p>Team Project 2</p>		<p>triển kỹ năng giao tiếp hiệu quả và làm việc dưới áp lực, bảo đảm an toàn và hiệu quả trong tình huống khẩn cấp trong ngữ cảnh y tế.</p>		<p>2. Động não</p> <p>3. Giải quyết vấn đề</p>	<p>của giảng viên.</p> <p>2. Nghe (băng, giảng), ghi chép, đặt câu hỏi</p> <p>3. suy nghĩ - trả lời</p> <p>4. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép</p>	
<p>Nội dung 3: Breaking bad news</p> <p>Lesson 1: Can you describe the pain</p> <p>Lesson 2: It's how you say it</p> <p>Lesson 3: It's getting you down, isn't it</p> <p>Lesson 4: We need a psychiatric evaluation</p> <p>Lesson 5: It might be multiple sclerosis</p> <p>Lesson 6: I'm afraid to say that...</p> <p>Team Project 3</p>	<p>9/0/18</p>	<p>Vận dụng các kỹ năng ngôn ngữ và từ vựng và thuật ngữ chuyên ngành bằng tiếng Anh phát triển kỹ năng giao tiếp hiệu quả trong các tình huống nhạy cảm khi truyền đạt tin tức xấu trong lĩnh vực y học hoặc chăm sóc sức khỏe.</p>	<p>CLO1 CLO2 CLO3</p>	<p>1. Thuyết trình, hướng dẫn, làm mẫu</p> <p>2. Động não</p> <p>3. Giải quyết vấn đề</p>	<p>1. Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.</p> <p>2. Nghe (băng, giảng), ghi chép, đặt câu hỏi</p> <p>3. suy nghĩ - trả lời</p> <p>4. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép</p>		
	<p>Nội dung 4: Calling in the Stroke Team</p> <p>Lesson 1: She can hardly speak</p> <p>Lesson 2: How many fingers can</p>	<p>9/0/18</p>	<p>Vận dụng các kỹ năng ngôn ngữ và từ vựng và thuật ngữ chuyên ngành bằng</p>				

	<p>you see</p> <p>Lesson 3: We need to run a few more tests</p> <p>Lesson 4: What medication would you prescribe</p> <p>Lesson 5: Let's decide your rehabilitation plan</p> <p>Lesson 6: I'm going to teach you some exercises</p> <p>Team Project 4</p>		<p>tiếng Anh để phát triển kỹ năng giao tiếp hiệu quả trong việc nhận biết, chẩn đoán và chăm sóc bệnh nhân sau đột quỵ trong lĩnh vực y học hoặc chăm sóc sức khỏe.</p>			
<p>Nội dung 5: Referring a patient</p> <p>Lesson 1: I can't put up with the pain</p> <p>Lesson 2: Thank you for referring the patient</p> <p>Lesson 3: Let's examine your mouth</p> <p>Lesson 4: Follow the postoperative advice</p> <p>Lesson 5: Your test results are back</p> <p>Lesson 6: You are very lucky</p> <p>Team Project 5</p>	9/0/18	<p>Vận dụng các kỹ năng ngôn ngữ, từ vựng và thuật ngữ chuyên ngành bằng tiếng Anh để phát triển kỹ năng giao tiếp hiệu quả trong quá trình giới thiệu bệnh nhân đến các chuyên gia hoặc chuyên khoa khác nhau trong hệ thống chăm sóc sức khỏe.</p>				
<p>Thi kết thúc học phần</p>	2 tiết (90 phút)				<p>Gồm 80 câu trắc nghiệm và 01 câu tự luận, nội dung bao quát toàn bộ chương trình.</p>	

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm thi kết thúc học phần	100%	Bài thi cuối kỳ: Thi trắc nghiệm và tự luận trên giấy	01 Bài thi kết thúc học phần	100%	Không	CLO1 CLO2 CLO3	Theo KH của Học viện

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

9.5. Điểm học phần

Điểm học phần là Điểm thi kết thúc học phần (Điểm đánh giá cuối kỳ) theo bảng 9.3.1.

Công thức điểm học phần:

Điểm đạt khi: Điểm thi kết thúc học phần từ 5 điểm trở lên theo thang điểm 10.

10. Tài liệu học tập

10.1. Giáo trình học tập:

1. Martin Milner (2006). *English for Health Sciences: Professional English*. Thomson Press

10.2. Tài liệu tham khảo:

1. Eric H. Glendinning, Ron Howard (2009). *Professional English in use – Medicine*. NXB Đồng Nai.

2. Sam McCarter. *Medicine 1 (Student's Book) - Essential skills for doctor-patient communication*. Oxford University

3. Steve Hart (2015). *Writing in English for the Medical Sciences: A Practical Guide*. CRC Press.

4. Phạm Ngọc Trí (2008). *Từ Điển Y Học Anh Việt*. NXB Y Học.

5. Vương Thị Thu Minh (2012). *Tiếng Anh chuyên ngành*. NXB Giáo dục Việt Nam.

Và các websites chuyên ngành.

11. Hướng dẫn thực hiện

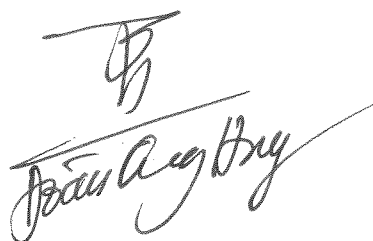
- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho học viên vào buổi học đầu tiên của học phần.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

✓ Học viên thực hiện đầy đủ và trung thực các nhiệm vụ học tập, kiểm tra, đánh giá theo Đề cương chi tiết học phần và hướng dẫn của giảng viên giảng dạy học phần.

12. Cấp phê duyệt

TRƯỞNG KHOA

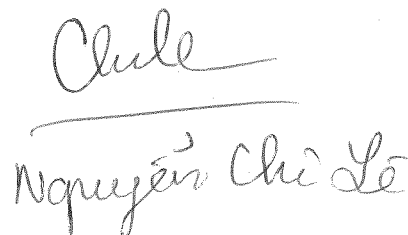
(Ký, ghi rõ họ tên)



Hà Nội, ngày tháng năm 2023

BỘ MÔN NGOẠI NGỮ

(Ký, ghi rõ họ tên)



13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1:	Người cập nhật Doãn Thị Lan Anh
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TIẾNG TRUNG CHUYÊN NGÀNH**

Chuyên ngành: Châm cứu và Phương pháp không dùng thuốc
Trình độ: Bác sỹ Chuyên khoa I

1 Thông tin chung về Học phần

- Tên Học phần: Ngoại ngữ
- * Tiếng Việt: **Tiếng Trung chuyên ngành**
- * Tiếng Anh: Chinese for Medical Purposes
- Mã Học phần:
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Năm thứ nhất – CK1 Châm cứu
- Vị trí của Học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				
Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và luận văn <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 75 tiết
- * Lý thuyết: 30 tiết
- * Bài tập/Thảo luận/Hoạt động nhóm: 20 tiết
- * Thực hành: 25 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Ngoại ngữ

2. Mục tiêu của Học phần

Học viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu	CDR của CTĐT	Mức độ
MT1	Vận dụng được các cấu trúc tiếng Trung, vốn từ vựng phổ thông và thuật ngữ dược học cổ truyền.		
MT2	Kỹ năng Nghe, Đọc, Viết ở mức độ trung cấp và trên trung cấp thông qua việc tiếp cận tình huống giao tiếp, ứng xử cụ thể và xác thực trong môi trường chuyên ngành y dược học cổ truyền và châm cứu; khả năng truyền đạt vấn đề và đưa ra quan điểm của bản thân; kỹ năng tư duy phản biện; khả năng tự học, kỹ năng làm việc cá nhân, làm việc theo cặp, theo nhóm hiệu quả.		
MT3	Thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.		

3. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CDR)

Mục tiêu	CDR của HP	Mô tả mục tiêu	CDR của CTĐT
MT1	CDR1	Từ vựng: Nhận biết các thuật ngữ về y học cổ truyền, châm cứu bằng tiếng Trung, liệt kê các thuật ngữ châm cứu đến các chủ đề bài học. Vận dụng được các thuật ngữ về y học cổ truyền và thuật ngữ châm cứu bằng tiếng Trung và các cấu trúc ngữ pháp liên quan trong nhiều tình huống khác nhau trong môi trường y khoa thông qua hoạt động thảo luận cặp, nhóm, phát biểu ý kiến trước lớp, thuyết trình một bài nói có chuẩn bị trước hoặc một bài viết về một lĩnh vực liên quan đến nội dung bài học.	
	CDR2	Phát âm: Diễn đạt được các hình thức phát âm đối với các câu hỏi, câu hỏi ngắn, trọng âm, ngữ điệu lên/xuống trong câu, và nhấn âm từ và câu.	
	CDR3	Ngữ pháp:	

Kiến thức		<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết về cách sử dụng động từ, tính từ, giới từ, liên từ, kết cấu cố định. - Nhận biết các cấu trúc câu trong đọc, viết. 	
	CDR4	<p>Kiến thức nền và kỹ năng nghề nghiệp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận diện các kiến thức nền, kỹ năng nghề nghiệp trong thực hành dược y học cổ truyền, các giá trị văn hóa trong giao tiếp của môi trường y khoa. - Nhận diện được những kiến thức về văn hóa, lịch sử về Châm cứu và những tài liệu chuyên môn gắn liên quan đến Y học cổ truyền. 	
MT2 Kỹ năng	CDR5	Kỹ năng Nghe: Nhận biết thông tin chính và chi tiết và hiểu được những bài nói tương đối dài, các cuộc tranh luận, trao đổi về các vấn đề trong chuyên ngành châm cứu y học cổ truyền.	
	CDR6	Kỹ năng Nói: Sử dụng chính xác các thuật ngữ chuyên ngành trong các hoạt động giao tiếp trong môi trường y khoa; có khả năng thuyết trình độc lập hoặc tiến hành thảo luận theo nhóm.	
	CDR7	Kỹ năng Đọc: Vận dụng đúng kỹ năng đọc lướt, đọc kỹ, đọc tốc độ nhanh, hiểu chi tiết các văn bản dài, phức tạp có khối lượng từ vựng phong phú về lĩnh vực y học cổ truyền và châm cứu.	
	CDR8	Kỹ năng Viết: Vận dụng đúng các phong cách ngôn ngữ viết khác nhau đối với các loại hình văn bản khác nhau như viết tóm tắt thông tin, viết tóm tắt một bài báo, viết email, viết miêu tả quy trình, viết đơn xin việc hoặc đơn xin tham dự khóa đào tạo... để tạo ra các bài viết chi tiết, rõ ràng, bố cục chặt chẽ làm nổi bật được những ý quan trọng, hỗ trợ các lập luận bằng các bằng chứng, ví dụ cụ thể, dẫn đến kết luận phù hợp.	
MT3 Năng lực tự chủ và	CDR9	<p>Có khả năng làm việc độc lập, hỗ trợ nhau trong quá trình làm việc nhóm có thái độ hợp tác trong ứng xử, giao tiếp với mọi người.</p> <p>Có khả năng sáng tạo trong học tập và nghiên cứu. Chủ động tìm hiểu, nghiên cứu các nội</p>	

trách nhiệm		dung, chủ đề liên quan đến chuyên ngành y khoa.	
--------------------	--	---	--

4. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần

Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra học phần (CDR)								
	1	2	3	4	5	6	7	8	9
第一课: 针灸	√	√	√	√		√	√	√	√
第二课: 王惟一和针灸铜人	√	√	√	√		√	√	√	√
第三课: 针刺疗法	√	√	√	√		√	√	√	√
第四课: 耳针疗法	√	√	√	√		√	√	√	√
第五课: 灸灼疗法	√	√	√	√		√	√	√	√
第六课: 推拿	√	√	√	√		√	√	√	√
第七课: 俞穴	√	√	√	√		√	√	√	√
第八课: 复习 Ôn tập	√	√	√	√		√	√	√	√

5. Mô tả học phần

Học phần Tiếng Trung chuyên ngành (TTCN) được xây dựng với 07 đơn vị bài học. Các bài giảng nhằm cung cấp những kiến thức tiếng Trung trong lĩnh vực y học cổ truyền và thuật ngữ châm cứu, xoa bóp, bấm huyệt. Mỗi bài gồm 5 phần: (1) Từ mới (30-40 từ); (2) Bài khóa là những kiến thức chuyên ngành y học cổ truyền, châm cứu và xoa bóp châm cứu; (3) Ví dụ về cách sử dụng từ (5-7 từ/cấu trúc); (4) Chú thích, gồm từ ngữ thông thường, thuật ngữ chuyên ngành, các cấu trúc liên quan (3-7 từ ngữ/cấu trúc); (5) Bài tập, gồm: Viết chữ Hán cho các phiên âm, Đọc các cụm từ, Điền từ vào ô trống, Hoàn thành câu bởi những từ cho sẵn, Dùng cấu trúc đặt câu, Dựa vào bài khóa để trả lời câu hỏi.

Mục đích của học phần TTCN là trang bị cho học viên ngôn ngữ và kỹ năng để thực hiện mục tiêu nghề nghiệp của họ, đồng thời cung cấp nhiều cơ hội cho học viên xây dựng nhận thức và thực hành ngôn ngữ trong các tình huống thực tế. Phương pháp tiếp cận kỹ năng tích hợp của học phần TTCN này giúp phát triển sự tự tin trong việc sử dụng ngoại ngữ tiếng Trung. Học phần TTCN rèn luyện các kỹ năng, có kiến thức về: Tác dụng điều trị bằng châm cứu; giới thiệu châm cứu đồng nhân; phương pháp điều trị bằng châm; phương pháp điều trị bằng nhĩ châm; phương pháp điều trị bằng giác hơi; tác dụng của xoa bóp bấm huyệt trong điều trị bệnh; tìm hiểu du huyệt.

6. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy và học				Tự học (giờ)	Yêu cầu với học viên
	Lên lớp (tiết)					
	LT	T H	BT/ TL	Tổng		
第一课：针灸 Bài 1: Châm cứu 一、生词：35 个生词；3 个专名 二、课文：《针灸》 三、词语用法举例：1、包括； 2、为...所...；3、对于；4、通过；5、一定 四、注释：1、为...所...；2、对于；3、通过；4、对其他国家的医疗保健事业也做出了一定的贡献 五、练习	4	3	3	13	12	- Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm. - Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
第二课：王惟一和针灸铜人 Bài 2: Vương Duy Nhất và Châm cứu Đồng nhân 一、生词：37 个生词 二、课文：《王惟一和针灸铜人》 三、词语用法举例：1、关于； 2、进一步；3、说明；4、进行..... 四、注释：1、关于 2、某；3、进行 五、练习	4	3	3	13	12	- Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm. - Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
第三课：针刺疗法 Bài 3: Điều trị bằng châm cứu 一、生词：36 个生词 二、课文：《针刺疗法》 三、词语用法举例：1、适当； 2、不断；3、根据；4、用来.....；5、.....,再.....	4	3	3	13	12	- Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm. - Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn

四、注释：1、不断 2、根据； 3、.....用来..... 五、练习						bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
第四课：耳针疗法 Bài 4: Điều trị bằng nhĩ châm 一、生词：34 个生词 二、课文：《耳针疗法》 三、词语用法举例：1、为.....而...； 2、联系；3、反应；4、各 四、注释：1、为.....而...； 2、反应；3、双；4、生了一场很重的眼病；5、.....在两只耳朵的耳垂上各扎了一针；6、一般说来 五、练习	4	3	3	13	12	- Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm. - Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của GV.
第五课：灸灼疗法 Bài 5: Điều trị bằng giác hơi 一、生词：34 个生词 二、课文：《灸灼疗法》 三、词语用法举例：1、不仅；2、从而；3、有关；4、只是；5、这样 四、注释：1、不仅； 2、从而；3、有关；4、只是 五、练习	4	3	3	13	18	- Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm. - Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của GV.
第六课：推拿 Bài 6: Xoa bóp 一、生词：35 个生词 二、课文：《推拿》 三、词语用法举例：1、称；2、必须； 3、既.....又（也）.....；4、对.....来说 四、注释：1、称；2、既.....又（也）.....；3、对.....来说 五、练习	4	4	3	13	12	- Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm. - Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của GV.

第七课: 俞穴 Bài 7: Du huyết 一、生词: 37个生词 二、课文: 《俞穴》 三、词语用法举例: 1、大体(上); 2、不外(乎); 3、实际(上); 4、本 四、注释: 1、大体; 2、不外; 3、该穴所在部位; 4、.....数百个; 5、本经 五、练习	4	4	2	13	12	- Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm. - Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của GV.
第八课: 复习 Ôn tập	2	2	0	6	6	
Tổng cộng	30	25	20	75	90	

7. Tài liệu học tập

Tài liệu chính: 王砚农、阎德早主编, 《中医汉语(下)》, 北京语言文化大学出版社, 1999年

Tài liệu tham khảo

1. 罗根海、薄彤主编, 《实用中医汉语》, 外语教学与研究出版社, 2010年。
2. 高学敏主编, 《中药学》(新世纪全国高等中医药院校规划教材), 中国中医药出版社, 2007年。
3. 高学敏主编, 《方剂学》(新世纪全国高等中医药院校规划教材), 中国中医药出版社, 2007年。

8. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết (dự kiến)

Tuần/ Buổi	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
1	4		3	3		7.5
2	4		3	3		7.5
3	4		3	3		7.5
4	4		3	3		7.5
5	4		3	3		7.5
6	4		3	4		7.5
7	4		2	4		7.5
8	2		0	2		7.5

Tổng	30		20	25		90
-------------	-----------	--	-----------	-----------	--	-----------

9. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

- Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình <input checked="" type="checkbox"/>	Động não <input checked="" type="checkbox"/>	Từng cặp /Chia sẻ <input checked="" type="checkbox"/>
Học dựa trên vấn đề <input checked="" type="checkbox"/>	Hoạt động nhóm <input checked="" type="checkbox"/>	Đóng vai <input checked="" type="checkbox"/>
Học dựa vào dự án <input checked="" type="checkbox"/>	Mô phỏng <input checked="" type="checkbox"/>	Nghiên cứu tình huống <input checked="" type="checkbox"/>

Thực hiện luận văn/ thực hành/thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp học viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CDR1 đến CDR9.

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp học viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ CDR1 đến CDR9.

- Hướng dẫn học viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp học viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CDR1 đến CDR9.

- Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy trực tuyến sử dụng các nền tảng ứng dụng Zoom, Microsoft Team, Google Meeting, Google Forms...

10. Yêu cầu của các giảng viên đối với học phần

❖ *Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần:*

Yêu cầu chung:

- Giảng viên lên lớp đúng giờ theo quy định về giờ giảng của Học viện.
- Giảng viên thực hiện giảng dạy theo đúng lịch trình và nội dung trong Kế hoạch giảng dạy đã được Bộ môn phê duyệt.
- Giảng viên có trách nhiệm cung cấp giáo trình, tài liệu giảng dạy...theo nội dung bài giảng trong Kế hoạch giảng dạy cho học viên trước khi lên lớp 1 ngày.
- Giảng viên lên lớp buổi đầu tiên có trách nhiệm:
 - + Gửi cho lớp trưởng/đại diện lớp hai văn bản sau: (1) Kế hoạch giảng dạy của học phần môn học; (2) Quy định về quản lý lớp học đối với sinh viên.
 - + Đảm bảo sinh viên được nhận đủ các thông tin và quy định về môn học.
- Về việc điểm danh sinh viên:
 - ✓ Giảng viên có trách nhiệm thực hiện điểm danh học viên trong mỗi buổi học theo Thời khóa biểu, triển khai và quản lý lớp học theo đúng nội dung trong hai văn bản nói trên;
 - ✓ Giảng viên có trách nhiệm tổng hợp số buổi nghỉ của học viên (có phép/không phép) và nộp lại danh sách điểm danh cho giáo vụ/giảng viên phụ trách điểm khối

đó sau khi kết thúc buổi giảng cuối cùng theo Lịch trình/Kế hoạch giảng dạy để làm cơ sở xét điều kiện dự thi kết thúc học phần;

- ✓ Giảng viên có trách nhiệm thông báo trước lớp những học viên đủ/không đủ điều kiện dự thi trong buổi học cuối cùng của học phần môn học;
- ✓ Các giảng viên tham gia giảng dạy cùng một lớp cần phối hợp với nhau trong việc điểm danh học viên (thời gian, số lần điểm danh trong một buổi học...), đảm bảo sự nhất quán trong cách thực hiện.

Yêu cầu đối với hình thức học trực tuyến

- Giảng viên có trách nhiệm thông báo cho lớp trưởng/đại diện lớp những thông tin cần thiết khi tham gia lớp học trực tuyến như: tài khoản đăng nhập, mật khẩu đăng nhập, thời gian đăng nhập...trước buổi học ít nhất 30 phút.

- Các giảng viên tham gia dạy cùng một lớp thống nhất với nhau về việc thông báo cho học viên thời gian bắt đầu mở phòng học, đảm bảo giờ học bắt đầu đúng quy định.

- Giảng viên đề nghị lớp trưởng/đại diện lớp cùng phối hợp trong việc điểm danh học viên bằng hình thức chụp màn hình và gửi lại cho giảng viên trước khi kết thúc buổi học 15 phút.

❖ *Yêu cầu của giảng viên đối với học viên*

- Dự lớp: Học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học với lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ minh chứng đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Học viên phải đi học đúng giờ quy định.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại (đối với giờ học trực tiếp), máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm.

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên;

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80%.

Học viên phải hoàn thành các bài tập và đạt điểm 4/10 trở lên, tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với các bài kiểm tra trên lớp.

- Trong quá trình học, học viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

11. Phương pháp đánh giá học phần

❖ *Thang điểm và cách tính điểm đánh giá*

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành (đối với chương trình đào tạo Chuyên khoa 1).

❖ *Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm*

❖ *Điểm đánh giá quá trình: 0% nhưng là điều kiện để cho phép tham gia làm bài thi kết thúc HP.*

- Hình thức đánh giá: Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm
Bài tập lớn Thực hành Khác

Điểm thi kết thúc Học phần: Trọng số 100 %

- Hình thức thi: Tự luận Trắc nghiệm
Thực hành Vấn đáp

Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Đánh giá chuyên cần	0%	Dự lớp tối thiểu đạt 80% tổng số thời lượng của học phần.	
2	Điểm thi kết thúc học phần			
	Trắc nghiệm và tự luận trên giấy	100%	- Nhận diện và phân biệt được từ vựng và cấu trúc ngữ pháp đã học. - Vận dụng toàn bộ kiến chuyên môn và kiến thức ngôn ngữ đã học để hoàn thành bài thi.	CĐR1 đến CĐR9

Điểm học phần

Điểm học phần là Điểm thi kết thúc học phần (Điểm đánh giá cuối kỳ).

❖ **Hướng dẫn thực hiện**

- Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho học viên vào buổi học đầu tiên của học phần.

- Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN:
TIN HỌC ỨNG DỤNG**

3

1. Thông tin chung về Học phần/ Môn học

- Tên Học phần/ Môn học:

*Tiếng Việt: Tin học ứng dụng

* Tiếng Anh: Applied Informatics

- Mã Học phần/ Môn học: 312103

- Số tin chi: 2TC(0,5LT/1,5TH)

+ Lý thuyết: 08 tiết

+ Thực hành: 45 tiết

+ Kiểm tra, đánh giá: tiết

+ Thời gian tự học: tiết

- Đối tượng học: Chuyên Khoa I ngành Chăm cứu

- Vị trí của Học phần/ Môn học trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp				
Kiến thức cơ sở ngành		Kiến thức ngành		Thực tập và luận văn
Bắt buộc	<input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn	<input type="checkbox"/>	
<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

- Điều kiện tham gia học phần:

+ Học phần tiên quyết: Tin học đại cương và ứng dụng

+ Học phần học trước: Tin học đại cương và ứng dụng

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Toán – Tin học

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	ThS.Nguyễn Văn Tuyết	0989125443	nguyenvantuyetdt@gmail.com
2	ThS.Bùi Thị Lan Anh	0986560899	lanem79vatm@gmail.com

3	ThS.Hoàng Thị Thu Hằng	0966346054	hoangthuhang2183@yahoo.com
4	ThS.Nguyễn Thị Ngọc Tú	0968250986	nguyentukhaothi@gmail.com
5	ThS.Nguyễn Thị Tuyết Trinh	0972520152	Trinhnt83@gmail.com
6	ThS.Nguyễn Minh Hiền	0918356602	hienloveu2101@gmail.com
7	ThS.Nguyễn Văn Đức	0976925034	nguyenducvatm@gmail.com

3. Mục tiêu của Học phần/ Môn học

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT HP1	Tìm hiểu hệ thống mạng LAN và Internet(Nâng cao).
MT HP2	Tìm kiếm thông tin y tế trực tuyến trên Google, Opacs, các Website uy tín của Việt Nam và nước ngoài, khai thác 1 số tính năng chuyên sâu của Google (Google drive, google translate,...), đặc biệt trong đó có Google form để tạo ra bảng hỏi sử dụng rất hữu dụng cho các công việc phục vụ nghiên cứu khoa học và phần mềm thống kê.
MT HP3	Sử dụng chương trình Power Point nâng cao để tạo slide, chèn (hình ảnh, video, biểu đồ, sơ đồ...), tạo hiệu ứng, trình chiếu, thuyết minh vào đề tài, luận văn.

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	(1)	(2)	(3)	(4)
MT HP1			1	
MT HP2			2	
MT HP3			2	1

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Trang bị cho sinh viên các kiến thức nâng cao về mạng LAN, tìm kiếm tài liệu tham khảo trên Google nâng cao, các trang web chuyên dụng trong và ngoài nước, chương trình trình chiếu Power Point.

CLO2	Cung cấp cho sinh viên kỹ năng nâng cao về tìm kiếm thông tin y tế trực tuyến trên Google, Opacs, các Website uy tín của Việt Nam và nước ngoài, khai thác 1 số tính năng chuyên sâu của Google(Google drive, Google translate,...), đặc biệt trong đó có Google form để tạo ra bảng hỏi sử dụng rất hữu dụng cho các công việc phục vụ nghiên cứu khoa học và phần mềm thống kê.
CLO3	Sử dụng chương trình Power Point nâng cao để tạo slide, chèn (hình ảnh, video, biểu đồ, sơ đồ...), tạo hiệu ứng, trình chiếu, thuyết minh vào đề tài, luận văn.
CLO4	Có nhận thức đúng đắn về vai trò quan trọng của công nghệ thông tin từ đó có thái độ nghiêm túc trong quá trình học tập, nghiên cứu khoa học và ứng dụng vào thực hành nghề nghiệp

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

Bảng 5.1.Mối liên hệ của CDR HP (CLO) đến CDR của CTĐT (PLO)

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
CLO 1		2							
CLO 2		2							
CLO 3		2					1		
CLO 4								2	2

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết:

Phòng giảng dạy lý thuyết có đầy đủ các thiết bị như: Giáo trình, tài liệu tham khảo như mục 10.1 và 10.2

Máy tính, máy chiếu, loa, mic, kết nối Internet.

6.1.3. Thực hành:

Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1.	Phòng thực hành Tin học 405
2.	Máy vi tính: 61 MT China Core I3 CMS, màn hình CMS 22
3.	Bảng tương tác thông minh: 01 bảng FX-79E1 HITACHI China
4.	Hệ thống tủ mạng: 01 tủ mạng, 02 switch, 02 cáp AMP, 01 hộp mạng.

6.2. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải có tài liệu học tập (giáo trình và các tài liệu tham khảo tại lục 10).
- Dự lớp học lý thuyết: Sinh viên có trách nhiệm tham gia đầy đủ các buổi học và các hoạt động học tập tại lớp; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.
- Bài tập/thực hành/ thảo luận: Thực hiện đầy đủ các bài thực hành; chuẩn bị lý thuyết trước khi đến thực hành.
- Tự học: Chủ động tổ chức giờ tự học; Xem bài học trước và chuẩn bị cho bài học học mới; Đảm bảo thời gian tự học theo quy định.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự lý thuyết tối thiểu đạt 80 %. Tham gia và đạt 100% bài thực hành. Bài kiểm tra thường xuyên phải từ 4 điểm trở lên (thang điểm 10).

7. Mô tả chung học phần/ mô đun

Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức, kỹ năng về Tin học ứng dụng trong thực hành nghề nghiệp cụ thể là: về mạng LAN, các cách tìm kiếm tài liệu tham khảo về y học trên Google, Opacs nhanh chóng, hiệu quả, chính xác, tin cậy; Tìm kiếm trên các Website nổi tiếng, uy tín, chuyên sâu về ngành y dược của Việt Nam và thế giới; Khai thác 1 số tính năng hữu ích của Google Drive, trong đó có Google form để tạo ra bộ câu hỏi sử dụng cho nghiên cứu khoa học; Sử dụng phần mềm Power Point nâng cao để tạo ra các slide sinh động giúp cho việc trình chiếu, thuyết minh đề tài, luận văn.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (... tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/K T/ Tự học)	CĐR của bài học (chương)/ chủ đề	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	PP giảng dạy đạt CĐR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	I. Hệ thống mạng LAN & Internet	1.5/0/3		CLO1			

Buổi 1 (1.5tiết)	1. Hệ thống mạng LAN	0.5	- Học viên vận dụng kiến thức nâng cao để chia sẻ và sử dụng tài nguyên trên hệ thống mạng LAN và Internet		1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề	1. Đọc quyền giáo trình Tin học ứng dụng, cho học viên CK1: <i>trang3-29</i> 2. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 3. suy nghĩ - trả lời, lắng nghe ghi chép	Không
	2. Hệ thống mạng Internet	1					
	II. Tìm kiếm và sử dụng thông tin	2/0/4		CLO1			
Buổi 1 (2tiết)	1. Các loại OPACs.	1	Học viên biết địa chỉ kho lưu trữ dữ liệu trực tuyến như sách, bài báo và tài liệu tham khảo khác chuyên ngành Y, dược		1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề	1. Đọc quyền giáo trình Tin học ứng dụng, cho học viên CK1: <i>trang 31-40.</i> 2. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 3. suy nghĩ - trả lời, lắng nghe ghi chép	Không
	2. Tìm kiếm bài báo toàn văn miễn phí						
	3. Thông tin y học trực tuyến	1					
	III. Chương trình microsoft powerpoint 2016	4/0/8		CLO1			
Buổi 1 (4 tiết)	1. Giới thiệu và những thiết lập cơ bản	1	Mô tả được các tính năng nâng cao của chương trình Power Point: thanh công		1. Thuyết trình 2. Động não	1. Đọc quyền giáo trình Tin học ứng dụng, cho học viên	Không
	2. Thêm Slide mới, chèn hình ảnh, video, audio						

3. Chèn Text, công thức toán và các ký tự đặc biệt	1	cụ, hộp Ribbon, Slide, chèn, hiệu ứng, hiệu ứng đặc biệt...	3. Giải quyết vấn đề	CK1: <i>trang 41-61.</i> 2. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 3. suy nghĩ - trả lời, lắng nghe ghi chép
4. Hiệu ứng Slide	1			
5. Thiết lập liên kết và sử dụng Trigger	1			

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (.... tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)	Số tiết (TH/ LS/ KT/ Tự học)	CDR của bài TH/LS (chương)	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	I. Hệ thống mạng LAN & Internet	10/0/10		CLO2				
Buổi 1 (4 tiết)	11. Hệ thống mạng Lan - Kiểm tra địa chỉ Ip và tên máy - Chia sẻ thư mục - Chia sẻ máy in trên mạng Lan - Ngắt chia sẻ thư mục và máy in	5	Cung cấp cho sinh viên kỹ năng nâng cao về mạng LAN, tìm kiếm thông tin y tế trực tuyến trên		- Máy tính: + 61 MT China Core I3 CMS, màn hình 22, - Bảng tương tác thông minh: 01 bảng FX-79E1 HITACHI China	1. Thuyết trình 2. Làm mẫu 3. Giải quyết vấn đề 4. Vấn đáp	1. Đọc giáo trình Tin học UD, trang 3-29. 2. Chuẩn bị các bài tập TH theo yêu cầu trong sách . Bài tập tự lượng giá: bài tập 1,2 trang 29,30.	Không
Buổi 2 (2 tiết)	22. Hệ thống mạng Internet - Thư điện tử - Tìm kiếm thông tin trên	5	Google, các Wedside uy tín của Việt Nam và nước ngoài, khai					
Buổi 3 (2 tiết)	google							

	- Tìm kiếm trên Google: Book, Scholar, Pubmed,... - Một số ứng dụng văn phòng trên Google (Google drive, google translate, google form.....)		thác 1 số tính năng chuyên sâu của Google .		- Hệ thống tủ mạng: 01 tủ mạng, 02 switch, 02 cáp AMP, 01 hộp mạng. - Ôn áp Lioa: 01 cái SH-15000 15KVA		3. Nghe, trả lời 4. Tiến hành thực hành 5. Báo cáo kết quả.	
	II. Tìm kiếm và sử dụng thông tin	12/0/12		CLO2				
Buổi (2 tiết)	31. Các loại OPACs.	2	Học viên tìm kiếm dowload		Máy tính: + 61 MT China Core I3 CMS, màn hình 22, - Bảng tương tác thông minh: 01 bảng FX-79E1 HITACHI China - Hệ thống tủ mạng: 01 tủ mạng, 02 switch, 02 cáp AMP, 01 hộp mạng. - Ôn áp Lioa: 01 cái SH-15000 15KV	1. Thuyết trình 2. Làm mẫu 3. Giải quyết vấn đề 4. Vấn đáp	1.Đọc giáo trình Tin học UD, trang 31-40. 2. Chuẩn bị các bài tập TH theo yêu cầu trong sách. Bài tập tự lượng giá: trang 40. 3. Nghe, trả lời 4. Tiến hành thực hành 5. Báo cáo kết quả.	Không
Buổi (4 tiết)	42. Tìm kiếm bài báo toàn văn miễn phí	4	được các tài liệu theo yêu cầu trên các kho dữ liệu trực tuyến chuyên ngành y, dược					
Buổi (4 tiết)	53. Thông tin y học trực tuyến - Tìm kiếm các bài báo y dược học toàn văn miễn phí qua HINARI - Y học dựa trên bằng chứng (Evidence-base Medicine - EBM) - Thông tin về bệnh tật - Giới thiệu một số website về sinh sản, SKBMTE, dinh dưỡng	4						
Buổi (2 tiết)	6 Thông tin trực tuyến về các khu vực và quốc gia	2						
	III. Chương trình microsoft powerpoint 2016	23/0/23		CLO3				

Buổi 7 (4 tiết)	Giới thiệu và những thiết lập nâng cao - Màn hình khởi động - Lựa chọn Slide Size cho Presentation - Sử dụng thanh công cụ truy cập nhanh - Sử dụng hiển thị tùy chọn Ribbon	4	- Sử dụng các thao tác nâng cao của PowerPoint. - Biết các tính năng tạo hiệu ứng nâng cao bài thuyết trình theo các mẫu được định dạng sẵn	Máy tính: + 61 MT China Core I3 CMS, màn hình 22, - Bảng tương tác thông minh: 01 bảng FX-79E1 HITACHI China - Hệ thống tủ mạng: 01 tủ mạng, 02 switch, 01 cáp AMP, 01 hộp mạng. - Ổn áp Lioa: 01 cái SH-15000 15KV	1. Thuyết trình 2. Làm mẫu 3. Giải quyết vấn đề 4. Vấn đáp	1. Đọc giáo trình Tin học UD, trang 41-61. 2. Chuẩn bị các bài tập TH theo yêu cầu trong sách. .Bài tập tự lượng giá: trang 61 3. Nghe, trả lời 4. Tiến hành thực hành 5. Báo cáo kết quả.	Không
Buổi 8 (4 tiết)	Thêm Slide mới, chèn hình ảnh, video, audio - Thêm hoặc xóa Slide trong Presentation - Chèn và chỉnh sửa hình ảnh - Chèn Video, audio	4	- Hiệu trình được bài thuyết trình, tạo các hiệu ứng văn bản				
Buổi 9 (4 tiết)	Chèn Text, công thức toán và các ký tự đặc biệt Sử dụng hình vẽ	2 2	- Biết cách chuẩn bị bài thuyết trình theo đúng các thao				
Buổi 10 (4 tiết)	Sử dụng Slide Master	2					
Buổi 11 (4 tiết)	Hiệu ứng chuyển Slide, hiệu ứng các đối tượng trong Slide	6	- Thao tác được các cách trình chiếu bài thuyết trình				
Buổi 12 (2 tiết)	Hiệu ứng chuyển Slide Hiệu ứng cho các đối tượng trong Slide		- Thực hiện các hiệu chỉnh văn bản, kiểm tra văn bản trước khi in.				
Buổi 13 (3 tiết)	Thiết lập liên kết và sử dụng Trigger	3					

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

9.2.1. Rubric đánh giá chuyên cần

9.2.2. Rubric đánh giá bài thực hành

9.2.3. Rubric đánh giá tiểu luận

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Lý thuyết	30%	Báo cáo tiểu luận	Báo cáo qua PowerPoint			CLO1,2,3,4	Đưa ra các chủ đề khác nhau, chia nhóm, bốc thăm theo chủ đề, phân công thành viên trong nhóm, báo cáo trực tiếp tại phòng thực tập Tin học.
Thực hành	70%	Điểm thi thực hành	Thi trực tiếp trên máy tính			CLO1,2,3,4	Thi thực hành trực tiếp trên máy tính tại phòng thực tập Tin học. Mỗi học viên một đề khác nhau. Bộ môn sẽ phân công 02 cán bộ trông thi, các giảng viên chấm bài thi trực tiếp. Kết quả thi sẽ được công khai luôn ngay sau mỗi buổi thi.

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

9.5. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của Điểm lý thuyết và Điểm thực hành theo bảng 9.3.1

Điểm học phần = điểm lý thuyết * 30% + điểm thực hành * 70%

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

[1]. Bộ môn Tin học (2019). *Giáo trình Tin học cho học viên CK1*. Học viện Y – dược học cổ truyền VN

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1]. *Giáo trình IC3 GS4 CCI Learning*(2014), NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Joan Lambert(2016), *Microsoft PowerPoint 2016 Step by Step*, Microsoft Press.

[3]. Tổ chức giáo dục IIG, *Giáo trình IC3 – Cuộc sống Trực tuyến*, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh(2014).

[4]. Tổ chức giáo dục IIG, *Giáo trình IC3 – Các ứng dụng chủ chốt*, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh(2014).

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.
- ✓ Sinh viên thực hiện đầy đủ và trung thực các nhiệm vụ học tập, kiểm tra, đánh giá theo Đề cương chi tiết học phần và hướng dẫn của giảng viên giảng dạy học phần.

12. Cấp phê duyệt

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

TRƯỞNG KHOA

(Ký, ghi rõ họ tên)

TM BỘ MÔN/MÔ ĐUN

(Ký, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Văn Tuyết

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: Ngày/tháng/năm.	Người cập nhật
--	--------------------

	Bùi Thị Lan Anh
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
MÔN: LÝ LUẬN CƠ BẢN YHCT NÂNG CAO

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:

* Tiếng Việt: Lý luận cơ bản YHCT nâng cao

* Tiếng Anh:

- Mã học phần/ mô đun:

- Số tín chỉ: 02 LT/ 0 TH/LS

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 30 tiết

+ Lý thuyết: tiết

+ Thực hành/ Lâm sàng/Seminar: tiết

+ Kiểm tra, đánh giá: tiết

+ Thời gian tự học: tiết

- Đối tượng học (năm thứ): Chuyên khoa I ngành Châm cứu

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				
		Kiến thức cơ sở ngành x		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Điều kiện tham gia học phần:

+ Học phần tiên quyết:

+ Học phần học trước:

+ Học phần song hành: Không

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: bộ môn Y lý YHCT

4

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	PGS. TS. Phạm Quốc Bình	0912757262	phamquocbinh68@gmail.com
2	PGS.TS. Vũ Nam	0978163646	
3	TS. Trần Thị Hồng Ngải	0915009672	ngaidytw72@yahoo.com
4			

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT1	Trình bày thành thạo các học thuyết cơ bản Y học cổ truyền (Học thuyết Âm dương, Ngũ hành, Kinh lạc, Tạng tượng, Thiên nhân hợp nhất, Tam tiêu, Thủy hỏa, Can chi, Vận khí) có nâng cao liên hệ với Nội kinh và Hải thượng Y tông tâm lĩnh.
MT2	Vận dụng thành thạo các học thuyết Y học cổ truyền trong học tập và thực hành lâm sàng bằng châm cứu.
MT3	Học viên ý thức được trách nhiệm và nhiệm vụ nghề nghiệp là chăm sóc bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân, tôn trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh. Tiếp thu cơ sở lý luận tốt cho việc nghiên cứu và thực hành lâm sàng. Nghiêm túc, trung thực, khách quan, có tinh thần học tập nâng cao trình độ

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	(1)	(2)	(3)	(4)
MT1				
MT2				
MT3				

1 – Mức đóng góp ít; 2 – Mức đóng góp vừa ; 3 – Mức đóng góp nhiều

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Sau khi học xong học phần, người học có thể:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CDR	Nội dung CDR HP (CLO)
CLO1	Thành thạo các học thuyết cơ bản của YHCT (Học thuyết Âm dương, Ngũ hành, Kinh lạc, Tạng tượng, Thiên nhân hợp nhất, Tam tiêu, Thủy hỏa, Can chi, Vận khí)
CLO2	Liên hệ các học thuyết cơ bản của YHCT với lý luận trong Nội kinh và Hải thượng Y tông tâm lĩnh
CLO3	Thực hành và điều trị châm cứu trên lâm sàng bằng cách vận dụng lý luận của các HT cơ bản của YHCT
CLO4	Có ý thức trách nhiệm về nhiệm vụ chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe của nhân dân. Nghiêm túc, trung thực, khách quan, có tinh thần học tập nâng cao trình độ

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

1 – Thấp; 2 – Trung bình ; 3 – Cao

Bảng 5.1.Mối liên hệ của CDR HP (CLO) đến CDR của CTĐT (PLO)

PLO	1	2	3	4	5	6	7	8	9
CLO1		x							
CLO2		x							
CLO3		x							
CLO4		x							

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

- Lý thuyết: Giáo trình, tài liệu tham khảo như mục 10.1 và 10.2

Có máy chiếu projector, máy tính, các tài liệu giảng dạy và tài liệu học tập, loa, mic, bảng, phấn...

Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Máy chiếu PROJECTER, LAPTOP

2	loa, mic...
3

6.2. Yêu cầu đối với học viên

- Học viên phải có giáo trình.
- Học viên phải tự đọc tối thiểu đầy đủ tài liệu học tập (tại mục 10), đảm bảo kết quả thi kết thúc học phần với kiến thức có trong giáo trình, trong tài liệu tham khảo và kiến thức cập nhật mới.
- Dự lớp học lý thuyết: Học viên có trách nhiệm tham gia đầy đủ các buổi học và các hoạt động học tập tại lớp; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.
- Thực hành/thảo luận: Thực hiện đầy đủ các bài thực hành/thảo luận phân theo cá nhân, theo nhóm. Đọc trước nội dung liên quan đến phần thực hành/thảo luận và viết báo cáo tóm tắt qui trình thực hành trước các buổi học.
- Tự học: Chủ động tổ chức giờ tự học bao gồm: Ôn bài học trước, **tự đọc** giáo trình và tài liệu tham khảo có liên quan tới chuẩn bị cho bài học mới theo tên bài kèm nội dung ghi tại cột 2 trong các bảng ở mục 8 (bao gồm cả phần tự đọc không giảng trên lớp - nếu có), phân phối thời gian tự học ôn tập phục vụ cho các bài thảo luận/kiểm tra/thi hết thực hành/ thi kết thúc học phần (các hình thức ghi tại mục 9.3); Đảm bảo thời gian tự học theo quy định.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự lý thuyết tối thiểu đạt 80%. Hoàn thành 100% số bài kiểm tra và bài thực hành.

7. Mô tả chung học phần/ mô đun

“Các học thuyết Y học cổ truyền” là nền tảng lý luận cần thiết cho các bác sĩ chuyên ngành Y học cổ truyền, nhất là châm cứu. Từ nền tảng các học thuyết này các bác sĩ sẽ vận dụng trong thực hành nghề nghiệp nhằm đạt hiệu quả tốt trong chăm sóc sức khỏe nhân dân

“Nội kinh” hay còn gọi là “Hoàng đế nội kinh” đã luận thuật một cách tương đối toàn diện về hệ thống lí luận và tư tưởng học thuật của Y học cổ truyền. “Hoàng đế nội kinh” đã đặt nền móng cho sự phát triển của Y học cổ truyền Trung Quốc nói riêng và Y

học cổ truyền trên thế giới nói chung. Nguyên tắc chân trị trên lâm sàng trong “Hoàng đế nội kinh” vẫn còn nguyên giá trị chỉ đạo trong thực tiễn y học cho đến ngày nay. “Hoàng đế nội kinh” là một quyển sách quy phạm để học tập và nghiên cứu Y học cổ truyền.

“Hải thượng Y tông tâm lĩnh” là tác phẩm Bách khoa thư về YHCT trong đó hệ thống lý luận Y học cổ truyền như Nội kinh yếu chỉ, Huyền tẩn phát vi, Y gia quan niệm, Y hải cầu nguyên ... đã được cụ Hải Thượng Lãn Ông sưu tập và biên soạn chi tiết và xúc tích, giúp các bác sĩ học tập và vận dụng trong thực hành lâm sàng tốt hơn.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (... tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/ KT/ Tự học)	CDR của bài học (chương) chủ đề	Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của Học viên	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Học thuyết Âm dương	2		CLO1, CLO2,CLO3	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép giải quyết vấn đề	
2	Học thuyết Ngũ hành	4		CLO1, CLO2,CLO3	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép giải quyết vấn đề	
3	Học thuyết Kinh lạc	4		CLO1,	1. Thuyết trình 2. Động não	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi	

				CLO2,CLO3	3. Giải quyết vấn đề	2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép giải quyết vấn đề	
4	Học thuyết Tam tiêu		4	CLO1, CLO2,CLO3	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép giải quyết vấn đề	
5	Học thuyết Tạng tượng		3	CLO1, CLO2,CLO3	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép giải quyết vấn đề	
6	Học thuyết Thủy hỏa		3	CLO1, CLO2,CLO3	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi 2. suy nghĩ - trả	

7	Học thuyết Can chi						CLO1, CLO2,CLO3	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề	3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép giải quyết vấn đề	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép giải quyết vấn đề
8	Học thuyết Thiên nhân hợp nhất			2			CLO1, CLO2,CLO4	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề	3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép giải quyết vấn đề	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép giải quyết vấn đề
9	Học thuyết vận khí			4			CLO1, CLO2,CLO3	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề	2. suy nghĩ - trả lời	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi 2. suy nghĩ - trả lời

									3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép giải quyết vấn đề		KTHP
	Thi kết thúc học phần										

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

Rubric R1: Điểm chuyên cần

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định				Trọng số	
	Điểm (0-3.9)	Điểm (4.0-5.4)	Điểm (5.5-6.9)	Điểm (7.0-8.4)		Điểm (8.5-10)
Thời gian tham dự buổi học	Tham gia từ 80% - <82% buổi học	Tham gia 82% - <85% buổi học	Tham gia 85% - <90% buổi học	Tham gia từ 90% - <95% buổi học	Tham gia > 95% buổi học	100%

Rubric R2: Phát biểu và thảo luận

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định			Trọng số		
	Điểm (0-3.9)	Điểm (4.0-5.4)	Điểm (5.5-6.9)		Điểm (7.0-8.4)	Điểm (8.5-10)

Hàng hái tham gia thảo luận nhóm và phát biểu xây dựng bài	Tham gia phát biểu, thảo luận nhóm < 40% các buổi học	Tham gia phát biểu và thảo luận nhóm từ 40-54% các buổi học	Tham gia phát biểu và thảo luận nhóm từ 55-69% các buổi học	Tham gia phát biểu và thảo luận nhóm từ 70-84% các buổi học	Tham gia phát biểu và thảo luận nhóm từ 85% các buổi học	50%
Độ đúng của các phát biểu và bài tập nhóm	< 40% các lần phát biểu và bài tập nhóm cho kết quả đúng	40-54% các lần phát biểu và bài tập nhóm cho kết quả đúng	55-69% các lần phát biểu và bài tập nhóm cho kết quả đúng	70-84% các lần phát biểu và bài tập nhóm cho kết quả đúng	Từ 85% các lần phát biểu và bài tập nhóm cho kết quả đúng	50%

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm kiểm tra	30%	Điểm chuyên cần/ bài tập lớn/ kiểm tra	Điểm đánh giá quá trình	100%	Rubric 1,	CLO1 CLO3	Theo KH của Bộ môn
Điểm thi kết thúc học phần	60%	Thi trắc nghiệm máy tính, thi tự luận/ viết tiểu luận	Bài kết thúc học phần	100%	Không	CLO1	Theo KH của Bộ môn

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

Thời gian: 20 phút ;

Tổng số câu: 40

Chuẩn đầu ra học phần/mô đun	Trọng số	Tổng số câu hỏi	Số câu hỏi bậc	Số câu hỏi bậc	Số câu hỏi bậc
			1 (Tái hiện: Nhớ)	2 (Tái tạo: Hiểu, Áp dụng)	3 (Lập luận sáng tạo: Phân tích, Tổng hợp, Đánh giá, Sáng tạo)
CLO1	100%	12	12 (30%)	20 (50%)	8 (20%)
Tổng	100%	40	12	20	8

Điểm thi được tính theo thang điểm 10.

9.5. Điểm học phần

Cách đánh giá: Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.1 Điểm lý thuyết: theo thực tế quy định của bộ môn (bộ môn viết chi tiết cách tính của bộ môn)

9.2 Điểm thực hành/lâm sàng: theo thực tế quy định của bộ môn (bộ môn viết chi tiết cách tính của bộ môn)

9.3 Điểm tổng kết học phần:

- Điểm đánh giá kết thúc học phần các môn có cả lý thuyết và thực hành = (Điểm tổng kết phần thực hành/lâm sàng X 1.0 + Điểm tổng kết phần lý thuyết X 2.0)/3

- Điểm đánh giá kết thúc học phần đối với các môn lâm sàng: điểm lý thuyết và thực hành tính độc lập.

- Điểm lý thuyết và thực hành phải đạt 5 điểm trở lên theo thang điểm 10 (làm tròn đến 0,5).

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

[1]. PGS.TS. Vũ Nam (2011), *Các học thuyết YHCT*, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.

[2]. Học viện quân y (2010), *Lý luận cơ bản YHCT*, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.

[3]. Khoa YHCT, trường ĐH Y Hà Nội (), *Nội kinh*, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.

[4].

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

✓ Học viên thực hiện đầy đủ và trung thực các nhiệm vụ học tập, kiểm tra, đánh giá theo Đề cương chi tiết học phần và hướng dẫn của giảng viên giảng dạy học phần.

12. Cấp phê duyệt

Hà Nội, ngày tháng năm

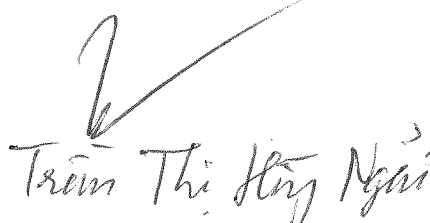
2023

TRƯỞNG KHOA

(Ký, ghi rõ họ tên)

BỘ MÔN

(Ký, ghi rõ họ tên)


Trần Thị Hằng Ngai

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN:
MÔN: HỒI SỨC CẤP CỨU

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:
- * Tiếng Việt: Hồi sức cấp cứu
- * Tiếng Anh: Resuscitation
- Mã học phần/ mô đun: 141307
- Số tín chỉ: 02 LT/ 03 TH/LS
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: ..166 tiết
 - + Lý thuyết: 30 tiết
 - + Thực hành/ Lâm sàng/Seminar: 135 tiết
 - + Kiểm tra, đánh giá: ..1. tiết
 - + Thời gian tự học: 197 tiết
- Đối tượng học (năm thứ): Bác sĩ chuyên khoa I ngành châm cứu
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	

- Điều kiện tham gia học phần:
 - + Học phần tiên quyết:
 - + Học phần học trước:
 - + Học phần song hành: Không
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ HSCC & Chống độc

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1.	TS. Trần Văn Phú	094888088	drtranvanphu@yahoo.com
2.	PGS. Vũ Đức Định	0913588640	drvuducdinh@gmail.com
3.	Ths. Bùi Nam phong	0914388998	namphong70icu198@gmail.com
4.	TS. Nguyễn Thế Anh	0988555929	theanhhtc@gmail.com
5.	TS Chu Dũng Sĩ	0906086168	sichu.bvbachmai@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

CLO1					3	3		
CLO2					3	3		
CLO3					3	3		
CLO4					3	3		

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết: Giáo trình, tài liệu tham khảo như mục 10.1 và 10.2

Máy chiếu, loa, mic, bảng, phấn...

6.1.2. Lâm sàng:(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo NĐ 111/2017/NĐ-CP)

6.1.3. Thực hành:(Tổ chức dạng SEMINAR)

Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Máy chiếu PROJECTER, LAPTOP
2	loa, mic...
3

6.2. Yêu cầu đối với học viên

- Học viên phải có giáo trình.

- Học viên phải tự đọc tối thiểu đầy đủ tài liệu học tập (tại mục 10), đảm bảo kết quả thi kết thúc học phần với kiến thức có trong giáo trình, trong tài liệu tham khảo và kiến thức cập nhật mới.

- Dự lớp học lý thuyết: Học viên có trách nhiệm tham gia đầy đủ các buổi học và các hoạt động học tập tại lớp; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

- Lâm sàng:

- Tuân thủ thời gian thực hành lâm sàng, trong thời gian đi lâm sàng tại các bệnh viện, tham gia khám, chẩn đoán, điều trị; thực hiện các thủ thuật, kỹ thuật thăm dò và điều trị dưới sự hướng dẫn của giảng viên tại bệnh viện.
- Tham gia trực tại khoa học lâm sàng theo lịch phân công
- Chấp hành đầy đủ các nội quy của Bệnh viện, Khoa, Phòng.
- Thực hiện đúng nội qui chế học lâm sàng, tham gia học lâm sàng và tham gia trực đầy đủ.

- Tự học: Chủ động tổ chức giờ tự học bao gồm: Ôn bài học trước, **tự đọc** giáo trình và tài liệu tham khảo có liên quan tới chuẩn bị cho bài học mới theo tên bài kèm nội dung ghi tại cột 2 trong các bảng ở mục 8 (bao gồm cả phần tự đọc không giảng trên lớp - nếu có), phân phối thời gian tự học ôn tập phục vụ cho các bài thảo luận/kiểm tra/thi hết thực hành/ thi kết thúc học phần (các hình thức ghi tại mục 9.3); Đảm bảo thời gian tự học theo quy định.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần:

- Lý thuyết: số tiết tham dự lý thuyết tối thiểu đạt 80 %.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Thực hiện đúng nội qui chế học lâm sàng, tham gia học lâm sàng và tham gia trực đầy đủ.

7. Mô tả chung học phần/ mô đun

Học phần Cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, tiêu chuẩn chẩn đoán và phương pháp điều trị một số bệnh cấp cứu; hướng dẫn người học kỹ năng lập luận chẩn đoán và đưa ra nguyên tắc điều trị một số bệnh hồi sức cấp cứu thường gặp.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (... tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/ KT/ Tự học)	CDR của bài học (chương)/ chủ đề	Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của Sinh viên	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1.	Các nguyên lý cơ bản trong HSCC	4/0/8	Nắm được các nguyên lý cơ bản trong HSCC	CLO1 CLO2 CLO3	Thuyết trình. Động não Giải quyết vấn đề	Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, suy nghĩ - trả lời	
2.	Con tăng huyết áp	2/0/4	Nắm được nguyên nhân, cơ ché bệnh sinh; chẩn đoán và điều trị Cận tăng huyết áp	CLO1 CLO2 CLO3	Thuyết trình. Động não Giải quyết vấn đề	Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, suy nghĩ - trả lời	
3.	Định hướng chẩn đoán và xử trí đau ngực	3/0/6	Nắm được nguyên nhân, cơ ché bệnh sinh; chẩn đoán và xử trí đau ngực				
4.	Điều chỉnh nước và điện giải trong cơ thể	4/0/8	Nắm được phương pháp điều chỉnh	CLO1 CLO2 CLO3	Thuyết trình. Động não	Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, suy nghĩ	

5.	Chẩn đoán và xử trí hôn mê	4/0/8	Nắm được Chẩn đoán và xử trí hôn mê	CLO1 CLO2 CLO3	Thuyết trình. Động não Giải quyết vấn đề	Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, suy nghĩ - trả lời			
6.	Ngộ độc cấp	2/0/4	Nắm được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh; chẩn đoán và điều trị Ngộ độc cấp	CLO1 CLO2 CLO3	Thuyết trình. Động não Giải quyết vấn đề	Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, suy nghĩ - trả lời			
7.	Phù phổi cấp	3/0/6	Nắm được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh; chẩn đoán và điều trị Phù phổi cấp	CLO1 CLO2 CLO3	Thuyết trình. Động não Giải quyết vấn đề	Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, suy nghĩ - trả lời			
8.	Ngừng tuần hoàn	2/0/4	Nắm được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh; chẩn đoán và điều trị Ngừng tuần hoàn lưng	CLO1 CLO2 CLO3	Thuyết trình. Động não Giải quyết vấn đề	Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, suy nghĩ - trả lời			

9.	Suy hô hấp cấp	2/0/4	Năm được Cập nhật chẩn đoán và điều trị Đau thần kinh hông to	CLO1 CLO2 CLO3	Thuyết trình. Động não Giải quyết vấn đề	Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, suy nghĩ - trả lời	
10.	Chẩn đoán, nguyên tắc và biện pháp xử trí sóc	4/0/8	Năm được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh; chẩn đoán và điều trị Suy hô hấp cấp	CLO1 CLO2 CLO3	Thuyết trình. Động não Giải quyết vấn đề	Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, suy nghĩ - trả lời	
11.	Kiểm tra 1 tiết	1					
12.	Thi kết thúc học phần	0,5 tiết					KTHP

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (... tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)	Số tiết (TH/LS/ KT/ Tự học)	CDR của bài TH/LS (chương)	Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1	Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1.	Khó thở cấp	8/0/0/8	Thực hiện được chẩn	CLO1 CLO2	(đạt chuẩn Bệnh	1. Thuyết trình 2. Động não	1. Tiến hành phân tích tình	Đánh giá cho

			đoán và hướng xử Khó thở cấp	CLO3 CLO4	viện thực hành theo NĐ 111/2017/N Đ-CP)	3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	huống nhóm 2. Thuyết trình slide, phản biện 3. Thảo luận	điểm bài
2.	Đau ngực cấp ở người lớn	8/0/0/8	Thực hiện được chẩn đoán và hướng xử Đau ngực cấp ở người lớn	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	(đạt chẩn Bệnh viện thực hành theo NĐ 111/2017/N Đ-CP)	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	1. Tiến hành phân tích tình huống nhóm 2. Thuyết trình slide, phản biện 3. Thảo luận	Đánh giá cho điểm bài
3.	Rối loạn ý thức và hôn mê	8/0/0/8	Nhận định được bệnh nhân Rối loạn ý thức và hôn mê và hướng xử trí..	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	(đạt chẩn Bệnh viện thực hành theo NĐ 111/2017/N Đ-CP)	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	1. Tiến hành phân tích tình huống nhóm 2. Thuyết trình slide, phản biện 3. Thảo luận	Đánh giá cho điểm bài
4.	Xử trí tăng kali máu/ suy thận	8/0/0/8	Nắm được nguyên tắc và phương pháp Xử trí tăng kali máu/ suy thận	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	(đạt chẩn Bệnh viện thực hành theo NĐ)	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận	1. Tiến hành phân tích tình huống nhóm 2. Thuyết trình	Đánh giá cho điểm bài

					111/2017/N Đ-CP)	5. Mô phỏng	slide, phân biện 3. Thảo luận	
5.	Điện giải và khí máu	8/0/0/8	Nhận định và nắm được ý nghĩa xét nghiệm Điện giải và khí máu, nhận định trường hợp bệnh lý và hướng xử trí	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo NEĐ 111/2017/N Đ-CP)	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	1. Tiến hành phân tích tình huống nhóm 2. Thuyết trình slide, phân biện 3. Thảo luận	Đánh giá cho điểm bài
6.	Đau bụng cấp	8/0/0/8	Thực hiện được chẩn đoán, xử trí Đau bụng cấp	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo NEĐ 111/2017/N Đ-CP)	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	1. Tiến hành phân tích tình huống nhóm 2. Thuyết trình slide, phân biện 3. Thảo luận	Đánh giá cho điểm bài
7.	Rối loạn nhịp tim và huyết động	8/0/0/8	Thực hiện được chẩn đoán và hướng xử trí Rối loạn nhịp tim và huyết động	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo NEĐ 111/2017/N Đ-CP)	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	1. Tiến hành phân tích tình huống nhóm 2. Thuyết trình slide, phân biện 3. Thảo luận	Đánh giá cho điểm bài

8.	Xuất huyết tiêu hóa	8/0/0/8	Thực hiện được chẩn đoán và hướng xử trí Xuất huyết tiêu hóa	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo NEĐ 111/2017/N Đ-CP)	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	1. Tiến hành phân tích tình huống nhóm 2. Thuyết trình slide, phản biện 3. Thảo luận	Đánh giá cho điểm bài
9.	Ngộ độc cấp	8/0/0/8	Thực hiện được chẩn đoán và hướng xử trí Ngộ độc cấp	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo NEĐ 111/2017/N Đ-CP)	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	1. Tiến hành phân tích tình huống nhóm 2. Thuyết trình slide, phản biện 3. Thảo luận	Đánh giá cho điểm bài
10.	Hôn mê tăng ALTT	8/0/0/8	Thực hiện được chẩn đoán và hướng xử trí Hôn mê tăng ALTT	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo NEĐ 111/2017/N Đ-CP)	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	1. Tiến hành phân tích tình huống nhóm 2. Thuyết trình slide, phản biện 3. Thảo luận	Đánh giá cho điểm bài
11.	Hôn mê tăng ALTT	8/0/0/8	Thực hiện được chẩn đoán và hướng điều trị Hôn mê tăng ALTT	CLO1 CLO2 CLO3	(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành)	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề	1. Tiến hành phân tích tình huống	Đánh giá cho điểm bài

				CLO4	hành theo NE 111/2017/N Đ-CP)	đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	nhóm 2. Thuyết trình slide, phản biện 3. Thảo luận	
12.	Xuất huyết não	8/0/0/8	Thực hiện được chẩn đoán và hướng xử trí Xuất huyết não	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo NE 111/2017/N Đ-CP)	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	1. Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm 2. Thuyết trình slide, phản biện 3. Thảo luận	Đánh giá cho điểm bài
13.	Nhồi máu não	8/0/0/8	Thực hiện được chẩn đoán và hướng xử trí Nhồi máu não	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo NE 111/2017/N Đ-CP)	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	1. Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm 2. Thuyết trình slide, phản biện 3. Thảo luận	Đánh giá cho điểm bài
14.	Sốc nhiễm khuẩn	8/0/0/8	Thực hiện được chẩn đoán và hướng điều trị Sốc nhiễm khuẩn	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo NE 111/2017/N	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	1. Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm 2. Thuyết trình slide, phản biện	Đánh giá cho điểm bài

15.	Hôn mê hạ đường huyết			Thực hiện được chẩn đoán và hướng điều trị Hôn mê hạ đường huyết	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo NEĐ 111/2017/N Đ-CP)	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	1. Tiến hành phân tích tình huống nhóm 2. Thuyết trình slide, phản biện 3. Thảo luận	Đánh giá cho điểm bài				
16.	Cơn tăng huyết áp		8/0/0/8	Thực hiện được chẩn đoán và hướng điều trị Cơn tăng huyết áp	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo NEĐ 111/2017/N Đ-CP)	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	1. Tiến hành phân tích tình huống nhóm 2. Thuyết trình slide, phản biện 3. Thảo luận	Đánh giá cho điểm bài				
17.	Phù phổi cấp		7/0/0/7	Thực hiện được chẩn đoán và hướng điều trị Phù phổi cấp	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo NEĐ 111/2017/N Đ-CP)	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	1. Tiến hành phân tích tình huống nhóm 2. Thuyết trình slide, phản biện 3. Thảo luận	Đánh giá cho điểm bài				
Thi hết thực hành/lâm sàng:										4		KTTH	

Học viên bốc bệnh án, hỏi thi trên người bệnh.									
---	--	--	--	--	--	--	--	--	--

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm với học phần có cả lý thuyết và thực hành

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Chuyên cần	Hình thức đánh giá: Xét điều kiện được thi						
Kiểm tra 1 tiết	10%	Làm bài kiểm tra tự luận				CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	
Điểm thi kết thúc học phần	90%	Lý thuyết: Điểm thi trắc nghiệm trên máy tính				CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	
Điểm thi kết thúc học phần	100%	Lâm sàng: Điểm thi: kết quả hỏi thi tại bệnh viện thực hành. Hình thức thi Lâm sàng: học viên bốc bệnh án, hỏi thi trên người bệnh				CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

Điểm thi được tính theo thang điểm 10.

9.5. Điểm học phần

Cách đánh giá: Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.1 Điểm lý thuyết:: Điểm tổng kết phần lý thuyết = (điểm kiểm tra 1 tiết + điểm thi lý thuyết x 9) /10

9.2 Điểm thực hành/lâm sàng: Điểm thi lâm sàng

9.3 Điểm tổng kết học phần: Điểm tổng kết học phần = (Điểm tổng kết phần lý thuyết x 2 + điểm lâm sàng x 1)/3

- Điểm đánh giá kết thúc học phần đối với các môn lâm sàng: điểm lý thuyết và thực hành tính độc lập.

- Điểm lý thuyết và thực hành phải đạt 5 điểm trở lên theo thang điểm 10 (làm tròn đến 0,5).

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính: Giáo trình học tập:

1. Tài liệu phát tay

10.2. Tài liệu tham khảo:

1. Hồi sức cấp cứu (2009) , Học viện Quân Y. Bộ môn hồi sức cấp cứu, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân

2. Hồi sức cấp cứu toàn tập (2003), Vũ Văn Đỉnh và cộng sự, nhà xuất bản y học.

3. Hồi sức cấp cứu (2002) , Học viện Quân Y. Bộ môn hồi sức cấp cứu, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân

4. Bệnh học Nội khoa (2001), Nhà xuất bản y học, Tập 1 p(7-89; 136-148); Tập II p(7-108).

5. Vũ Văn Đỉnh (2003), Hồi sức cấp cứu toàn tập

6. Bệnh học nội khoa tập 1 (2022), Bộ môn Nội – Đại học Y Hà Nội, Nhà xuất bản y học.

7. Bệnh học nội khoa tập 2 (2022), Bộ môn Nội – Đại học Y Hà Nội, Nhà xuất bản y học.

8. Bệnh nội tiết chuyển hóa (2013), Bộ Y tế, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

9. Bài giảng bệnh học nội khoa (2001), Học viện Quân Y, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân.

10. Điều trị nội khoa (2009), Học viện Quân Y, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân.

11. Bệnh hô hấp(2012), Bộ môn Hô hấp - Học viện Quân Y, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân.

11. Hướng dẫn thực hiện

✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.

✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.

✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

✓ Học viên thực hiện đầy đủ và trung thực các nhiệm vụ học tập, kiểm tra, đánh giá theo Đề cương chi tiết học phần và hướng dẫn của giảng viên giảng dạy học phần.

12. Cấp phê duyệt

TRƯỞNG KHOA

(Ký, ghi rõ họ tên)

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

BỘ MÔN

(Ký, ghi rõ họ tên)

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN: KHÍ CÔNG DƯỠNG SINH
MÔN: KHÍ CÔNG DƯỠNG SINH – XOA BÓP BẨM HUYỆT**

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:
- * Tiếng Việt: Khí công dưỡng sinh- Xoa bóp bấm huyệt
- * Tiếng Anh: Qigong nourioushing – acupressure masage
- Mã học phần/ mô đun: Bác sĩ chuyên khoa I ngành châm cứu
- Số tín chỉ: 3 tín chỉ (LT 1; TH 1; LS 1)
- Số tiết đối với các hoạt động học tập:
 - + Lý thuyết: 15 tiết
 - + Thực hành: 30 tiết
 - + Lâm sàng: 30 tiết
 - + Kiểm tra, đánh giá: tiết
 - + Thời gian tự học: tiết
- Đối tượng học (năm thứ): Chuyên khoa I ngành Châm cứu
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Điều kiện tham gia học phần:
 - + Học phần tiên quyết:
 - + Học phần học trước:
 - + Học phần song hành: Không
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Khí công dưỡng sinh – Xoa bóp bấm huyệt

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	PGS.TS. Trần Thái Hà	091 337 87 75	phdtranthaiha@gmail.com
2	PGS.TS. Đạm Xuân Cảnh	0913492216	xuancanhvh@gmail.com
3	TS. Phạm Thanh Tùng	090 327 8093	tunghuongvung@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT1	<p>Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được nguồn gốc, lịch sử định nghĩa, tác dụng, chỉ định, chống chỉ định, những điều cần lưu ý của Xoa bóp bấm huyết, tác động cột sống. - Thực hành thành thạo, ứng dụng các thủ thuật xoa bóp bấm huyết, tác động cột sống trong điều trị một số bệnh thường gặp. - Trình bày được định nghĩa, nguồn gốc, lịch sử, tác dụng và các trường phái của Khí công. - Quan điểm của Tuệ Tĩnh về Khí công – Dưỡng sinh. - Quan điểm của Hải Thượng Lãn Ông về Khí công – Dưỡng sinh. - Trình bày được Luyện Khí công ở tư thế động. - Trình bày được Luyện Khí công ở tư thế tĩnh. - Trình bày được vận dụng Khí công, dưỡng sinh trong điều trị một số bệnh .
MT2	<p>Kỹ năng:</p> <p>Thực hành thành thạo các kỹ năng về:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thủ thuật Xoa bóp bấm huyết, tác động cột sống - Ứng dụng Xoa bóp bấm huyết, tác động cột sống trong điều trị một số bệnh - Luyện thư giãn. - Luyện thở. - Luyện ý. - Luyện tư thế trong tư thế động và trong tư thế tĩnh. - Luyện động tác chống xơ cứng. - Ứng dụng bài tập dưỡng sinh trong điều trị một số bệnh
MT3	<p>Thái độ làm việc tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>Thực hiện nội quy, quy chế của Học viện, Bộ môn, Phòng thực hành Thực hiện nội quy, quy chế của Bệnh viện, Khoa phòng</p>

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	(1)	(2)	(3)
<p>Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được nguồn gốc, lịch sử định nghĩa, tác dụng, chỉ định, chống chỉ định, những điều cần lưu ý của Xoa bóp bấm huyết, tác động cột sống. - Thực hành thành thạo, ứng dụng các thủ thuật xoa 	3	3	3

<p>bóp bấm huyệt, tác động cột sống trong điều trị một số bệnh thường gặp.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được định nghĩa, nguồn gốc, lịch sử, tác dụng và các trường phái của Khí công. - Quan điểm của Tuệ Tĩnh về Khí công – Dưỡng sinh. - Quan điểm của Hải Thượng Lãn Ông về Khí công – Dưỡng sinh. - Trình bày được Luyện Khí công ở tư thế động. - Trình bày được Luyện Khí công ở tư thế tĩnh. - Trình bày được vận dụng Khí công, dưỡng sinh trong điều trị một số bệnh . 			
<p>Kỹ năng: Thực hành thành thạo các kỹ năng về:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thủ thuật Xoa bóp bấm huyệt, tác động cột sống - Ứng dụng Xoa bóp bấm huyệt, tác động cột sống trong điều trị một số bệnh - Luyện thư giãn. - Luyện thở. - Luyện ý. - Luyện tư thế trong tư thế động và trong tư thế tĩnh. - Luyện động tác chống xơ vữa. - Ứng dụng bài tập dưỡng sinh trong điều trị một số bệnh 	3	3	3
<p>Thái độ làm việc tự chủ và trách nhiệm: Thực hiện nội quy, quy chế của Học viện, Bộ môn, Phòng thực hành Thực hiện nội quy, quy chế của Bệnh viện, Khoa phòng</p>	3	3	3

1 – Mức đóng góp ít; 2 – Mức đóng góp vừa ; 3 – Mức đóng góp nhiều

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Sau khi học xong học phần, người học có thể:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Trình bày được nguồn gốc, lịch sử định nghĩa, tác dụng, chỉ định, chống chỉ định, những điều cần lưu ý của Xoa bóp bấm huyệt, tác động cột sống.
CLO2	Thực hành thành thạo, ứng dụng các thủ thuật xoa bóp bấm huyệt, tác động cột sống trong điều trị một số bệnh thường gặp.

CLO3	Trình bày được định nghĩa, nguồn gốc, lịch sử, tác dụng và các trường phái của Khí công. Quan điểm của Tuệ Tĩnh về Khí công – Dưỡng sinh. Quan điểm của Hải Thượng Lãn Ông về Khí công – Dưỡng sinh
CLO4	Trình bày được Luyện Khí công ở tư thế động. Trình bày được Luyện Khí công ở tư thế tĩnh
CLO5	Trình bày được vận dụng Khí công, dưỡng sinh trong điều trị một số bệnh

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

1 – Thấp; 2 – Trung bình ; 3 – Cao

Bảng 5.1.Mối liên hệ của CDR HP (CLO) đến CDR của CTĐT (PLO)

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun						
	CDR1	CDR2	CDR3	CDR4	CDR5	CDR6	CDR7
Đại cương về Khí công: nguồn gốc, lịch sử, định nghĩa, tác dụng của Khí công.	3	3	3	3	3	3	3
Các trường phái của Khí công, Khí công trong rèn luyện sức khỏe và chữa bệnh.	3	3	3	3	3	3	3
Quan niệm của Tuệ Tĩnh, Hải Thượng Lãn Ông và các Y gia về KC – DS	3	3	3	3	3	3	3
Những hiểu biết về Khí trong KC: khái niệm về Khí, phân loại Khí.	3	3	3	3	3	3	3
Luyện tư thế trong KC	3	3	3	3	3	3	3
Những hiểu biết về Tinh – Thần trong Khí công	3	3	3	3	3	3	3
Luyện tĩnh: luyện ý, luyện tư thế, luyện thở	3	3	3	3	3	3	3
Luyện tư thế động: luyện động tác, luyện ý, luyện thở	3	3	3	3	3	3	3
Vận dụng Khí công, dưỡng sinh trong điều trị một số bệnh Ứng dụng bài tập khí công dưỡng sinh trong điều trị một số bệnh	3	3	3	3	3	3	3
Đại cương phương pháp xoa bóp bấm huyệt, ứng dụng XBBH trong điều trị một số bệnh thường gặp	3	3	3	3	3	3	3
Đại cương phương pháp tác	3	3	3	3	3	3	3

động cột sống, ứng dụng TĐCS trong điều trị một số bệnh thường gặp							
--	--	--	--	--	--	--	--

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết: Giáo trình, tài liệu tham khảo như mục 10.1 và 10.2

Máy chiếu, loa, mic, bảng, phấn...

6.1.2. Lâm sàng:(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo ND 111/2017/NĐ-CP)

6.1.3. Thực hành:(Tổ chức dạng SEMINAR)

Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Máy chiếu PROJECTER, LAPTOP
2	loa, mic...
3	Bảng, phấn
4	Thảm yoga
5	Giường y tế

6.2. Yêu cầu đối với học viên

- Học viên phải có giáo trình.

- Học viên phải tự đọc tối thiểu đầy đủ tài liệu học tập (tại mục 10), đảm bảo kết quả thi kết thúc học phần với kiến thức có trong giáo trình, trong tài liệu tham khảo và kiến thức cập nhật mới.

- Dự lớp học lý thuyết: Học viên có trách nhiệm tham gia đầy đủ các buổi học và các hoạt động học tập tại lớp; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

- Thực hành/thảo luận: Thực hiện đầy đủ các bài thực hành/thảo luận phân theo cá nhân, theo nhóm. Đọc trước nội dung liên quan đến phần thực hành/thảo luận và viết báo cáo tóm tắt qui trình thực hành trước các buổi học.

- Tự học: Chủ động tổ chức giờ tự học bao gồm: Ôn bài học trước, tự đọc giáo trình và tài liệu tham khảo có liên quan tới chuẩn bị cho bài học mới theo tên bài kèm nội dung ghi tại cột 2 trong các bảng ở mục 8 (bao gồm cả phần tự đọc không giảng trên lớp - nếu có), phân phối thời gian tự học ôn tập phục vụ cho các bài thảo luận/kiểm tra/thi hết thực hành/ thi kết thúc học phần (các hình thức ghi tại mục 9.3); Đảm bảo thời gian tự học theo quy định.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự lý thuyết tối thiểu đạt 80 %. Hoàn thành 100% số bài kiểm tra và bài thực hành.

7. Mô tả chung học phần/ mô đun

Như nhiều dân tộc khác ở trên thế giới, nước ta cũng sớm có môn dưỡng sinh và xoa bóp cổ truyền. Đó là kết tinh những kinh nghiệm của dân tộc ta và những kinh nghiệm giao lưu với nước ngoài đã được dân tộc ta vận dụng có kết quả và tổng kết lại.

Xoa bóp dân tộc là một phương pháp phòng bệnh và chữa bệnh với sự chỉ đạo của lý luận y học cổ truyền. Đặc điểm của nó là dùng bàn tay, ngón tay là chính để tác động lên huyết da thịt gân khớp của người bệnh, nhằm đạt tới mục đích phòng bệnh và chữa bệnh. Ưu điểm là đơn giản, dễ phổ biến, có phạm vi chữa bệnh rộng, có giá trị phòng bệnh lớn.

Phương pháp dưỡng sinh là một phương pháp tự lực cánh sinh, tự mình tập luyện cho mình nhằm 4 mục đích:

- Bồi dưỡng sức khỏe.
- Phòng bệnh.
- Trị bệnh mạn tính.
- Tiến tới sống lâu, sống khỏe và sống có ích.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (... tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/ KT/ Tự học)	CĐR của bài học (chương)/ chủ đề	Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1	PP giảng dạy đạt CĐR	Hoạt động học của Sinh viên	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Buổi 1 (4 tiết)	<p>BÀI 1: Đại cương về Khí công: nguồn gốc, lịch sử, định nghĩa, tác dụng của Khí công.</p> <p>Bài 2: Các trường phái của Khí công, Khí công trong rèn luyện sức khỏe và chữa bệnh.</p> <p>Bài 3: Quan niệm của Tuệ Tĩnh, Hải Thượng Lãn Ông và các Y gia về KC – DS</p>	4/0/0	<p>1. Trình bày được đại cương về khí công</p> <p>2. Trình bày được các trường phái của khí công</p>	CLO1 CLO3	<p>1. Thuyết trình</p> <p>2. Động não</p> <p>3. Giải quyết vấn đề</p>	<p>1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi,</p> <p>2. suy nghĩ - trả lời</p> <p>3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép</p>	
Buổi 2 (4 tiết)	<p>Bài 4: Những hiểu biết về Khí trong KC: khái niệm về Khí, phân loại Khí</p> <p>Những hiểu biết về Tinh – Thần trong Khí công</p> <p>Bài 5: Luyện tư thế trong KC</p> <p>Luyện tĩnh: luyện ý, luyện tư thế, luyện thở</p>	4/0/0	<p>1. Trình bày được hiểu biết về khí, tinh, thần</p> <p>2. Trình bày được luyện tư thế, luyện tĩnh, luyện động</p>	CLO1 CLO4	<p>1. Thuyết trình</p> <p>2. Động não</p> <p>3. Giải quyết vấn đề</p>	<p>1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi,</p> <p>2. suy nghĩ - trả lời</p> <p>3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép</p>	

	Luyện tư thế động: luyện động tác, luyện ý, luyện thở							
Buổi 3 (4 tiết)	Bài 5: Đại cương phương pháp xoa bóp bấm huyệt, ứng dụng XBBH trong điều trị một số bệnh thường gặp Đại cương phương pháp tác động cột sống, ứng dụng TDCS trong điều trị một số bệnh thường gặp	4/0/0	1. Trình bày được đại cương phương pháp xoa bóp bấm huyệt điều trị một số bệnh thường gặp 2. Trình bày được phương pháp tác động cột sống, ứng dụng TDCS trong điều trị một số bệnh thường gặp	CLO1 CLO4	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép		
Buổi 4 (4 tiết)	Bài 6: Vận dụng Khí công, dưỡng sinh trong điều trị một số bệnh Ứng dụng bài tập khí công dưỡng sinh trong điều trị một số bệnh	3/0/0	1. Trình bày được Ứng dụng bài tập khí công dưỡng sinh trong điều trị một số bệnh	CLO1- CLO4	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép		
	Thi kết thúc học phần	0,5 tiết						KTHP

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ làm sáng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ làm sáng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Ví dụ Hình thức: Thảo luận seminar

Tuần/ Buổi (.... tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)	Số tiết (TH/LS/ KT/ Tự học)	CĐR của bài TH/LS (chương)	Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1	Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3	PP giảng dạy đạt CĐR	Hoạt động học của SV	Tên đánh (ở cột bản 8.2.
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
Buổi 1 (4 tiết)	Thủ thuật Xoa bóp bấm huyệt, tác động cột sống	04	Thực hành thành thạo các kỹ năng về thủ thuật Xoa bóp bấm huyệt, tác động cột sống	CLO1 CLO2 CLO3		1. Nhắc lại kiến thức đã học trên lớp 2. Hướng dẫn thực hành mẫu trên mô hình 3. Quan sát học viên thực và hướng dẫn tư thế chuẩn	1. Trả lời các câu hỏi 2. Quan sát giảng viên hướng dẫn trên mô hình 3. Thực tập các thủ thuật trên mô hình	
Buổi 2 (4 tiết)	Thực hành ứng dụng Xoa bóp bấm huyệt, tác động cột sống	04	Thực hành thành thạo các kỹ năng về thủ thuật Xoa bóp bấm huyệt, tác động cột sống	CLO1 CLO2 CLO3		4. Nhắc lại kiến thức đã học trên lớp 5. Hướng dẫn	4. Trả lời các câu hỏi 5. Quan sát	

	trong điều trị một số bệnh		cột sống trong điều trị một số bệnh			thực hành mẫu trên mô hình	giảng viên hướng dẫn trên mô hình
Buổi 3 (4 tiết)	Luyện thư giãn Luyện thở Luyện ý.	04	Thực hành thành thạo các kỹ năng về: Luyện thư giãn Luyện thở Luyện ý.	CLO1 CLO2 CLO3		6. Nhắc lại kiến thức đã học trên lớp 7. Hướng dẫn thực hành mẫu trên mô hình Quan sát học viên thực tập và hướng dẫn tư thế chuẩn	6. Trả lời các câu hỏi 7. Quan sát giảng viên hướng dẫn trên mô hình Thực tập các thủ thuật trên mô hình
Buổi 4 (4 tiết)	Luyện tư thế trong tư thế động và trong tư thế tĩnh. Luyện động tác chống xơ xúng	04	Thực hành thành thạo các kỹ năng về: Luyện tư thế trong tư thế động và trong tư thế tĩnh. Luyện động tác chống xơ xúng	CLO1 CLO2 CLO3		8. Nhắc lại kiến thức đã học trên lớp 9. Hướng dẫn thực hành mẫu trên mô hình Quan sát học	8. Trả lời các câu hỏi 9. Quan sát giảng viên hướng dẫn trên

Buổi 5 (4 tiết)	Thực hành ứng dụng bài tập dưỡng sinh trong điều trị một số bệnh	04	Thực hành thành thạo các kỹ năng về ứng dụng bài tập dưỡng sinh trong điều trị một số bệnh	CLO1 CLO2 CLO3		viên thực tập và hướng dẫn tư thế chuẩn	10. Nhắc lại kiến thức đã học trên lớp 11. Hướng dẫn thực hành mẫu trên mô hình Quan sát học viên thực tập và hướng dẫn tư thế chuẩn	10. Trả lời các câu hỏi 11. Quan sát giảng viên hướng dẫn trên mô hình Thực tập các thủ thuật trên mô hình
Buổi 6 (4 tiết)	Lâm sàng ứng dụng Xoa bóp bấm huyệt, tác động cột sống trong điều trị một số bệnh thường gặp	04	Ứng dụng thành thạo các kỹ năng về: Xoa bóp bấm huyệt, tác động cột sống trong điều trị một số bệnh thường gặp	CLO1 CLO2 CLO3		viên thực tập và hướng dẫn tư thế chuẩn	12. Nhắc lại kiến thức đã học trên lớp 13. Hướng dẫn thực hành mẫu trên mô hình Quan sát học viên thực tập và hướng dẫn tư thế chuẩn	12. Trả lời các câu hỏi 13. Quan sát giảng viên hướng dẫn trên mô hình Thực tập các thủ thuật trên mô hình

Buổi 7 (4 tiết)	Lâm sàng ứng dụng: Luyện thư giãn, Luyện thở, Luyện ý.	04	Ứng dụng thành thạo các kỹ năng về: Luyện thư giãn, Luyện thở, Luyện ý trên lâm sàng	CLO1 CLO2 CLO3		14. Nhắc lại kiến thức đã học trên lớp 15. Hướng dẫn thực hành mẫu trên mô hình Quan sát học viên thực tập và hướng dẫn tư thế chuẩn	14. Trả lời các câu hỏi 15. Quan sát giảng viên hướng dẫn trên mô hình Thực tập các thủ thuật trên mô hình
Buổi 8 (4 tiết)	Lâm sàng ứng dụng: - Luyện tư thế trong tư thế động và trong tư thế tĩnh, - Luyện động tác chống xơ cứng	04	Ứng dụng thành thạo các kỹ năng về: Luyện tư thế trong tư thế động và trong tư thế tĩnh, - Luyện động tác chống xơ cứng	CLO1 CLO2 CLO3		16. Nhắc lại kiến thức đã học trên lớp 17. Hướng dẫn thực hành mẫu trên mô hình Quan sát học viên thực tập và hướng dẫn tư thế chuẩn	16. Trả lời các câu hỏi 17. Quan sát giảng viên hướng dẫn trên mô hình Thực tập các thủ thuật trên mô hình
Buổi 9 (4 tiết)	Lâm sàng ứng dụng bài tập dưỡng sinh trong	04	Ứng dụng thành thạo các kỹ năng về: các bài tập dưỡng sinh	CLO2		18. Nhắc lại kiến thức đã học trên lớp 19. Hướng dẫn	18. Trả lời các câu hỏi 19. Quan sát

	điều trị một số bệnh thường gặp	trong điều trị một số bệnh thường gặp				thực hành mẫu trên mô hình Quan sát học viên thực tập và hướng dẫn tư thế chuẩn	giảng viên hướng dẫn trên mô hình Thực tập các thủ thuật trên mô hình
Buổi 10 (4 tiết)	Thi hết thực hành/lâm sàng: Chăm hợp điểm các bài	04		CLO3			

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

Ví dụ Rubric 1: Đánh giá bài kiểm tra/bài tập lớn/ Bài tập của bài thực hành

Tiêu chí đánh giá	Trọng số%	Chuẩn đầu ra của Học phần	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			8.5-10 điểm	7.0-8.4 điểm	5.5- 6.9 điểm	4.0-5.4 điểm	0 – 3.9 điểm	
Kết quả bài kiểm tra/bài tập lớn	50%	CLO 1	Kết quả đúng, đầy đủ	Kết quả đúng đến 85%	Kết quả đúng đến 70%	Kết quả đúng đến 55%	Kết quả đúng dưới 40%	100%
Lập luận	30%	CLO2	Lập luận logic đầy đủ	Lập luận logic, chưa đầy đủ	Có lập luận; chưa rõ logic	Có lập luận; chưa logic	Lập luận sai, không lập luận	

Hình thức trình bày;	20%	Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp; Bố cục sạch sẽ; Bỏ các gạch chéo; mạch lạc; Không lỗi chính tả	Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp; Bỏ các gạch chéo; mô tả kết quả chưa rõ ràng	Chữ viết đọc được; Bỏ các gạch chéo; không mô tả được kết quả bài toán	Chữ viết xấu, khó đọc; Bỏ các gạch chéo; còn một số lỗi chính tả	Câu trả; Không có bố cục cụ thể; sai nhiều lỗi chính tả;
----------------------	-----	---	---	--	--	--

Ví dụ Rubric 1 – Nội dung thuyết trình thảo luận nhóm (có slides đi kèm)

STT	Nội dung tính điểm	Tỉ trọng	Chuẩn đầu ra học phần	Mức độ								
				8.5- 10 điểm	7.0-8.4 điểm	5.5- 6.9 điểm	4.0-5.4 điểm	0 – 3.9 điểm				
1	Nội dung báo cáo	25%	CLO2 CLO3	<ul style="list-style-type: none"> Nội dung chuyên môn đúng, theo đúng đảm bảo trích dẫn phù hợp Nội dung đúng hệ thống, logic 	<ul style="list-style-type: none"> Nội dung chuyên môn đúng, theo đúng đảm bảo trích dẫn phù hợp Nội dung tương đối đúng hệ thống, logic 	<ul style="list-style-type: none"> Nội dung chuyên môn trích dẫn còn sai sót Nội dung tương đối đúng hệ thống, logic 	<ul style="list-style-type: none"> Nội dung chuyên môn đúng, trích dẫn chưa phù hợp Nội dung chưa theo hệ thống 	<ul style="list-style-type: none"> Nội dung chuyên môn chưa đúng, trích dẫn chưa phù hợp Nội dung chưa theo hệ thống, logic 	<ul style="list-style-type: none"> Các slide rõ ràng, dễ theo dõi, Đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày 	<ul style="list-style-type: none"> Các slide rõ ràng, dễ theo dõi, Chưa đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày 	<ul style="list-style-type: none"> Các slide chưa rõ ràng, khó theo dõi Chưa đảm bảo tính hệ thống liên 	<ul style="list-style-type: none"> Các slide chưa rõ ràng, khó theo dõi Chưa đảm bảo tính hệ thống liên
2	Hình thức các slides	10%	CLO3	<ul style="list-style-type: none"> Các slide rõ ràng, dễ theo dõi, Đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày 	<ul style="list-style-type: none"> Các slide rõ ràng, dễ theo dõi, Chưa đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày 	<ul style="list-style-type: none"> Các slide rõ ràng, dễ theo dõi, Chưa đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày 	<ul style="list-style-type: none"> Các slide chưa rõ ràng, khó theo dõi Chưa đảm bảo tính hệ thống liên 	<ul style="list-style-type: none"> Các slide chưa rõ ràng, khó theo dõi Chưa đảm bảo tính hệ thống liên 	<ul style="list-style-type: none"> Các slide chưa rõ ràng, khó theo dõi Chưa đảm bảo tính hệ thống liên 			

				<ul style="list-style-type: none"> - Khuyến khích một số hiệu ứng khi cần thiết 	<ul style="list-style-type: none"> - Hiệu ứng xuất hiện chưa phù hợp 	<ul style="list-style-type: none"> - Hiệu ứng xuất hiện khi cần thiết 	<ul style="list-style-type: none"> - Hiệu ứng xuất hiện ảnh hưởng đến theo dõi 	<ul style="list-style-type: none"> - Lạc trong trình bày
3	Kỹ năng trình bày	25%	CLO3	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình rõ ràng, đầy đủ nội dung, đủ thời lượng - Thuyết trình sinh động, tự tin, tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình rõ ràng, đầy đủ nội dung, đủ thời lượng - Thuyết trình sinh động, thiếu tự tin, chưa tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe 	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình rõ ràng, đầy đủ nội dung, vượt thời lượng ít - Thuyết trình thiếu tự tin, chưa tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe 	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình không rõ ràng, đầy đủ nội dung, vượt thời lượng nhiều - Thuyết trình khó khăn, chưa tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe 	<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời sai cơ bản nội dung; lan man
4	Trả lời câu hỏi	10%	CLO3	<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời đúng nội dung ($\geq 85\%$) - Trả lời ngắn gọn, đi thẳng vào trọng tâm vấn đề 	<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời tương đối đúng nội dung ($\geq 70\%$) - Trả lời ngắn gọn, đi thẳng vào trọng tâm vấn đề 	<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời còn nhiều chỗ nội dung chưa chính xác - Trả lời chưa đi vào trọng tâm vấn đề 	<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời còn nhiều chỗ nội dung chưa chính xác - Trả lời chưa đi vào trọng tâm vấn đề 	<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời sai cơ bản nội dung; lan man
5	<p>Làm việc nhóm</p> <p>1. Thành viên nhóm</p> <p>2. Trưởng nhóm</p>	15%	CLO3	<ul style="list-style-type: none"> - Tham gia nhiệt tình - Hoàn thành công việc được phân công - Chia sẻ công việc thành viên 	<ul style="list-style-type: none"> - Tham gia nhiệt tình - Hoàn thành công việc được phân công - Ít chia sẻ công việc thành viên 	<ul style="list-style-type: none"> - Tham gia nhiệt tình - Hoàn thành công việc được phân công - Không chia sẻ công việc thành viên 	<ul style="list-style-type: none"> - Tham gia không nhiệt tình - Chưa hoàn thành công việc được phân công - Không chia sẻ công việc thành viên 	<ul style="list-style-type: none"> - Tham gia không nhiệt tình - Chưa hoàn thành công việc được phân công - Không chia sẻ công việc thành viên

				<ul style="list-style-type: none"> - Tham gia ý kiến chung 2. – Kế hoạch rõ ràng <ul style="list-style-type: none"> - Phân công cụ thể - Giám sát thành viên - Kiểm soát kết quả - Đánh giá thành viên 	<ul style="list-style-type: none"> - Ít tham gia ý kiến chung 2. – Kế hoạch rõ ràng <ul style="list-style-type: none"> - Phân công cụ thể - Giám sát thành viên - Kiểm soát kết quả - Chưa đánh giá thành viên 	<ul style="list-style-type: none"> - Ít tham gia ý kiến chung 2. – Kế hoạch đầy đủ <ul style="list-style-type: none"> - Không phân công cụ thể - Giám sát thành viên - Chưa kiểm soát kết quả - Chưa đánh giá thành viên 	<ul style="list-style-type: none"> - Ít tham gia ý kiến chung 2. – Kế hoạch không rõ ràng <ul style="list-style-type: none"> - Không phân công cụ thể - Giám sát thành viên - Chưa kiểm soát kết quả - Chưa đánh giá thành viên
--	--	--	--	---	---	---	--

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm với học phần có cả lý thuyết và thực hành

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm kiểm tra thường xuyên	10%	Thảo luận nhóm/ bài tập lớn/ kiểm tra	Điểm đánh giá quá trình	100%	Rubric 1,	CLO1 CLO3	Theo KH của Bộ môn
Điểm thực hành	30%	Theo từng chủ đề	04 bài	25%/bài	Rubric 1 Rubric 2	CLO2 CLO3	Theo KH bài giảng
Điểm thi kết thúc học phần	60%	Thi trắc nghiệm trên máy	Bài kết thúc học phần	100%	Không	CLO1	Theo KH của Bộ môn

Hoặc bộ môn chỉ có lý thuyết

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm kiểm tra	30%	Điểm chuyên cần/ bài tập lớn/ kiểm tra	Điểm đánh giá quá trình	100%	Rubric 1,	CLO1 CLO3	Theo KH của Bộ môn
Điểm thi kết thúc học phần	60%	Thi trắc nghiệm máy tính, thi tự luận/ viết tiểu luận	Bài kết thúc học phần	100%	Không	CLO1	Theo KH của Bộ môn

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

Ví dụ:

Thời gian: 20 phút ;

Tổng số câu: 40

Chuẩn đầu ra học phần/mô đun	Trọng số	Tổng số câu hỏi	Số câu hỏi bậc 1 (Tái hiện: Nhớ)	Số câu hỏi bậc 2 (Tái tạo: Hiểu, Áp dụng)	Số câu hỏi bậc 3 (Lập luận sáng tạo: Phân tích, Tổng hợp, Đánh giá, Sáng tạo)
CLO1	100%	12	12 (30%)	20 (50%)	8 (20%)
Tổng	100%	40	12	20	8

Điểm thi được tính theo thang điểm 10.

9.5. Điểm học phần

Cách đánh giá: Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.1 Điểm lý thuyết: theo thực tế quy định của bộ môn (bộ môn viết chi tiết cách tính của bộ môn)

9.2 Điểm thực hành/lâm sàng: theo thực tế quy định của bộ môn (bộ môn viết chi tiết cách tính của bộ môn)

9.3 Điểm tổng kết học phần:

- Điểm đánh giá kết thúc học phần các môn có cả lý thuyết và thực hành = (Điểm tổng kết phần thực hành/lâm sàng X 1.0 + Điểm tổng kết phần lý thuyết X 2.0)/3

- Điểm đánh giá kết thúc học phần đối với các môn lâm sàng: điểm lý thuyết và thực hành tính độc lập.

- Điểm lý thuyết và thực hành phải đạt 5 điểm trở lên theo thang điểm 10 (làm tròn đến 0,5).

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

Tài liệu giảng dạy DƯỠNG SINH – XOA BÓP BẨM HUYỆT, dành cho đối tượng Sau Đại học.

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Bộ môn YHCT (1985), *Bài giảng YHCT tập III*, Nhà xuất bản y học, tr 7-75.

2. Bộ y tế (1966), *Khí công liệu pháp*, Vụ huấn luyện Bộ Y tế.

3. Hoàng Bảo Châu (1978), *Khí Công*, Nhà xuất bản y học.

4. Hoàng Bảo Châu (1997), *Lý luận cơ bản y học cổ truyền*, Nhà xuất bản y học, tr 7-173.

5. Dương Trọng Hiếu (1988), *Dưỡng sinh trường thọ*, Nhà xuất bản y học.

6. Nguyễn Văn Hưởng (1996), *Phương pháp dưỡng sinh*, Trung ương Hội y học cổ truyền Việt Nam.

7. Ngô Gia Hy (1995), *Khí công và y học hiện đại*, Nhà xuất bản Đồng Nai.

8. Trần Thuý, Phạm Thúc Hạnh (1997), *Dưỡng sinh khí công dân tộc*, Viện y học cổ truyền Việt Nam, 1997.

9. Vũ Quang Tiệp (1977), *Thế dục phòng bệnh và chữa bệnh*, Nhà xuất bản Thể dục thể thao.
10. Tuệ Tĩnh (1998), *Hồng nghĩa giác tư y thư*, Nhà xuất bản y học 1998.
11. Lê Hữu Trác (1997), *Hải Thượng Y Tông Tâm Lĩnh*, Nhà xuất bản y học 1997.
12. Nguyễn Khắc Viện (1979), *Từ sinh lý đến dưỡng sinh*, Nhà xuất bản y học.
13. Bộ môn YHCT - Trường Đại học Y Hà Nội (2001), *Nội kinh*, Nhà xuất bản Y học.
14. Bộ môn YHCT - Trường Đại học Y Hà Nội (2009), *Y Dịch*, Nhà xuất bản Y học
15. Trần Quang Đạt, Trần Thái Hà (2022). *Điều trị một số chứng bệnh thường gặp trên lâm sàng bằng phương pháp châm cứu, xoa bóp, khí công dưỡng sinh*. Nhà xuất bản Y học.
16. Trần Thái Hà, Trần Quang Đạt (2022). *Châm cứu xoa bóp dưỡng sinh chữa và phòng một số chứng bệnh mạn tính ở người cao tuổi*. Nhà xuất bản Y học

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.
- ✓ Sinh viên thực hiện đầy đủ và trung thực các nhiệm vụ học tập, kiểm tra, đánh giá theo Đề cương chi tiết học phần và hướng dẫn của giảng viên giảng dạy học phần.

12. Cấp phê duyệt

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

TRƯỞNG KHOA

(Ký, ghi rõ họ tên)

BỘ MÔN

(Ký, ghi rõ họ tên)

Phan Thanh Hưng

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/MÔN HỌC

Đối tượng đào tạo: Đào tạo học viên Chuyên khoa I Châm cứu,

Mã số đào tạo:

Năm thứ: 2

1. Thông tin chung về Học phần/ Môn học

- Tên Học phần/ Môn học: Quản lý nhà nước về y tế

* Tiếng Việt: Quản lý nhà nước về y tế

* Tiếng Anh:

- Mã Học phần/ Môn học:

- Số tín chỉ: 01LT/01.TH/LS

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 15 tiết LT/30 tiết TH

+ Lý thuyết: 15 tiết

+ Thực hành/ Lâm sàng: 30 tiết

+ Bài tập: tiết

+ Thảo luận, hoạt động nhóm: 10 tiết

+ Kiểm tra:.....tiết

+ Thời gian tự học: 105 tiết

(Hướng dẫn điền số tiết: Theo khoản 1 điều 7 thông tư 17/2021/TT-BGDĐT có quy định:

Khối lượng học tập của chương trình đào tạo, của mỗi thành phần hoặc của mỗi học phần trong chương trình đào tạo được xác định bằng số tín chỉ.

a) Một tín chỉ được tính tương đương 50 giờ học tập định mức của người học, bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá;

b) Đối với hoạt động dạy học trên lớp, một tín chỉ yêu cầu thực hiện tối thiểu 15 giờ giảng hoặc 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận trong đó một giờ trên lớp được tính bằng 50 phút.)

- Đối tượng học: Đào tạo học viên Chuyên khoa I Châm cứu

- Vị trí của Học phần/ Môn học trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>							
		Kiến thức cơ sở khối ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>	
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>		

- Điều kiện tham gia học phần:

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Lưu Minh Châu	0963171071	minhchauytdp@gmail.com
2	PGS. TS. Nguyễn Quốc Huy		
3	PGS. TS. Phạm Quốc Bình		
4	PGS.TS. Phạm Vũ Khánh		
5	Ths. Trương Thị Minh Trang	0916359842	
	Mời giảng		

3. Mục tiêu của Học phần/ Môn học

Sau khi kết thúc Học phần/ Môn học, học viên đạt được các mục tiêu sau:

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT HP1	Hiểu đại cương về quản lý nhà nước về y tế

MT HP2	Trình bày và phân tích được về hệ thống chính trị nhà nước; Nguyên tắc hoạt động và điều hành của hệ thống y tế Việt Nam
MT HP3	Phân tích được các hệ thống văn bản quy phạm pháp luật và các Luật liên quan đến quá trình hành nghề
MT HP4	Xây dựng được kế hoạch hoạt động Y tế
MT HP5	Kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện và công tác quản lý chất thải bệnh viện; Sắp xếp đơn vị theo chuẩn 5S

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	(1)	(2)	(3)
MT HP1	3	3	3
MT HP2	3	3	3
MT HP3	3	3	3
MT HP4	3	3	3
MT HP5	3	3	3

Ghi chú: Mức độ đóng góp của mục tiêu học phần/ modun (MT HP) vào mục tiêu của chương trình đào tạo (MT CTĐT) được xác định cụ thể:

- 1 – MT HP có đóng góp ít vào MT CTĐT
- 2 – MT HP có đóng góp vừa vào MT CTĐT
- 3 – MT HP có đóng góp nhiều vào MT CTĐT

Chú thích: 3, 2, 1 phụ thuộc vào mức hỗ trợ của MT HP đối với MT CTĐT ở mức bắt đầu (1) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế, ... (2) hay mức thuần thục (3)

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Xác định được vai trò Quản lý nhà nước về y tế theo pháp luật
CLO2	Phân tích và Vận dụng nguyên tắc hoạt động và điều hành của hệ thống y tế Việt Nam

CLO3	Xây dựng được kế hoạch hoạt động Y tế
CLO4	Kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện và công tác quản lý chất thải bệnh viện; Sắp xếp đơn vị theo chuẩn 5S
CLO5	Vận dụng các Bộ luật liên quan hoạt động chăm sóc sức khỏe người dân

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

Mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ modun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO) được xác định cụ thể:

- 1 – CLO có đóng góp ít vào PLO
- 2 – CLO có đóng góp vừa vào PLO
- 3 – CLO có đóng góp nhiều vào PLO

Chú thích: 3, 2, 1 phụ thuộc vào mức hỗ trợ của CLO đối với PLO ở mức bắt đầu (1) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...(2) hay mức thuần thục (3)

Bảng 5.1.Mối liên hệ của CDR HP (CLO) đến CDR của CTĐT (PLO)

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
CLO 1	3						3		3
CLO 2	3						3		3
CLO 3	3						3		3
CLO 4	3						3		3
CLO 5	3						3		3

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết: Giảng đường, máy chiếu, loa míc

6.1.2. Lâm sàng:

6.1.3. Thực hành:

Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Giảng đường tiêu chuẩn
2	Máy chiếu
3	Loa mic

6.2. Yêu cầu đối với học viên

Dự lớp: học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

– Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

– Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

– Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

– Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các bài thực hành, kiểm tra phải ở mức đạt ở tất cả số bài yêu cầu.

Học viên phải đạt điểm trung bình môn học đạt 5/10 trở lên

✓ Trong quá trình học tập, học viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

7. Tóm tắt nội dung Học phần/ Môn học

Môn học cung cấp cho học viên kiến thức; Kỹ năng quản lý bệnh viện và vận dụng các Luật trong quá trình hành nghề, các văn bản quản lý Nhà nước về Y tế; các xây dựng kế hoạch hoạt động y tế, sắp xếp đơn vị theo tiêu chuẩn 5S.

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (... tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/KT /Tự học)	CĐR của bài học (chương)/ chủ đề	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	PP giảng dạy đạt CĐR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Đại cương về quản lý nhà nước; Các văn bản quy phạm pháp Luật trong quản lý nhà nước về Y học cổ truyền và Chiến lược phát triển Y học cổ truyền	4		1,6	Phương pháp giảng dạy tích cực giải quyết vấn đề và mục tiêu, thuyết trình ngắn	Hoạt động nhóm Động não Học dựa trên vấn đề	
2	Giới thiệu Luật Dược và Luật Bảo hiểm Y tế	4		1,6	Phương pháp giảng dạy tích cực giải quyết vấn đề và mục tiêu, thuyết trình ngắn	Hoạt động nhóm Động não Học dựa trên vấn đề	

3	Giới thiệu về Luật Khám chữa bệnh	4		1,6	Phương pháp giảng dạy tích cực giải quyết vấn đề và mục tiêu, thuyết trình ngắn	Hoạt động nhóm Động não Học dựa trên vấn đề	
4	Xây dựng được kế hoạch hoạt động Y tế	3		1,6	Phương pháp giảng dạy tích cực giải quyết vấn đề và mục tiêu, thuyết trình ngắn	Hoạt động nhóm Động não Học dựa trên vấn đề	

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

9.2.1. Rubric đánh giá chuyên cần:

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng			Đánh giá	
		Đạt				Không đạt
		Rất tốt	Tốt	Đạt		

Mức độ tham dự theo thời khóa biểu	Tính độ lập	95-100% số tiết trên lớp	85-94% số tiết trên lớp	80-84% số tiết trên lớp	<80% số tiết trên lớp	Nếu 1 trong 2 tiêu chí không đạt là không đạt điều kiện thi kết thúc học phần
Tham gia các bài kiểm tra và hoạt động	Tính độ lập	Tham gia đầy đủ các hoạt động và hoàn thành mức đạt ở tất cả các bài kiểm tra			Không tham gia và thiếu bài kiểm tra hoặc bài kiểm tra không đạt	

9.2.2. Rubric đánh giá bài thực hành

9.2.3. Rubric đánh giá tiêu luận:

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng				Đánh giá
		Đạt			Không đạt	
		Rất tốt	Tốt	Đạt		
Hình thức	10%	Không lỗi chính tả, trình bày rõ ràng, sạch			nhiều lỗi chính tả, trình bày không rõ ràng	
Bố cục	10%	Đầy đủ các phần theo quy định			không theo quy định	
Tài liệu Tham khảo	10%	Phong phú, sắp xếp theo đúng quy định			Rất ít, sắp xếp không theo đúng quy định	
Nội dung Đặt vấn đề, mục tiêu (điều kiện tiên quyết phải đạt)	20%	Đúng yêu cầu tiêu chuẩn	Thiếu một phần	Cần viết rõ	Không đúng yêu cầu	
Phân giới thiệu mở đầu	10%	Đúng yêu cầu tiêu chuẩn, logic	Thiếu một phần	Cần viết rõ	Không đúng yêu cầu, logic	
Các nội dung cân đối, phù hợp mục tiêu	30%	Đúng yêu cầu tiêu chuẩn, logic	Thiếu một phần	Cần viết rõ	Không đúng yêu cầu, logic	

Thông tin phân tích có nguồn gốc	10%	Đúng yêu cầu tiêu chuẩn, logic	Thiếu một phần	Cần viết rõ	Không đúng yêu cầu, logic	
----------------------------------	-----	--------------------------------	----------------	-------------	---------------------------	--

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm kiểm tra	Điều kiện thi kết thúc học phần	Bài tập	Thảo luận xác định nội dung báo cáo	Điều kiện thi kết thúc học phần	2	1,2	Thảo luận nhóm và viết báo cáo của các nhân (mỗi SV theo một vấn đề sức khỏe riêng biệt)
Điểm thi kết thúc học phần/mô đun	100%	Điểm tiểu luận	Báo cáo theo chuyên đề	100%	3	1,2,3,4,5	Mỗi HV hoàn thành báo cáo theo chuyên đề

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

9.5. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm lý thuyết* và *Điểm thực hành* theo bảng 9.3.1

Điểm kết thúc học phần đạt khi điểm trung bình chung học phần đạt điểm từ 5.0 trở lên

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

Giáo trình Quản lý nhà nước về y tế (tài liệu lưu hành nội bộ).

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Bộ Y tế (2014). Tài liệu đào tạo liên tục quản lý chất lượng bệnh viện. Nhà xuất bản Y học.
2. Bộ Y tế (2016), *Các thực hành tốt quản lý chất lượng và an toàn người bệnh tại một số bệnh viện Việt Nam*, Nhà xuất bản Hồng Đức, Hà Nội 2016
3. Bộ Y tế (2014), *Quản lý nhà nước về Y tế*, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
4. Quản lý 5S trong y tế.
5. Bộ Y tế (2016), *Bộ tiêu chí chất lượng bệnh viện Việt Nam*

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.

- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Học viên thực hiện đầy đủ và trung thực các nhiệm vụ học tập, kiểm tra, đánh giá theo Đề cương chi tiết học phần và hướng dẫn của giảng viên giảng dạy học phần.

12. Cấp phê duyệt

TRƯỞNG KHOA

(Ký, ghi rõ họ tên)

Hà Nội, ngày tháng năm

BỘ MÔN/MÔ ĐUN

(Ký, ghi rõ họ tên)



TS. *Lưu Minh Châu*

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: Ngày/tháng/năm.	Người cập nhật
--	----------------

Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN:
MÔN: NỘI TỔNG HỢP**

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:
* Tiếng Việt: Nội tổng hợp
* Tiếng Anh: General Internal Medicine
- Mã học phần/ mô đun: 112308
- Số tín chỉ: 02 LT/ 03 TH/LS
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: tiết
+ Lý thuyết: 30 tiết
+ Thực hành/ Lâm sàng/Seminar: 135 tiết
+ Kiểm tra, đánh giá: ..1. tiết
+ Thời gian tự học: 197 tiết
- Đối tượng học (năm thứ): Bác sĩ chuyên khoa I ngành châm cứu năm 1
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

- Điều kiện tham gia học phần:
+ Học phần tiên quyết:
+ Học phần học trước:
+ Học phần song hành: Không
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Nội – Tổ YHHD

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1.	Ths. BSCKII.Trần Thị Kim Thu	0982463479	bstrankimthu@gmail.com
2.	Ths.Đặng Việt Sinh	0915011418	bssinh2016@gmail.com
3.	Ths.BSCKII.Nguyễn hị Hồng Loan	0983937809	honglaonbibi@gmail.com
4.	Ths.Trần Thị Thu Hương	0983290394	huonggvbve@gmail.com

5.	Ths.Trần Thị Minh	09060050918	bstranminh8178@gmail.com
6.	Ths.Trần Thị Hải Yến	0932371045	bstranhaiyen1307@gmail.com
7.	PGS. Hoàng Thanh Tuyên	0903211254	twyenht@gmail.com
8.	TS.Lê Quang Toàn	0904464680	letoan.endo@gmail.com
9.	TS.Nguyễn Minh Tuấn	0982150672	bstuan76bve@gmail.com
10.	TS.Chu Dũng Sĩ	0906050918	sichu.bvbachmai@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT1	Nắm được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng, chẩn đoán và điều trị một số bệnh nội cơ xương khớp thường gặp.
MT2	Vận dụng kiến thức bệnh học chẩn đoán và đề xuất điều trị được một số bệnh nội cơ xương khớp thường gặp.
MT3	Thực hiện được thăm khám, chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh đúng cách một số bệnh lý nội khoa thường gặp

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	(1)	(2)	(3)	(4)
MT1	3	3		
MT2	3	3		
MT3	3	3		

1 – Mức đóng góp ít; 2 – Mức đóng góp vừa ; 3 – Mức đóng góp nhiều

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Sau khi học xong học phần, người học có thể:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Nắm được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng, chẩn đoán và điều trị một số bệnh nội cơ xương khớp thường gặp.
CLO2	Vận dụng kiến thức bệnh học chẩn đoán và đề xuất điều trị được một số bệnh nội cơ xương khớp thường gặp.
CLO3	Thực hiện được thăm khám, chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh đúng cách một số bệnh lý nội khoa thường gặp

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

1 – Thấp; 2 – Trung bình ; 3 – Cao

Bảng 5.1.Mối liên hệ của CDR HP (CLO) đến CDR của CTĐT (PLO)

PLO	1	2	3	4	5	6	7	8	9
CLO1	3		3			3			
CLO2	3		3			3			
CLO3	3		3			3			
....									

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết: Giáo trình, tài liệu tham khảo như mục 10.1 và 10.2

Máy chiếu, loa, mic, bảng, phấn...

6.1.2. Lâm sàng:(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo NĐ 111/2017/NĐ-CP)

6.1.3. Thực hành:(Tổ chức dạng SEMINAR)

Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Máy chiếu PROJECTER, LAPTOP
2	loa, mic...
3

6.2. Yêu cầu đối với học viên

- - Học viên phải có giáo trình.

- Học viên phải tự đọc tối thiểu đầy đủ tài liệu học tập (tại mục 10), đảm bảo kết quả thi kết thúc học phần với kiến thức có trong giáo trình, trong tài liệu tham khảo và kiến thức cập nhật mới.

- Dự lớp học lý thuyết: Học viên có trách nhiệm tham gia đầy đủ các buổi học và các hoạt động học tập tại lớp; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

- Lâm sàng:

- Tuân thủ thời gian thực hành lâm sàng, trong thời gian đi lâm sàng tại các bệnh viện, tham gia khám, chẩn đoán, điều trị; thực hiện các thủ thuật, kỹ thuật thăm dò và điều trị dưới sự hướng dẫn của giảng viên tại bệnh viện.
- Tham gia trực tại khoa học lâm sàng theo lịch phân công
- Chấp hành đầy đủ các nội quy của Bệnh viện, Khoa, Phòng.
- Thực hiện đúng nội qui chế học lâm sàng, tham gia học lâm sàng và tham gia trực đầy đủ.

- Tự học: Chủ động tổ chức giờ tự học bao gồm: Ôn bài học trước, **tự đọc** giáo trình và tài liệu tham khảo có liên quan tới chuẩn bị cho bài học mới theo tên bài kèm nội dung ghi tại cột 2 trong các bảng ở mục 8 (bao gồm cả phần tự đọc không giảng trên lớp - nếu có), phân phối thời gian tự học ôn tập phục vụ cho các bài thảo luận/kiểm tra/thi hết thực hành/ thi kết thúc học phần (các hình thức ghi tại mục 9.3); Đảm bảo thời gian tự học theo quy định.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần:

- Lý thuyết: số tiết tham dự lý thuyết tối thiểu đạt 80 %.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Thực hiện đúng nội qui chế học lâm sàng, tham gia học lâm sàng và tham gia trực đầy đủ.

7. Mô tả chung học phần/ mô đun

Học phần bệnh học là học phần rất quan trọng, nó cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về bệnh học các bệnh nội khoa thường gặp, giúp cho người học có cái nhìn khái quát về bệnh, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, chẩn đoán và điều trị các bệnh nội khoa thường gặp. Phần thực hành lâm sàng sẽ tập trung chủ yếu vào thăm khám, nhận định các triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, chẩn đoán và đề xuất hướng điều trị cụ thể một số bệnh lý thường gặp trên lâm sàng.**8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:**

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (... tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/ KT/ Tự học)	CĐR của bài học (chương)/ chủ đề	Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1	PP giảng dạy đạt CĐR	Hoạt động học của Sinh viên	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1.	Tăng huyết áp và cơn tăng huyết áp cấp	2/0/4	Nắm được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh; chẩn đoán và điều trị Tăng huyết áp và cơn tăng huyết áp cấp	CLO1 CLO2 CLO3	Thuyết trình. Động não Giải quyết vấn đề	Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, suy nghĩ - trả lời	
2.	Suy tim cấp, mạn	2/0/4	Nắm được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh; chẩn đoán và điều trị Suy tim cấp, mạn	CLO1 CLO2 CLO3	Thuyết trình. Động não Giải quyết vấn đề	Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, suy nghĩ - trả lời	
3.	Cơn đau thắt ngực – Nhồi máu cơ tim	2/0/4	Nắm được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh; chẩn đoán và điều trị Cơn đau thắt ngực – Nhồi	CLO1 CLO2 CLO3	Thuyết trình. Động não Giải quyết vấn đề	Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, suy nghĩ - trả lời	

4.	Cập nhật chẩn đoán và điều trị Hen Phế quản	2/0/4	máu cơ tim Năm được nguyên nhân, cơ ché bệnh sinh; chẩn đoán và điều trị	CLO1 CLO2 CLO3	Thuyết trình. Động nào Giải quyết vấn đề	Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, suy nghĩ - trả lời	
5.	Cập nhật chẩn đoán và điều trị COPD	2/0/4	Năm được nguyên nhân, cơ ché bệnh sinh; chẩn đoán và điều trị	CLO1 CLO2 CLO3	Thuyết trình. Động nào Giải quyết vấn đề	Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, suy nghĩ - trả lời	
6.	Hội chứng trào ngược dạ dày thực quản	2/0/4	Năm được nguyên nhân, cơ ché bệnh sinh; chẩn đoán và điều trị Cập nhật chẩn đoán và điều trị COPD	CLO1 CLO2 CLO3	Thuyết trình. Động nào Giải quyết vấn đề	Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, suy nghĩ - trả lời	
7.	Điều trị loét dạ dày, tá tràng	2/0/4	Năm được nguyên nhân, cơ ché bệnh sinh; chẩn đoán và điều trị Điều trị loét dạ dày, tá tràng	CLO1 CLO2 CLO3	Thuyết trình. Động nào Giải quyết vấn đề	Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, suy nghĩ - trả lời	
8.	Cập nhật chẩn đoán và điều trị Bệnh thận	2/0/4	Năm được Cập nhật chẩn đoán	CLO1 CLO2	Thuyết trình.	Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, suy nghĩ - trả lời	

	man tính		và điều trị COPD	CLO3	Động não Giải quyết vấn đề	hỏi, suy nghĩ - trả lời	
9.	Nhiễm khuẩn tiết niệu	2/0/4	Năm được nguyên nhân, cơ ché bệnh sinh; chẩn đoán và điều trị Nhiễm khuẩn tiết niệu	CLO1 CLO2 CLO3	Thuyết trình. Động não Giải quyết vấn đề	Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, suy nghĩ - trả lời	
10.	Hội chứng cổ - vai – cánh tay	2/0/4	Năm được nguyên nhân, cơ ché bệnh sinh; chẩn đoán và điều trị Hội chứng cổ - vai – cánh tay	CLO1 CLO2 CLO3	Thuyết trình. Động não Giải quyết vấn đề	Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, suy nghĩ - trả lời	
11.	Đau cột sống thắt lưng và thần kinh tọa	2/0/4	Năm được nguyên nhân, cơ ché bệnh sinh; chẩn đoán và điều trị Đau cột sống thắt lưng và thần kinh tọa	CLO1 CLO2 CLO3	Thuyết trình. Động não Giải quyết vấn đề	Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, suy nghĩ - trả lời	
12.	Chẩn đoán và điều trị đái tháo đường	2/0/4	Năm được nguyên nhân, cơ ché bệnh sinh; chẩn đoán và điều trị Chẩn đoán và điều trị	CLO1 CLO2 CLO3	Thuyết trình. Động não Giải quyết vấn đề	Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, suy nghĩ - trả lời	

13.	Basedow			đái tháo đường Năm được nguyên nhân, cơ ché bệnh sinh; chẩn đoán và điều trị Basedow	CLO1 CLO2 CLO3	Thuyết trình. Động não Giải quyết vấn đề	Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, suy nghĩ - trả lời	
14.	Leucemie kinh dòng hạt		2/0/4	Năm được nguyên nhân, cơ ché bệnh sinh; chẩn đoán và điều trị Leucemie kinh dòng hạt	CLO1 CLO2 CLO3	Thuyết trình. Động não Giải quyết vấn đề	Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, suy nghĩ - trả lời	
15.	Suy tủy xương		2/0/4	Năm được nguyên nhân, cơ ché bệnh sinh; chẩn đoán và điều trị Suy tủy xương	CLO1 CLO2 CLO3	Thuyết trình. Động não Giải quyết vấn đề	Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, suy nghĩ - trả lời	
16.	Kiểm tra 1 tiết		1/0/2					
17.	Thi kết thúc học phần		0,5 tiết					KTHP

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (... tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)	Số tiết (TH/LS/ KT/ Tự học)	CDR của bài TH/LS (chương)	Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1	Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1.	Chẩn đoán và điều trị Tăng huyết áp	4/0/0/4	Thực hiện được chẩn đoán, điều trị Tăng huyết áp	CLO1 CLO2 CLO3	(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo ND 111/2017/N Đ-CP)	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	1. Tiến hành phân tích tình huống nhóm 2. Thuyết trình slide, phản biện 3. Thảo luận	Đánh giá cho điểm bài
2.	Chẩn đoán và điều trị cơn đau thắt ngực/nhồi máu cơ tim	4/0/0/4	Thực hiện được chẩn đoán, điều trị cơn đau thắt ngực/nhồi máu cơ tim	CLO1 CLO2 CLO3	(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo ND 111/2017/N Đ-CP)	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	1. Tiến hành phân tích tình huống nhóm 2. Thuyết trình slide, phản biện 3. Thảo luận	Đánh giá cho điểm bài
3.	Chẩn đoán và điều trị Suy tim	4/0/0/4	Thực hiện được chẩn đoán, điều trị	CLO1 CLO2 CLO3	(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề	1. Tiến hành phân tích tình huống nhóm	Đánh giá cho điểm bài

4.	Chẩn đoán và điều trị Bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính	4/0/0/4	Thực hiện được chẩn đoán, điều trị Bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính	CLO1 CLO2 CLO3	(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo ND 111/2017/N Đ-CP)	4. Thảo luận 5. Mô phỏng	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	2. Thuyết trình slide, phản biện 3. Thảo luận	1. Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm 2. Thuyết trình slide, phản biện 3. Thảo luận	Đánh giá cho điểm bài			
5.	Chẩn đoán và điều trị Hen phế quản	4/0/0/4	Thực hiện được chẩn đoán, điều trị Hen phế quản	CLO1 CLO2 CLO3	(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo ND 111/2017/N Đ-CP)	4. Thảo luận 5. Mô phỏng	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	2. Thuyết trình slide, phản biện 3. Thảo luận	1. Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm 2. Thuyết trình slide, phản biện 3. Thảo luận	Đánh giá cho điểm bài			
6.	Chẩn đoán và điều trị Viêm phổi	4/0/0/4	Thực hiện được chẩn đoán, điều trị Viêm phổi	CLO1 CLO2 CLO3	(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo ND 111/2017/N Đ-CP)	4. Thảo luận 5. Mô phỏng	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	2. Thuyết trình slide, phản biện 3. Thảo luận	1. Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm 2. Thuyết trình slide, phản biện 3. Thảo luận	Đánh giá cho điểm bài			

7.	Chẩn đoán và điều trị Viêm phế quản	4/0/0/4	Thực hiện được chẩn đoán, điều trị Viêm phế quản	CLO1 CLO2 CLO3	(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo ND 111/2017/N Đ-CP)	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	1. Tiến hành phân tích tình huống nhóm 2. Thuyết trình slide, phản biện 3. Thảo luận	Đánh giá cho điểm bài					
8.	Chẩn đoán và điều trị Tràn dịch màng phổi.	4/0/0/4	Thực hiện được chẩn đoán và đưa ra hướng điều trị Viêm phổi Tràn dịch màng phổi	CLO1 CLO2 CLO3	(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo ND 111/2017/N Đ-CP)	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	1. Tiến hành phân tích tình huống nhóm 2. Thuyết trình slide, phản biện 3. Thảo luận	Đánh giá cho điểm bài					
9.	Chẩn đoán và điều trị Xơ gan	4/0/0/4	Thực hiện được chẩn đoán, điều trị Xơ gan	CLO1 CLO2 CLO3	(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo ND 111/2017/N Đ-CP)	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	1. Tiến hành phân tích tình huống nhóm 2. Thuyết trình slide, phản biện 3. Thảo luận	Đánh giá cho điểm bài					
10.	Chẩn đoán và điều trị Viêm gan	4/0/0/4	Thực hiện được chẩn đoán, điều trị Viêm gan	CLO1 CLO2	(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo ND 111/2017/N Đ-CP)	1. Thuyết trình 2. Động não	1. Tiến hành phân tích tình huống nhóm 2. Thuyết trình slide, phản biện 3. Thảo luận	Đánh giá cho điểm bài					

				CLO3	viện thực hành theo NE 111/2017/N Đ-CP)	3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	huống theo nhóm 2. Thuyết trình slide, phản biện 3. Thảo luận	điểm bài
11.	Chẩn đoán và điều trị Xuất huyết tiêu hóa do GVTM thực quản/ do ổ loét			CLO1 CLO2 CLO3	(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo NE 111/2017/N Đ-CP)	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	1. Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm 2. Thuyết trình slide, phản biện 3. Thảo luận	Đánh giá cho điểm bài
12.	Chẩn đoán và điều trị Loét dạ dày tá tràng		4/0/0/4	CLO1 CLO2 CLO3	(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo NE 111/2017/N Đ-CP)	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	1. Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm 2. Thuyết trình slide, phản biện 3. Thảo luận	Đánh giá cho điểm bài
13.	Chẩn đoán và điều trị Bệnh thận mạn		4/0/0/4	CLO1 CLO2 CLO3	(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo NE)	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận	1. Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm 2. Thuyết trình	Đánh giá cho điểm bài

17.	Chẩn đoán và điều trị Thoái hóa khớp	4/0/0/4	Thực hiện được chẩn đoán, điều trị Thoái hóa khớp	CLO1 CLO2 CLO3	(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo NE 111/2017/N Đ-CP)	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	1. Tiến hành phân tích tình huống nhóm 2. Thuyết trình slide, phản biện 3. Thảo luận	Đánh giá cho điểm bài
18.	Chẩn đoán và điều trị Viêm khớp dạng thấp	4/0/0/4	Thực hiện được chẩn đoán, điều trị Viêm khớp dạng thấp	CLO1 CLO2 CLO3	(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo NE 111/2017/N Đ-CP)	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	1. Tiến hành phân tích tình huống nhóm 2. Thuyết trình slide, phản biện 3. Thảo luận	Đánh giá cho điểm bài
19.	Chẩn đoán và điều trị Viêm cột sống dính khớp	4/0/0/4	Thực hiện được chẩn đoán, điều trị Viêm cột sống dính khớp	CLO1 CLO2 CLO3	(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo NE 111/2017/N Đ-CP)	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	1. Tiến hành phân tích tình huống nhóm 2. Thuyết trình slide, phản biện 3. Thảo luận	Đánh giá cho điểm bài
20.	Chẩn đoán và điều trị gút	4/0/0/4	Thực hiện được chẩn đoán, điều trị gút	CLO1 CLO2 CLO3	(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo NE 111/2017/N Đ-CP)	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề	1. Tiến hành phân tích tình huống nhóm 2. Thuyết trình slide, phản biện 3. Thảo luận	Đánh giá cho điểm bài

						hành theo	đề	nhóm	
21.	Chẩn đoán và điều trị hội chứng cổ - vai - cánh tay	4/0/0/4	Thực hiện được chẩn đoán, điều trị hội chứng cổ - vai - cánh tay	CLO1 CLO2 CLO3	(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo ND 111/2017/N Đ-CP)	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	1. Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm 2. Thuyết trình slide, phản biện 3. Thảo luận	Đánh giá cho điểm bài	
22.	Chẩn đoán và điều trị Đái tháo đường	4/0/0/4	Thực hiện được chẩn đoán, điều trị Đái tháo đường	CLO1 CLO2 CLO3	(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo ND 111/2017/N Đ-CP)	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	1. Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm 2. Thuyết trình slide, phản biện 3. Thảo luận	Đánh giá cho điểm bài	
23.	Chẩn đoán và điều trị Basedow	4/0/0/4	Thực hiện được chẩn đoán, điều trị Basedow	CLO1 CLO2 CLO3	(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo ND 111/2017/N Đ-CP)	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	1. Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm 2. Thuyết trình slide, phản biện 3. Thảo luận	Đánh giá cho điểm bài	

24.	Khám chẩn đoán Bn HC Cushing		4/0/0/4	Thực hiện được chẩn đoán, điều trị HC Cushing	CLO1 CLO2 CLO3	(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo ND 111/2017/N Đ-CP)	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	1. Tiến hành phân tích tình huống nhóm 2. Thuyết trình slide, phản biện 3. Thảo luận	Đánh giá cho điểm bài			
25.	Chẩn đoán và điều trị Thiểu máu		4/0/0/4	Thực hiện được chẩn đoán và đưa ra hướng điều trị Thiểu máu	CLO1 CLO2 CLO3	(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo ND 111/2017/N Đ-CP)	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	1. Tiến hành phân tích tình huống nhóm 2. Thuyết trình slide, phản biện 3. Thảo luận	Đánh giá cho điểm bài			
26.	Bệnh bệnh án Đái tháo đường		4/0/0/4	Thực hiện được phân tích chẩn đoán, điều trị Đái tháo đường	CLO1 CLO2 CLO3	(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo ND 111/2017/N Đ-CP)	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	1. Tiến hành phân tích tình huống nhóm 2. Thuyết trình slide, phản biện 3. Thảo luận	Đánh giá cho điểm bài			
27.	Bệnh bệnh án suy tim		4/0/0/4	Thực hiện được phân tích chẩn đoán,	CLO1	(đạt)	1. Thuyết trình	1. Tiến hành	Đánh			

				điều trị suy tim	CLO2 CLO3	chuẩn Bệnh viện thực hành theo ND 111/2017/N Đ-CP)	2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	phân tích tình huống nhóm 2. Thuyết trình slide, phản biện 3. Thảo luận	giá cho điểm bài
28.	Bệnh bệnh án tăng huyết áp	4/0/0/4	Thực hiện được phân tích chẩn đoán, điều trị tăng huyết áp	CLO1 CLO2 CLO3	(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo ND 111/2017/N Đ-CP)	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	1. Tiến hành phân tích tình huống nhóm 2. Thuyết trình slide, phản biện 3. Thảo luận	Đánh giá cho điểm bài	
29.	Bệnh bệnh án hen phế quản	4/0/0/4	Thực hiện được phân tích chẩn đoán, điều trị hen phế quản	CLO1 CLO2 CLO3	(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo ND 111/2017/N Đ-CP)	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	1. Tiến hành phân tích tình huống nhóm 2. Thuyết trình slide, phản biện 3. Thảo luận	Đánh giá cho điểm bài	
30.	Bệnh bệnh án COPD	4/0/0/4	Thực hiện được phân tích chẩn đoán, điều trị COPD	CLO1 CLO2 CLO3	(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo ND 111/2017/N Đ-CP)	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề	1. Tiến hành phân tích tình huống nhóm 2. Thuyết trình slide, phản biện 3. Thảo luận	Đánh giá cho điểm bài	

						NEĐ 111/2017/N Đ-CP)	4. Thảo luận 5. Mô phỏng	2. Thuyết trình slide, phản biện 3. Thảo luận	
31.	Bình bệnh án xơ gan	Thực hiện được phân tích chẩn đoán, điều trị xơ gan	CLO1 CLO2 CLO3	(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo NEĐ 111/2017/N Đ-CP)	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	1. Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm 2. Thuyết trình slide, phản biện 3. Thảo luận	Đánh giá cho điểm bài		
32.	Bình bệnh án bệnh thận mạn	Thực hiện được phân tích chẩn đoán, điều trị bệnh thận mạn	CLO1 CLO2 CLO3	(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo NEĐ 111/2017/N Đ-CP)	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	1. Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm 2. Thuyết trình slide, phản biện 3. Thảo luận	Đánh giá cho điểm bài		
33.	Bình bệnh án gút	Thực hiện được phân tích chẩn đoán, điều trị bệnh gút	CLO1 CLO2 CLO3	(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo NEĐ 111/2017/N Đ-CP)	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	1. Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm 2. Thuyết trình slide, phản biện 3. Thảo luận	Đánh giá cho điểm bài		

34.	Bình bệnh án thóa hóa cột sống	4/0/0/4	Thực hiện được phân tích chẩn đoán, điều trị thóa hóa cột sống	CLO1 CLO2 CLO3	(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo ND 111/2017/N Đ-CP)	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	1. Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm 2. Thuyết trình slide, phản biện 3. Thảo luận	Đánh giá cho điểm bài
Thi hết thực hành/lâm sàng: Học viên bốc bệnh án, hỏi thi trên người bệnh.								KTHH

9. Phương pháp đánh giá học phân

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phân được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm với học phần có cả lý thuyết và thực hành

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Chuyên cần	Hình thức đánh giá: Xét điều kiện được thi						
Kiểm tra 1 tiết	10%	Làm bài kiểm tra tự luận				CLO1 CLO2 CLO3	
Điểm thi kết thúc học phần	90%	Lý thuyết: Điểm thi trắc nghiệm trên máy tính				CLO1 CLO2 CLO3	
Điểm thi kết thúc học phần	100%	Lâm sàng: Điểm thi: kết quả hỏi thi tại bệnh viện thực hành. Hình thức thi Lâm sàng: học viên bốc bệnh án, hỏi thi trên người bệnh				CLO1 CLO2 CLO3	

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

Điểm thi được tính theo thang điểm 10.

9.5. Điểm học phần

Cách đánh giá: Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.1 Điểm lý thuyết:: Điểm lý thuyết = (điểm kiểm tra 1 tiết + điểm thi lý thuyết x 9) /10

9.2 Điểm thực hành/lâm sàng: Điểm thi lâm sàng

9.3 Điểm tổng kết học phần: Điểm tổng kết học phần = (Điểm tổng kết phần lý thuyết x 2 + điểm lâm sàng x 1)/3

- Điểm đánh giá kết thúc học phần đối với các môn lâm sàng: điểm lý thuyết và thực hành tính độc lập.

- Điểm lý thuyết và thực hành phải đạt 5 điểm trở lên theo thang điểm 10 (làm tròn đến 0,5).

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Bài giảng Nội bệnh lý (2022), tài liệu lưu hành nội bộ, Bộ môn Nội – Học viện YDHCT Việt Nam.

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Bệnh học nội khoa tập 1 (2022), Bộ môn Nội – Đại học Y Hà Nội, Nhà xuất bản y học.

2. Bệnh học nội khoa tập 2 (2022), Bộ môn Nội – Đại học Y Hà Nội, Nhà xuất bản y học.

3. Bệnh nội tiết chuyển hóa (2013), Bộ Y tế, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

4. Bệnh học cơ xương khớp nội khoa (2012), Bộ Y tế, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

5. Bài giảng bệnh học nội khoa (2001), Học viện Quân Y, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân.

6. Điều trị nội khoa (2009), Học viện Quân Y, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân.

7. Bệnh hô hấp (2012), Bộ môn Hô hấp - Học viện Quân Y, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.
- ✓ Học viên thực hiện đầy đủ và trung thực các nhiệm vụ học tập, kiểm tra, đánh giá theo Đề cương chi tiết học phần và hướng dẫn của giảng viên giảng dạy học phần.

12. Cấp phê duyệt

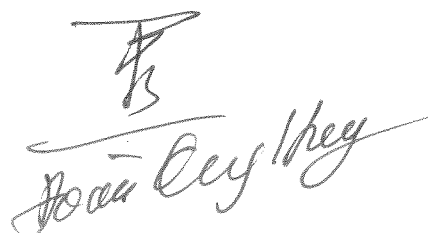
TRƯỞNG KHOA

(Ký, ghi rõ họ tên)

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

BỘ MÔN

(Ký, ghi rõ họ tên)



13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN PHỤC HỒI CHỨC NĂNG

Trình độ đào tạo: Tự cho Sau Đại học, Ngành: YHCT. Mã số đào tạo: MEDI

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:

* Tiếng Việt: Phục hồi chức năng

* Tiếng Anh: Rehabilitation Chair

- Mã học phần/ mô đun:

- Áp dụng cho ngành đào tạo: YHCT - Châm cứu

Bậc đào tạo: CK1 Hình thức đào tạo: Tập trung

- Yêu cầu của học phần: Tự chọn

- Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

Nghe giảng lý thuyết: 30 tiết

- Thực hành tại: Các bệnh viện thực hành (có khoa Phục hồi chức năng): 90 tiết.

- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Phục hồi chức năng

- Đối tượng học (năm thứ): BSCK1

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>						Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở khối ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Điều kiện tham gia học phần:

+ Học phần tiên quyết (đã học và thi đạt yêu cầu): đang học chương trình bác sĩ YHCT.

+ Học phần học trước (đã học):

+ Học phần song hành:

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: khoa Y học lâm sàng.

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số ĐT	Bộ môn	Email
1	Ths.BSCKII Nguyễn Vinh Huy Chính	0913321221	PHCN	huychinhnguyenvinh@gmail.com
2	TS. Nguyễn Hoài Nam	0904247028	PHCN ĐHY HN	
3	BSCKI Dương Thị Thúy Hòa	0915226238	PHCN	bsthuyhoa@gmail.com
4	Ths Nguyễn Thị Phương Thúy	0915363966	PHCN	nguyenphuongthuy2809@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
Kiến thức	
MT1	Trình bày và nắm bắt được các nội dung cơ bản về khái niệm Phục hồi chức năng
MT2	Khám, lượng giá được bệnh nhân theo thang điểm chuyên ngành Phục hồi chức năng
MT3	Lập được kế hoạch điều trị cho bệnh nhân cần Phục hồi chức năng
MT4	Thay đổi nhận thức cộng đồng về người tàn tật trong xã hội
Kỹ năng	
MT 5	Ứng dụng được các kiến thức đã học để đánh giá bệnh nhân trên thực tiễn lâm sàng.

MT 6	Thăm khám, chẩn đoán và đưa ra phương pháp điều trị hợp lý
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT7	Nghiêm túc, cẩn trọng trong việc đánh giá mức độ tàn tật và thiếu hụt chức năng trên bệnh nhân.

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
MT1		2				
MT2		2				
MT3		2				
MT4		2				
MT 5		2				
MT 6		2				
MT7		2				

Ghi chú: Mức độ đóng góp của mục tiêu học phần/ modun (MT HP) vào mục tiêu của chương trình đào tạo (MT CTĐT) được xác định cụ thể:

- 1 – MT HP có đóng góp ít vào MT CTĐT
- 2 – MT HP có đóng góp vừa vào MT CTĐT
- 3 – MT HP có đóng góp nhiều vào MT CTĐT

Chú thích: 3, 2, 1 phụ thuộc vào mức hỗ trợ của MT HP đối với MT CTĐT ở mức bắt đầu (1) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế, ... (2) hay mức thuần thục (3)

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Trình bày và nắm bắt được các nội dung cơ bản về khái niệm Phục hồi chức năng
CLO2	Khám, lượng giá được bệnh nhân theo thang điểm chuyên ngành Phục hồi chức năng

CLO3	Lập được kế hoạch điều trị cho bệnh nhân cần Phục hồi chức năng
CLO4	Thay đổi nhận thức cộng đồng về người tàn tật trong xã hội
CLO5	Ứng dụng được các kiến thức đã học để đánh giá bệnh nhân trên thực tiễn lâm sàng.
CLO6	Thăm khám, chẩn đoán và đưa ra phương pháp điều trị hợp lý
CLO7	Nghiêm túc, cẩn trọng trong việc đánh giá mức độ tàn tật và thiếu hụt chức năng trên bệnh nhân.

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

Mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ modun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO) được xác định cụ thể:

- 1 – CLO có đóng góp ít vào PLO
- 2 – CLO có đóng góp vừa vào PLO
- 3 – CLO có đóng góp nhiều vào PLO

Chú thích: 3, 2, 1 phụ thuộc vào mức hỗ trợ của CLO đối với PLO ở mức bắt đầu (1) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...(2) hay mức thuần thục (3)

Bảng 5.1.Mối liên hệ của CDR HP (CLO) đến CDR của CTĐT (PLO)

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
CLO 1		X													
CLO 2		X													
CLO 3		X													
CLO 4		X													
CLO 5		X													
CLO 6		X													
CLO 7		X													

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết:

- Máy chiếu, loa, mic.

6.1.2. Lâm sàng:

- Bệnh viện Tuệ Tĩnh (đạt tiêu chuẩn Bệnh viện thực hành theo nghị định 111/2017/NĐ- CP)

- Bệnh viện PHCN Hà Nội (đạt tiêu chuẩn Bệnh viện thực hành theo nghị định 111/2017/NĐ- CP)

6.1.3. Thực hành:

Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Thước đo tâm vận động
2	Máy siêu âm trị liệu
3	Máy kéo giãn
4	Máy điện xung
5	Đèn hồng ngoại
6	Thanh song song
7	Khung tập đi
8	Đèn tử ngoại
9	Máy sóng ngắn

6.2. Yêu cầu đối với Học viên

- Dự lớp: Học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Học viên phải đi học đúng giờ quy định. Học viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các bài thực hành tại phòng thí nghiệm và học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

Học viên phải hoàn thành các bài tập và đạt điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với các bài kiểm tra trên lớp.

✓ Trong quá trình học tập, Học viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

7. Mô tả chung học phần/ mô đun

- Phục hồi chức năng là các biện pháp y học, xã hội, hướng nghiệp, giáo dục làm hạn chế tối đa giảm chức năng, tạo cho người khuyết tật có cơ hội tham gia các hoạt động để hội nhập, tái hội nhập xã hội, có cơ hội bình đẳng trong cộng đồng xã hội.

- Học viên được học, thực hành, đưa ra phương pháp PHCN phù hợp cho các mặt bệnh thường gặp trên từng bệnh nhân cụ thể giúp Học viên có kiến thức PHCN cơ bản sau khi tốt nghiệp, có thể tự tin với các kiến thức cơ bản về chuyên ngành đã được bộ môn trang bị để tham gia công tác khám chữa bệnh tại cơ sở làm việc.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (... tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/KT/ Tự học)	CĐR của bài học (chương)/ chủ đề	Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1	PP giảng dạy đạt CĐR	Hoạt động học của HV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Quá trình tàn tật, phòng ngừa và PHCN	04	Trình bày và nắm bắt được các nội dung cơ bản về khái	CLO1	Thuyết trình	Nghe giảng, Trả lời	Quá trình tàn tật, phòng ngừa và PHCN

	Các phương thức vật lý trị liệu		niệm Phục hồi chức năng		Đặt câu hỏi Động não	câu hỏi, Thảo luận	Các phương thức vật lý trị liệu
2	Đo tầm vận động khớp Thử cơ bằng tay người tàn tật	04	Khám, lượng giá được bệnh nhân theo thang điểm chuyên ngành Phục hồi chức năng	CLO2	Thuyết trình Đặt câu hỏi Động não	Nghe giảng, Trả lời câu hỏi, Thảo luận	Đo tầm vận động khớp Thử cơ bằng tay người tàn tật
3	Các thương tật thứ phát thường gặp, biện pháp phòng ngừa Thăm khám và lượng giá người tàn tật	04	- Khám, lượng giá được bệnh nhân theo thang điểm chuyên ngành Phục hồi chức năng - Ứng dụng được các kiến thức đã học để đánh giá bệnh nhân trên thực tiễn lâm sàng.	CLO2 CLO5	Thuyết trình Đặt câu hỏi Động não	Nghe giảng, Trả lời câu hỏi, Thảo luận	Các thương tật thứ phát thường gặp, biện pháp phòng ngừa Thăm khám và lượng giá người tàn tật
4	Vận động trị liệu HĐTL Các phương thức PHCN	04	Lập được kế hoạch điều trị cho bệnh nhân cần Phục hồi chức năng	CLO3	Thuyết trình Đặt câu hỏi Động não	Nghe giảng, Trả lời câu hỏi,	Vận động trị liệu HĐTL Các phương thức PHCN

						Thảo luận	
5	PHCN cho bệnh nhân liệt nửa người do tai biến mạch máu não	04	<ul style="list-style-type: none"> - Lập được kế hoạch điều trị cho bệnh nhân cần Phục hồi chức năng - Ứng dụng được các kiến thức đã học để đánh giá bệnh nhân trên thực tiễn lâm sàng. - Thăm khám, chẩn đoán và đưa ra phương pháp điều trị hợp lý 	CLO3 CLO5 CLO6	Thuyết trình Đặt câu hỏi Động não	Nghe giảng, Trả lời câu hỏi, Thảo luận	PHCN cho bệnh nhân liệt nửa người do tai biến mạch máu não
6	PHCN trong 1 số bệnh khớp và mô mềm PHCN BN Đau lưng PHCN cho trẻ bị bại não	04	<ul style="list-style-type: none"> - Lập được kế hoạch điều trị cho bệnh nhân cần Phục hồi chức năng - Ứng dụng được các kiến thức đã học để đánh giá bệnh nhân trên thực tiễn lâm sàng. 	CLO3 CLO5 CLO6	Thuyết trình Đặt câu hỏi Động não	Nghe giảng, Trả lời câu hỏi, Thảo luận	PHCN trong 1 số bệnh khớp và mô mềm PHCN BN Đau lưng PHCN cho trẻ bị bại não

			- Thăm khám, chẩn đoán và đưa ra phương pháp điều trị hợp lý				
7	PHCN tôn trọng tủy sống	04	- Lập được kế hoạch điều trị cho bệnh nhân cần Phục hồi chức năng - Ứng dụng được các kiến thức đã học để đánh giá bệnh nhân trên thực tiễn lâm sàng. - Thăm khám, chẩn đoán và đưa ra phương pháp điều trị hợp lý	CLO3 CLO5 CLO6	Thuyết trình Đặt câu hỏi Động não	Nghe giảng, Trả lời câu hỏi, Thảo luận	PHCN tôn trọng tủy sống
8	Giải đáp thắc mắc	02	- Ứng dụng được các kiến thức đã học để đánh giá bệnh nhân trên thực tiễn lâm sàng.	CLO5	Đặt câu hỏi Trả lời câu hỏi Động não	Đặt câu hỏi, thảo luận.	Giải đáp thắc mắc

Ghi chú:

- (3) Số tiết (LT/KT...): Xác định số tiết lý thuyết, kiểm tra của từng chương

- (6) PP giảng dạy đạt CĐR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CĐR

- (7) Hoạt động học của HV: Xác định các nội dung HV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên số....).

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần / Buổi (... tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)	Số tiết (TH/LS/ KT/ Tự học)	CĐR của bài TH/LS (chương)	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Tran g thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3	PP giảng dạy đạt CĐR	Hoạt động học của HV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1,2	Quá trình tàn tật, phòng ngừa và PHCN Các phương thức vật lý trị liệu	03TH	Trình bày và nắm bắt được các nội dung cơ bản về khái niệm Phục hồi chức năng	CLO1		Cầm tay chỉ việc PP giảng dạy không có người bệnh và giảng dạy có người bệnh	Lắng nghe Thực hành dưới sự hướng dẫn , giám sát của giảng viên.	Quá trình tàn tật, phòng ngừa và PHCN Các phương thức vật lý trị liệu
3,4	Đo tầm vận động khớp	08(5TH ,3TL)	Khám, lượng giá được	CLO2	1	Cầm tay chỉ việc	Lắng nghe Thực hành dưới sự	Đo tầm vận động khớp

	Thủ cơ bằng tay người tàn tật		bệnh nhân theo thang điểm chuyên ngành Phục hồi chức năng			PP giảng dạy không có người bệnh và giảng dạy có người bệnh	hướng dẫn , giám sát của giảng viên.	Thủ cơ bằng tay người tàn tật
5,6	Các thương tật thứ phát thường gặp, biện pháp phòng ngừa Thăm khám và lượng giá người tàn tật	04TH	- Khám, lượng giá được bệnh nhân theo thang điểm chuyên ngành Phục hồi chức năng - Ứng dụng được các kiến thức đã học để đánh giá bệnh nhân trên thực tiễn lâm sàng.	CLO2 CLO5	1	Cầm tay chỉ việc PP giảng dạy không có người bệnh và giảng dạy có người bệnh	Lắng nghe Thực hành dưới sự hướng dẫn , giám sát của giảng viên.	Các thương tật thứ phát thường gặp, biện pháp phòng ngừa Thăm khám và lượng giá người tàn tật
7,8	Vận động	06(4TH ,2TL)	Lập được kế hoạch	CLO3	2-7	Cầm tay chỉ việc	Lắng nghe	Vận động trị

	trị liệu HĐTL Các phương thức PHCN		điều trị cho bệnh nhân cần Phục hồi chức năng			PP giảng dạy không có người bệnh và giảng dạy có người bệnh	Thực hành dưới sự hướng dẫn , giám sát của giảng viên.	liệu HĐTL Các phương thức PHCN
9	PHCN cho bệnh nhân liệt nửa người do tai biến mạch máu não.	08(4TH,4 TL)	- Lập được kế hoạch điều trị cho bệnh nhân cần Phục hồi chức năng - Ứng dụng được các kiến thức đã học để đánh giá bệnh nhân trên thực tiễn lâm sàng. - Thăm khám, chẩn đoán và đưa ra phương	CLO3 CLO5 CLO6	2-7	Cầm tay chỉ việc PP giảng dạy không có người bệnh và giảng dạy có người bệnh	Lắng nghe Thực hành dưới sự hướng dẫn , giám sát của giảng viên.	PHCN cho bệnh nhân liệt nửa người do tai biến mạch máu não

			pháp điều trị hợp lý					
10, 11,12	PHCN trong 1 số bệnh khớp và mô mềm PHCN BN Đau lưng PHCN cho trẻ bị bại não	04TH	- Lập được kế hoạch điều trị cho bệnh nhân cần Phục hồi chức năng - Ứng dụng được các kiến thức đã học để đánh giá bệnh nhân trên thực tiễn lâm sàng. - Thăm khám, chẩn đoán và đưa ra phương pháp điều trị hợp lý	CLO3 CLO5 CLO6	2-7	Cầm tay chỉ việc PP giảng dạy không có người bệnh và giảng dạy có người bệnh	Lắng nghe Thực hành dưới sự hướng dẫn , giám sát của giảng viên.	PHCN trong 1 số bệnh khớp và mô mềm PHCN BN Đau lưng PHCN cho trẻ bị bại não
13	PHCN Tồn thương tùy sống	07(2 TH,2 BT,2T	Khám, lượng giá lên kế	CLO3 CLO5 CLO6	2-7	Giám sát	Hỏi bệnh, thăm khám, đưa ra pp PHCN	

		L, 1 tự học)	hoạch PHCN					
14, 15	Bốc bệnh án + Hỏi thi lâm sàng	04KT	Khám, lượng giá lên kế hoạch PHCN	CLO3 CLO5 CLO6	2-7	Hỏi thi	Trả lời, thực hành thăm khám, lượng giá, đưa ra pp PHCN trên bệnh nhân, bệnh án thi	

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2 Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.2.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm thực hành	100%	Đánh giá các bài thực hành tại cơ sở thực hành/phòng thí nghiệm	Bệnh án	40%-60%		CLO1-CL07	Học viên bốc bệnh án và làm bệnh án thi sau đó giảng viên hỏi thi trên bệnh án Học viên làm
Điểm thi kết thúc học	100%	Điểm thi trắc nghiệm trên máy tính/ Tự	Viết tiểu luận	100%		CLO1-CL07	Học viên Viết tiểu luận

phần/mô đơn		luận/Báo cáo tiểu luận...				
----------------	--	------------------------------	--	--	--	--

9.3. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đơn
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Bài thực hành	2 bệnh án	Bệnh án điều kiện	CLO1-CLO7
2	Điểm thi kết thúc thực hành/ lâm sàng			
	Lâm sàng (vấn đáp)	50 %	Bệnh án+ hỏi thi	CLO1-CLO7
3	Điểm thi lý thuyết			
	Viết tiểu luận	50 %	Học viên qua môn: đạt từ 5/10 điểm	CLO1-CLO7

9.4. Điểm học phần/ mô đơn

(Lý thuyết + thực hành)/2

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

[1] - Phục hồi chức năng (2011) – Bộ Y tế - Nhà xuất bản y học

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1] Vật lý trị liệu và Phục hồi chức năng(2006)- Bộ môn Vật lý trị liệu và phục hồi chức năng – Nhà xuất bản quân đội nhân dân.

[2]Giải phẫu chức năng hệ vận động và thần kinh (2011)- Bộ y tế- Nhà xuất bản y học.

[3] Giáo trình Phục hồi chức năng và vật lý trị liệu(2005) – Sở giáo dục và đào tạo Hà Nội- Nhà xuất bản Hà Nội

[4] Lượng giá chức năng hệ vận động(2010) – Bộ y tế– Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam

[5] Các phương thức điều trị bằng vật lý(2010) – Bộ y tế– Nhà xuất bản giáo dục Việt nam

[6] Giải phẫu chức năng hệ vận động và hệ thần kinh (2010) – Bộ y tế– Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam

[7] Vận động trị liệu (2010) – Bộ y tế– Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho Học viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đơn.

✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

12. Cấp phê duyệt

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

BỘ MÔN/MÔ ĐUN


Nguyễn Vinh Huy Chính

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN:
MÔN: NỘI CƠ XƯƠNG KHỚP

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:
- * Tiếng Việt: Nội cơ xương khớp
- * Tiếng Anh: Musculoskeletal Medicine
- Mã học phần/ mô đun: 112310
- Số tín chỉ: 02 LT/ 03 TH/LS
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: ..166 tiết
 - + Lý thuyết: 30 tiết
 - + Thực hành/ Lâm sàng/Seminar: 135 tiết
 - + Kiểm tra, đánh giá: ..1. tiết
 - + Thời gian tự học: 197 tiết
- Đối tượng học (năm thứ): Bác sĩ chuyên khoa I ngành châm cứu năm 1
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/> X	

- Điều kiện tham gia học phần:
 - + Học phần tiên quyết:
 - + Học phần học trước:
 - + Học phần song hành: Không
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Nội – Tổ YHHĐ

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1.	Ths. BSCKII. Trần Thị Kim Thu	0982463479	bstrankimthu@gmail.com
2.	Ths. Đặng Việt Sinh	0915011418	bssinh2016@gmail.com
3.	Ths. BSCKII. Nguyễn hị Hồng Loan	0983937809	honglaonbibi@gmail.com
4.	Ths. Trần Thị Thu Hương	0983290394	huonggvbve@gmail.com

5.	Ths.Trần Thị Minh	09060050918	bstranminh8178@gmail.com
6.	Ths.Trần Thị Hải Yến	0932371045	bstranhaiyen1307@gmail.com
7.	PGS. Hoàng Thanh Tuyền	0903211254	<u>twyenht@gmail.com</u>
8.	TS.Lê Quang Toàn	0904464680	letoan.endo@gmail.com
9.	TS.Nguyễn Minh Tuấn	0982150672	<u>bstuan76bve@gmail.com</u>
10.	TS.Chu Dũng Sĩ	0906050918	sichu.bvbachmai@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT1	Nắm được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng, chẩn đoán và điều trị một số bệnh nội cơ xương khớp thường gặp.
MT2	Vận dụng kiến thức bệnh học chẩn đoán và đề xuất điều trị được một số bệnh nội cơ xương khớp thường gặp.
MT3	Thực hiện được thăm khám, chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh đúng cách một số bệnh lý nội khoa thường gặp

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	(1)	(2)	(3)	(4)
MT1	3	3		
MT2	3	3		
MT3	3	3		

1 – Mức đóng góp ít; 2 – Mức đóng góp vừa ; 3 – Mức đóng góp nhiều

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Sau khi học xong học phần, người học có thể:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Nắm được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng, chẩn đoán và điều trị một số bệnh nội cơ xương khớp thường gặp.
CLO2	Vận dụng kiến thức bệnh học chẩn đoán và đề xuất điều trị được một số bệnh nội cơ xương khớp thường gặp.
CLO3	Thực hiện được thăm khám, chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh đúng cách một số bệnh lý nội khoa thường gặp

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

1 – Thấp; 2 – Trung bình ; 3 – Cao

Bảng 5.1.Mối liên hệ của CDR HP (CLO) đến CDR của CTĐT (PLO)

PLO	1	2	3	4	5	6	7	8	9
CLO1	3		3			3			
CLO2	3		3			3			
CLO3	3		3			3			
....									

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết: Giáo trình, tài liệu tham khảo như mục 10.1 và 10.2

Máy chiếu, loa, mic, bảng, phấn...

6.1.2. Lâm sàng:(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo NĐ 111/2017/NĐ-CP)

6.1.3. Thực hành:(Tổ chức dạng SEMINAR)

Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Máy chiếu PROJECTER, LAPTOP
2	loa, mic...
3

6.2. Yêu cầu đối với học viên

- - Học viên phải có giáo trình.

- Học viên phải tự đọc tối thiểu đầy đủ tài liệu học tập (tại mục 10), đảm bảo kết quả thi kết thúc học phần với kiến thức có trong giáo trình, trong tài liệu tham khảo và kiến thức cập nhật mới.

- Dự lớp học lý thuyết: Học viên có trách nhiệm tham gia đầy đủ các buổi học và các hoạt động học tập tại lớp; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

- Lâm sàng:

- Tuân thủ thời gian thực hành lâm sàng, trong thời gian đi lâm sàng tại các bệnh viện, tham gia khám, chẩn đoán, điều trị; thực hiện các thủ thuật, kỹ thuật thăm dò và điều trị dưới sự hướng dẫn của giảng viên tại bệnh viện.
- Tham gia trực tại khoa học lâm sàng theo lịch phân công
- Chấp hành đầy đủ các nội quy của Bệnh viện, Khoa, Phòng.
- Thực hiện đúng nội quy chế học lâm sàng, tham gia học lâm sàng và tham gia trực đầy đủ.

- Tự học: Chủ động tổ chức giờ tự học bao gồm: Ôn bài học trước, **tự đọc** giáo trình và tài liệu tham khảo có liên quan tới chuẩn bị cho bài học mới theo tên bài kèm nội dung ghi tại cột 2 trong các bảng ở mục 8 (bao gồm cả phần tự đọc không giảng trên lớp - nếu có), phân phối thời gian tự học ôn tập phục vụ cho các bài thảo luận/kiểm tra/thi hết thực hành/ thi kết thúc học phần (các hình thức ghi tại mục 9.3); Đảm bảo thời gian tự học theo quy định.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần:

- Lý thuyết: số tiết tham dự lý thuyết tối thiểu đạt 80 %.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Thực hiện đúng nội qui chế học lâm sàng, tham gia học lâm sàng và tham gia trực đầy đủ.

7. Mô tả chung học phần/ mô đun

Học phần bệnh học là học phần rất quan trọng, nó cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về bệnh học các bệnh cơ xương khớp thường gặp, giúp cho người học có cái nhìn khái quát về bệnh, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, chẩn đoán và điều trị các bệnh cơ xương khớp thường gặp. Phần thực hành lâm sàng sẽ tập trung chủ yếu vào thăm khám, nhận định các triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, chẩn đoán và đề xuất hướng điều trị cụ thể một số bệnh lý cơ xương khớp thường gặp trên lâm sàng

.8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (... tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/ KT/ Tự học)	CDR của bài học (chương)/ chủ đề	Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của Sinh viên	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1.	Viêm khớp dạng thấp	2/0/4	Nắm được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh; chẩn đoán và điều trị Viêm khớp dạng thấp	CLO1 CLO2 CLO3	Thuyết trình. Động não Giải quyết vấn đề	Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, suy nghĩ - trả lời	
2.	Bệnh nhược cơ	2/0/4	Nắm được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh; chẩn đoán và đưa ra hướng điều trị Bệnh nhược cơ	CLO1 CLO2 CLO3	Thuyết trình. Động não Giải quyết vấn đề	Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, suy nghĩ - trả lời	
3.	Lupus ban đỏ hệ thống	2/0/4	Nắm được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh; chẩn đoán và đưa ra hướng điều trị Lupus ban đỏ hệ thống				
4.	Chẩn đoán và điều trị thoái hóa khớp gối	1/0/2	Nắm được	CLO1	Thuyết trình	Nghe, ghi	

			nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh; chẩn đoán và điều trị thoái hóa khớp gối	CLO2 CLO3	trình. Động não Giải quyết vấn đề	chép, đặt câu hỏi, suy nghĩ - trả lời	
5.	Nhiễm khuẩn cơ xương khớp	2/0/4	Nắm được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh; chẩn đoán và điều trị Nhiễm khuẩn cơ xương khớp	CLO1 CLO2 CLO3	Thuyết trình. Động não Giải quyết vấn đề	Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, suy nghĩ - trả lời	
6.	Bệnh viêm màng hoạt dịch khớp gối mạn tính không đặc hiệu	2/0/4	Nắm được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh; chẩn đoán và điều trị viêm màng hoạt dịch khớp gối mạn tính không đặc hiệu	CLO1 CLO2 CLO3	Thuyết trình. Động não Giải quyết vấn đề	Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, suy nghĩ - trả lời	
7.	Bệnh thoái hóa cột sống thắt lưng	2/0/4	Nắm được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh; chẩn đoán và điều trị thoái hóa cột sống thắt lưng	CLO1 CLO2 CLO3	Thuyết trình. Động não Giải quyết vấn đề	Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, suy nghĩ - trả lời	
8.	Hội chứng đau thắt lưng	1/0/2	Nắm được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh; chẩn đoán và điều trị thoái hóa cột sống thắt lưng	CLO1 CLO2	Thuyết trình.	Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, suy nghĩ - trả lời	

				chế bệnh sinh; chẩn đoán và điều trị Hội chứng đau thắt lưng	CLO3	Động não Giải quyết vấn đề	hỏi, suy nghĩ - trả lời	
9.	Đau thần kinh hông to		1/0/2	Nắm được Cập nhật chẩn đoán và điều trị Đau thần kinh hông to	CLO1 CLO2 CLO3	Thuyết trình. Động não Giải quyết vấn đề	Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, suy nghĩ - trả lời	
10.	Hội chứng cổ - vai – cánh tay		2/0/4	Nắm được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh; chẩn đoán và điều trị Hội chứng cổ - vai – cánh tay	CLO1 CLO2 CLO3	Thuyết trình. Động não Giải quyết vấn đề	Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, suy nghĩ - trả lời	
11.	Bệnh thoái hóa cột sống cổ		1/0/2	Nắm được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh; chẩn đoán và điều trị Bệnh thoái hóa cột sống cổ	CLO1 CLO2 CLO3	Thuyết trình. Động não Giải quyết vấn đề	Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, suy nghĩ - trả lời	
12.	Chẩn đoán và điều trị viêm quanh khớp vai		2/0/4	Nắm được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh; chẩn đoán và điều trị Chấn	CLO1 CLO2 CLO3	Thuyết trình. Động não Giải quyết vấn đề	Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, suy nghĩ - trả lời	

13.	Bệnh lý phân mềm cạnh khớp		3/0/6	đoán và điều trị viêm quanh khớp vai	Nắm được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh; chẩn đoán và điều trị Bệnh lý phân mềm cạnh khớp	CLO1 CLO2 CLO3	Thuyết trình. Động não Giải quyết vấn đề	Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, suy nghĩ - trả lời		
14.	Định hướng chẩn đoán một trường hợp đau xương khớp mạn tính		3/0/3	Nắm được Định hướng chẩn đoán một trường hợp đau xương khớp mạn tính		CLO1 CLO2 CLO3	Thuyết trình. Động não Giải quyết vấn đề	Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, suy nghĩ - trả lời		
15.	Gút		2/0/4	Nắm được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh; chẩn đoán và điều trị Gút		CLO1 CLO2 CLO3	Thuyết trình. Động não Giải quyết vấn đề	Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, suy nghĩ - trả lời		
16.	Loãng xương		2/0/4	Nắm được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh; chẩn đoán và điều trị Loãng xương		CLO1 CLO2 CLO3	Thuyết trình. Động não Giải quyết vấn đề	Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, suy nghĩ - trả lời		
17.	Kiểm tra 1 tiết		1/0/2							

18.	Thi kết thúc học phần	0,5 tiết					KTHP
-----	-----------------------	----------	--	--	--	--	------

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (... tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)	Số tiết (TH/LS/ KT/ Tự học)	CDR của bài TH/LS (chương)	Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1	Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1.	Chẩn đoán và điều trị Viêm khớp dạng thấp	4/0/0/4	Thực hiện được chẩn đoán, điều trị Viêm khớp dạng thấp	CLO1 CLO2 CLO3	(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo NB 111/2017/N Đ-CP)	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	1. Tiến hành phân tích tình huống nhóm 2. Thuyết trình slide, phản biện 3. Thảo luận	Đánh giá cho điểm bài
2.	Chẩn đoán và điều trị Viêm khớp dạng thấp	4/0/0/4	Thực hiện được chẩn đoán, điều trị Viêm khớp dạng thấp	CLO1 CLO2 CLO3	(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo NB 111/2017/N Đ-CP)	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	1. Tiến hành phân tích tình huống nhóm 2. Thuyết trình slide, phản biện 3. Thảo luận	Đánh giá cho điểm bài

3.	Chẩn đoán và điều trị Gút	4/0/0/4	Thực hiện được chẩn đoán, điều trị Gút	CLO1 CLO2 CLO3	(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo NE 111/2017/N Đ-CP)	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	1. Tiến hành phân tích tình huống nhóm 2. Thuyết trình slide, phản biện 3. Thảo luận	Đánh giá cho điểm bài
4.	Chẩn đoán và điều trị Bệnh viêm màng hoạt dịch khớp gối	4/0/0/4	Thực hiện được chẩn đoán, điều trị Bệnh viêm màng hoạt dịch khớp gối	CLO1 CLO2 CLO3	(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo NE 111/2017/N Đ-CP)	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	1. Tiến hành phân tích tình huống nhóm 2. Thuyết trình slide, phản biện 3. Thảo luận	Đánh giá cho điểm bài
5.	Chẩn đoán và điều trị Thoái hóa khớp gối	4/0/0/4	Thực hiện được chẩn đoán, điều trị Thoái hóa khớp gối	CLO1 CLO2 CLO3	(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo NE 111/2017/N Đ-CP)	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	1. Tiến hành phân tích tình huống nhóm 2. Thuyết trình slide, phản biện 3. Thảo luận	Đánh giá cho điểm bài
6.	Chẩn đoán và điều trị u sụn màng	4/0/0/4	Thực hiện được chẩn đoán, điều trị u sụn màng hoạt dịch	CLO1 CLO2	(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo NE 111/2017/N Đ-CP)	1. Thuyết trình 2. Động não	1. Tiến hành phân tích tình huống nhóm 2. Thuyết trình slide, phản biện 3. Thảo luận	Đánh giá cho điểm bài

	hoạt dịch			CLO3	viện thực hành theo NĐ 111/2017/N Đ-CP)	3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	huống theo nhóm 2. Thuyết trình slide, phản biện 3. Thảo luận	điểm bài
7.	Chẩn đoán và điều trị Thoái hóa cột sống thắt lưng	4/0/0/4	Thực hiện được chẩn đoán, điều trị Thoái hóa cột sống thắt lưng	CLO1 CLO2 CLO3	(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo NĐ 111/2017/N Đ-CP)	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	1. Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm 2. Thuyết trình slide, phản biện 3. Thảo luận	Đánh giá cho điểm bài
8.	Chẩn đoán và điều trị Hội chứng đau thắt lưng	4/0/0/4	Thực hiện được chẩn đoán, điều trị Hội chứng đau thắt lưng	CLO1 CLO2 CLO3	(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo NĐ 111/2017/N Đ-CP)	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	1. Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm 2. Thuyết trình slide, phản biện 3. Thảo luận	Đánh giá cho điểm bài
9.	Chẩn đoán và điều trị Đau thần kinh tọa	4/0/0/4	Thực hiện được chẩn đoán, điều trị Đau thần kinh tọa	CLO1 CLO2 CLO3	(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo NĐ)	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận	1. Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm 2. Thuyết trình	Đánh giá cho điểm bài

						111/2017/N Đ-CP)	5. Mô phỏng	slide, phân biện 3. Thảo luận	
10.	Chẩn đoán và điều trị Hội chứng cổ vai tay	4/0/0/4	Thực hiện được chẩn đoán, điều trị Hội chứng cổ vai tay	CLO1 CLO2 CLO3	(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo NE 111/2017/N Đ-CP)	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	1. Tiến hành phân tích tình huống nhóm 2. Thuyết trình slide, phân biện 3. Thảo luận	Đánh giá cho điểm bài	
11.	Chẩn đoán và điều trị Thoái hóa cột sống cổ	4/0/0/4	Thực hiện được chẩn đoán, điều trị Thoái hóa cột sống cổ	CLO1 CLO2 CLO3	(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo NE 111/2017/N Đ-CP)	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	1. Tiến hành phân tích tình huống nhóm 2. Thuyết trình slide, phân biện 3. Thảo luận	Đánh giá cho điểm bài	
12.	Chẩn đoán và điều trị Viêm quanh khớp vai	4/0/0/4	Thực hiện được chẩn đoán, điều trị Viêm quanh khớp vai	CLO1 CLO2 CLO3	(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo NE 111/2017/N Đ-CP)	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	1. Tiến hành phân tích tình huống nhóm 2. Thuyết trình slide, phân biện 3. Thảo luận	Đánh giá cho điểm bài	

13.	Chẩn đoán và điều trị Viêm lồi cầu ngoài xương cánh tay	4/0/0/4	Thực hiện được chẩn đoán, điều trị Viêm lồi cầu ngoài xương cánh tay	CLO1 CLO2 CLO3	(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo NE 111/2017/N Đ-CP)	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	1. Tiến hành phân tích tình huống nhóm 2. Thuyết trình slide, phản biện 3. Thảo luận	Đánh giá cho điểm bài
14.	Chẩn đoán và điều trị Viêm gân vùng móm trâm quay	4/0/0/4	Thực hiện được chẩn đoán, điều trị Viêm gân vùng móm trâm quay	CLO1 CLO2 CLO3	(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo NE 111/2017/N Đ-CP)	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	1. Tiến hành phân tích tình huống nhóm 2. Thuyết trình slide, phản biện 3. Thảo luận	Đánh giá cho điểm bài
15.	Chẩn đoán và điều trị Viêm gân gấp ngón tay	4/0/0/4	Thực hiện được chẩn đoán, điều trị Viêm gân gấp ngón tay	CLO1 CLO2 CLO3	(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo NE 111/2017/N Đ-CP)	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	1. Tiến hành phân tích tình huống nhóm 2. Thuyết trình slide, phản biện 3. Thảo luận	Đánh giá cho điểm bài
16.	Chẩn đoán và điều trị Loãng xương	4/0/0/4	Thực hiện được chẩn đoán, điều trị Loãng xương	CLO1 CLO2 CLO3	(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo NE 111/2017/N Đ-CP)	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề	1. Tiến hành phân tích tình huống nhóm	Đánh giá cho điểm bài

									nhóm 2. Thuyết trình slide, phản biện 3. Thảo luận	
17.	Chẩn đoán và điều trị gút cấp	4/0/0/4	Thực hiện được chẩn đoán, điều trị gút cấp	CLO1 CLO2 CLO3	(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo NE 111/2017/N Đ-CP)	hành theo NE 111/2017/N Đ-CP)	đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	1. Thuyết trình phân tích tình huống theo nhóm 2. Thuyết trình slide, phản biện 3. Thảo luận	Đánh giá cho điểm bài	
18.	Chẩn đoán và điều trị viêm khớp nhiễm khuẩn/bệnh nhân gút mạn	4/0/0/4	Thực hiện được chẩn đoán, điều trị viêm khớp nhiễm khuẩn/bệnh nhân gút mạn	CLO1 CLO2 CLO3	(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo NE 111/2017/N Đ-CP)	hành theo NE 111/2017/N Đ-CP)	đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	1. Thuyết trình phân tích tình huống theo nhóm 2. Thuyết trình slide, phản biện 3. Thảo luận	Đánh giá cho điểm bài	
19.	Chẩn đoán và điều trị nhược cơ	4/0/0/4	Thực hiện được chẩn đoán, điều trị nhược cơ	CLO1 CLO2 CLO3	(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo NE 111/2017/N Đ-CP)	hành theo NE 111/2017/N Đ-CP)	đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	1. Thuyết trình phân tích tình huống theo nhóm 2. Thuyết trình slide, phản biện	Đánh giá cho điểm bài	

20.	Chẩn đoán và điều trị Lupus ban đỏ	4/0/0/4	Thực hiện được chẩn đoán, điều trị Lupus	CLO1 CLO2 CLO3	(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo ND 111/2017/N Đ-CP)	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	3. Thảo luận	Đánh giá cho điểm bài
21.	Chẩn đoán và điều trị tràn dịch khớp gối	4/0/0/4	Thực hiện được chẩn đoán, điều trị tràn dịch khớp gối	CLO1 CLO2 CLO3	(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo ND 111/2017/N Đ-CP)	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	3. Thảo luận	Đánh giá cho điểm bài
22.	Chẩn đoán và điều trị viêm khớp nhiễm khuẩn	4/0/0/4	Thực hiện được chẩn đoán, điều trị viêm khớp nhiễm khuẩn	CLO1 CLO2 CLO3	(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo ND 111/2017/N Đ-CP)	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	3. Thảo luận	Đánh giá cho điểm bài
23.	Chẩn đoán và điều trị đau lưng	4/0/0/4	Thực hiện được chẩn đoán, điều trị đau	CLO1	(đạt)	1. Thuyết trình	1. Tiến hành	Đánh

					CLO2 CLO3	chuẩn Bệnh viện thực hành theo NE 111/2017/N Đ-CP)	2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	phân tích tình huống nhóm 2. Thuyết trình slide, phản biện 3. Thảo luận	giá cho điểm bài
24.	Bệnh bệnh án Hội chứng cổ cai tay	4/0/0/4	Thực hiện được phân tích chẩn đoán, điều trị Hội chứng cổ cai tay	CLO1 CLO2 CLO3	(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo NE 111/2017/N Đ-CP)	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	1. Tiến hành phân tích tình huống nhóm 2. Thuyết trình slide, phản biện 3. Thảo luận	Đánh giá cho điểm bài	
25.	Bệnh bệnh án loãng xương	4/0/0/4	Thực hiện được phân tích chẩn đoán, điều trị loãng xương	CLO1 CLO2 CLO3	(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo NE 111/2017/N Đ-CP)	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	1. Tiến hành phân tích tình huống nhóm 2. Thuyết trình slide, phản biện 3. Thảo luận	Đánh giá cho điểm bài	
26.	Bệnh bệnh án viêm khớp dạng thấp	4/0/0/4	Thực hiện được phân tích chẩn đoán, điều trị viêm khớp dạng thấp	CLO1 CLO2 CLO3	(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề	1. Tiến hành phân tích tình huống nhóm	Đánh giá cho điểm bài	

										2. Thuyết trình slide, phản biện 3. Thảo luận	
	Bình bệnh án nhược cơ	Thực hiện được phân tích chẩn đoán, điều trị nhược cơ	CLO1 CLO2 CLO3	4/0/0/4		Đạt	4. Thảo luận 5. Mô phỏng	5. Mô phỏng	5. Mô phỏng	1. Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm 2. Thuyết trình slide, phản biện 3. Thảo luận	Đánh giá cho điểm bài
	Bình bệnh án viêm màng hoạt dịch	Thực hiện được phân tích chẩn đoán, điều trị viêm màng hoạt dịch	CLO1 CLO2 CLO3	4/0/0/4		Đạt	4. Thảo luận 5. Mô phỏng	5. Mô phỏng	5. Mô phỏng	1. Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm 2. Thuyết trình slide, phản biện 3. Thảo luận	Đánh giá cho điểm bài
	Bình bệnh án thoái hóa khớp gói	Thực hiện được phân tích chẩn đoán, điều trị thoái hóa khớp gói	CLO1 CLO2 CLO3	4/0/0/4		Đạt	4. Thảo luận 5. Mô phỏng	5. Mô phỏng	5. Mô phỏng	1. Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm 2. Thuyết trình slide, phản biện 3. Thảo luận	Đánh giá cho điểm bài

30.	Bệnh bệnh án hội chứng đau thần kinh hông to	4/0/0/4	Thực hiện được phân tích chẩn đoán, điều trị COPD	CLO1 CLO2 CLO3	(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo ND 111/2017/N Đ-CP)	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	1. Tiến hành phân tích tình huống nhóm 2. Thuyết trình slide, phản biện 3. Thảo luận	Đánh giá cho điểm bài
31.	Bệnh bệnh án thoái hóa cột sống cổ	4/0/0/4	Thực hiện được phân tích chẩn đoán, điều trị thoái hóa cột sống cổ	CLO1 CLO2 CLO3	(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo ND 111/2017/N Đ-CP)	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	1. Tiến hành phân tích tình huống nhóm 2. Thuyết trình slide, phản biện 3. Thảo luận	Đánh giá cho điểm bài
32.	Bệnh bệnh án viêm quanh khớp vai	4/0/0/4	Thực hiện được phân tích chẩn đoán, điều trị viêm quanh khớp vai	CLO1 CLO2 CLO3	(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo ND 111/2017/N Đ-CP)	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	1. Tiến hành phân tích tình huống nhóm 2. Thuyết trình slide, phản biện 3. Thảo luận	Đánh giá cho điểm bài
33.	Bệnh bệnh án gút	4/0/0/4	Thực hiện được phân tích chẩn đoán, điều trị bệnh gút	CLO1 CLO2	(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo ND 111/2017/N Đ-CP)	1. Thuyết trình 2. Động não	1. Tiến hành phân tích tình huống nhóm 2. Thuyết trình slide, phản biện 3. Thảo luận	Đánh giá cho điểm bài

				CLO3	viện thực hành theo ND 111/2017/N Đ-CP)	3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	huống theo nhóm 2. Thuyết trình slide, phân biện 3. Thảo luận	điểm bài
34.	Bình bệnh án thóa hóa cột sống	4/0/0/4	Thực hiện được phân tích chẩn đoán, điều trị thóa hóa cột sống	CLO1 CLO2 CLO3	(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo ND 111/2017/N Đ-CP)	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	1. Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm 2. Thuyết trình slide, phân biện 3. Thảo luận	Đánh giá cho điểm bài
Thi hết thực hành/lâm sàng: Học viên bốc bệnh án, hỏi thi trên người bệnh.								KTTH

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm với học phần có cả lý thuyết và thực hành

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Chuyên cần	Hình thức đánh giá: Xét điều kiện được thi						
Kiểm tra 1 tiết	10%	Làm bài kiểm tra tự luận				CLO1 CLO2 CLO3	
Điểm thi kết thúc học phần	90%	Lý thuyết: Điểm thi trắc nghiệm trên máy tính				CLO1 CLO2 CLO3	
Điểm thi kết thúc học phần	100%	Lâm sàng: Điểm thi: kết quả hỏi thi tại bệnh viện thực hành. Hình thức thi Lâm sàng: học viên bốc bệnh án, hỏi thi trên người bệnh				CLO1 CLO2 CLO3	

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

Điểm thi được tính theo thang điểm 10.

9.5. Điểm học phần

Cách đánh giá: Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.1 Điểm lý thuyết: Điểm lý thuyết = (điểm kiểm tra 1 tiết + điểm thi lý thuyết x 9) / 10

9.2 Điểm thực hành/lâm sàng: Điểm thi lâm sàng

9.3 Điểm tổng kết học phần: Điểm tổng kết học phần = (Điểm tổng kết phần lý thuyết x 2 + điểm lâm sàng x 1)/3

- Điểm đánh giá kết thúc học phần đối với các môn lâm sàng: điểm lý thuyết và thực hành tính độc lập.

- Điểm lý thuyết và thực hành phải đạt 5 điểm trở lên theo thang điểm 10 (làm tròn đến 0,5).

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Bài giảng Nội bệnh lý (2022), tài liệu lưu hành nội bộ, Bộ môn Nội – Học viện YDHCT Việt Nam.

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Bệnh học nội khoa tập 1 (2022), Bộ môn Nội – Đại học Y Hà Nội, Nhà xuất bản y học.

2. Bệnh học nội khoa tập 2 (2022), Bộ môn Nội – Đại học Y Hà Nội, Nhà xuất bản y học.

3. Bệnh nội tiết chuyển hóa (2013), Bộ Y tế, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

4. Bệnh học cơ xương khớp nội khoa (2012), Bộ Y tế, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

5. Bài giảng bệnh học nội khoa (2001), Học viện Quân Y, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân.

6. Điều trị nội khoa (2009), Học viện Quân Y, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân.

7. Bệnh hô hấp (2012), Bộ môn Hô hấp - Học viện Quân Y, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân

11. Hướng dẫn thực hiện

✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.

✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/mô đun.

✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

✓ Học viên thực hiện đầy đủ và trung thực các nhiệm vụ học tập, kiểm tra, đánh giá theo Đề cương chi tiết học phần và hướng dẫn của giảng viên giảng dạy học phần.

12. Cấp phê duyệt


TRƯỞNG KHOA

(Ký, ghi rõ họ tên)

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

BỘ MÔN

(Ký, ghi rõ họ tên)


Trần Quý Huy

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN: HỌC THUYẾT KINH LẠC

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:
- * Tiếng Việt: **châm cứu điều trị bệnh lý chuyên ngành nội**
- * Tiếng Anh:
- Mã học phần/ mô đun:
- Số tín chỉ: 1 LT/ 3 TH/LS
- Số tiết đối với các hoạt động học tập:
 - + Lý thuyết: 15 tiết
 - + Thực hành/ Lâm sàng/Seminar: 135 tiết
 - + Kiểm tra, đánh giá: ..1. tiết
 - + Thời gian tự học:
- Đối tượng học (năm thứ): Bác sĩ chuyên khoa I ngành châm cứu
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Điều kiện tham gia học phần:
 - + Học phần tiên quyết: sinh viên đảm bảo 2 điều kiện: có tham gia học và dự thi kết thúc học phần
 - + Học phần học trước: Học phần học trước là các học phần lý luận y học cổ truyền nâng cao, Học phần tác phẩm kinh điển về châm cứu Học phần nội tổng hợp.
 - + Học phần song hành: không
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: (Bộ môn Châm cứu)

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	- PGS. TS. Trần Văn Thanh	0973833633	drtvthanh@gmail.com
2	- PGS. TS. Phạm Quốc Bình	0912757262	phamquocbinh68@gmail.com
3	- PGS.TS. Phạm Hồng Vân	0915009672	vankhth@gmail.com
4	- TS. Trần Đức Hữu	0983951056	ts.bs.huu@gmail.com
5	-TS. Nguyễn Văn Hải	0968504115	dr.hai06@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT1	Kiến thức: - Vận dụng được lý luận của các học thuyết cơ bản trong y học cổ truyền để có thể giải thích, chứng minh được các lý luận về châm cứu.
MT2	Kỹ năng: - Nắm bắt thành thạo được các kiến thức về Châm cứu. - Vận dụng được các kiến thức chuyên sâu về châm cứu để nâng cao kỹ năng châm cứu trong chẩn đoán và điều trị bệnh.
MT3	Mức độ tự chủ và tự chịu trách nhiệm: - Chủ động, trung thực trong việc học tập, nghiên cứu kiến thức chuyên sâu về châm cứu - Thực hiện nội quy, quy chế của nhà trường và cơ sở thực hành

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	(1)	(2)	(3)
MT1	3	3	3
MT2	3	3	3
MT3	3	3	3

1 – Mức đóng góp ít; 2 – Mức đóng góp vừa ; 3 – Mức đóng góp nhiều

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Sau khi học xong học phần, người học có thể:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO 2	Kiến thức: - Vận dụng được lý luận của các học thuyết cơ bản trong y học cổ truyền để có thể giải thích, chứng minh được các lý luận về châm cứu.
CLO 6 CLO 7 CLO 8	Kỹ năng: - Nắm bắt thành thạo được các kiến thức về Châm cứu. - Vận dụng được các kiến thức chuyên sâu về châm cứu để nâng cao kỹ năng châm cứu trong chẩn đoán và điều trị bệnh.
CLO 15 CLO 16 CLO 18	Mức độ tự chủ và tự chịu trách nhiệm: - Chủ động, trung thực trong việc học tập, nghiên cứu kiến thức chuyên sâu về châm cứu - Thực hiện nội quy, quy chế của nhà trường và cơ sở thực hành

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

1 – Mức đóng góp ít; 2 – Mức đóng góp vừa ; 3 – Mức đóng góp nhiều

Bảng 5.1.Mối liên hệ của CDR HP (CLO) đến CDR của CTĐT (PLO)

PLO	1	2	3	4	5	6	7	8	9
CLO1	3		3			3			
CLO2	3		3			3			
CLO3	3		3			3			
....									

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết: Giáo trình, tài liệu tham khảo như mục 10.1 và 10.2

Máy chiếu, loa, mic, phấn, bảng ...

6.1.2. Lâm sàng: (đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo NĐ 111/2017/NĐ-CP)

6.1.3. Thực hành:(Tổ chức dạng SEMINAR)

Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Máy chiếu PROJECTER, LAPTOP
2	loa, mic...

6.2. Yêu cầu đối với sinh viên

- Học viên phải có giáo trình.

- Học viên phải tự đọc tối thiểu đầy đủ tài liệu học tập (tại mục 10), đảm bảo kết quả thi kết thúc học phần với kiến thức có trong giáo trình, trong tài liệu tham khảo và kiến thức cập nhật mới.

- Dự lớp học lý thuyết: Học viên có trách nhiệm tham gia đầy đủ các buổi học và các hoạt động học tập tại lớp; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

- Lâm sàng:

- Tuân thủ thời gian thực hành lâm sàng, trong thời gian đi lâm sàng tại các bệnh viện, tham gia khám, chẩn đoán, điều trị; thực hiện các thủ thuật, kỹ thuật thăm dò và điều trị dưới sự hướng dẫn của giảng viên tại bệnh viện.
- Tham gia trực tại khoa học lâm sàng theo lịch phân công
- Chấp hành đầy đủ các nội quy của Bệnh viện, Khoa, Phòng.
- Thực hiện đúng nội qui chế học lâm sàng, tham gia học lâm sàng và tham gia trực đầy đủ.

- Tự học: Chủ động tổ chức giờ tự học bao gồm: Ôn bài học trước, **tự đọc** giáo trình và tài liệu tham khảo có liên quan tới chuẩn bị cho bài học mới theo tên bài kèm nội dung ghi tại cột 2 trong các bảng ở mục 8 (bao gồm cả phần tự đọc không giảng trên lớp - nếu có), phân phối thời gian tự học ôn tập phục vụ cho các bài thảo luận/kiểm tra/thi hết thực hành/ thi kết thúc học phần (các hình thức ghi tại mục 9.3); Đảm bảo thời gian tự học theo quy định.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần:

- Lý thuyết: số tiết tham dự lý thuyết tối thiểu đạt 80 %.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Thực hiện đúng nội qui chế học lâm sàng, tham gia học lâm sàng và tham gia trực đầy đủ.

7. Mô tả chung học phần/ mô đun

Học phần này sẽ cung cấp cho học viên các kiến thức nền tảng về các học thuyết cơ bản của YHCT, các học thuyết có liên quan tới chuyên ngành châm cứu..

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (... tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/ KT/ Tự học)	CDR của bài học (chương)/ chủ đề	Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của Sinh viên	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1.	Học thuyết kinh lạc	5/0/0	Năm được nội dung kiến thức về học thuyết kinh lạc	CLO 2	Thuyết trình. Động não Giải quyết vấn đề	Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, suy nghĩ - trả lời	
2.	Bát mạch kỳ kinh	5/0/0	Năm được nội dung kiến thức về Bát mạch kỳ kinh	CLO 2	Thuyết trình. Động não Giải quyết vấn đề	Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, suy nghĩ - trả lời	
3.	Phương pháp bỏ tá phối hợp trong châm cứu	5/0/0	Năm được nội dung kiến thức về Phương pháp bỏ tả phối hợp trong châm cứu	CLO 2			
4.	Kiểm tra học phần	0,5 tiết					KTHP

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ làm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (... tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)	Số tiết (TH/LS/ KT/ Tự học)	CDR của bài TH/LS (chương)	Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1	Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1.	Bệnh bệnh án ứng dụng phương pháp bỏ tá đơn Châm cứu trong điều trị bệnh trên lâm sàng	60/0/0/10	Thực hiện được phương pháp châm cứu bỏ tá đơn trong điều trị bệnh trên lâm sàng	CLO 6 CLO 7 CLO 8 CLO 15 CLO 18	(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo hàng theo ND 111/2017/N Đ-CP)	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	1. Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm 2. Thuyết trình slide, phản biện 3. Thảo luận	Đánh giá cho điểm bài
2.	Bệnh bệnh án ứng dụng phương pháp bỏ tá phổi hợp Châm cứu trong điều trị bệnh trên lâm sàng	75/0/0/10	Thực hiện được phương pháp châm cứu bỏ tá phổi hợp trong điều trị bệnh trên lâm sàng	CLO 6 CLO 7 CLO 8 CLO 15 CLO 18	(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo hàng theo ND 111/2017/N Đ-CP)	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	1. Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm 2. Thuyết trình slide, phản biện 3. Thảo luận	Đánh giá cho điểm bài

Thi hết thực hành/lâm sàng: Học viên bốc bệnh án, hỏi thi trên người bệnh.							KTTH
--	--	--	--	--	--	--	------

9. Phương pháp đánh giá học phân

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phân được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm với học phần có cả lý thuyết và thực hành

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Chuyên cần	Hình thức đánh giá: Xét điều kiện được thi						
Kiểm tra 1 tiết	10%	Làm bài kiểm tra tự luận				CLO2	
Điểm thi kết thúc học phần	90%	Lý thuyết: Điểm thi trắc nghiệm trên máy tính				CLO2	
Điểm thi kết thúc học phần	100%	Lâm sàng: Điểm thi: kết quả hỏi thi tại bệnh viện thực hành. Hình thức thi Lâm sàng: học viên bốc bệnh án, hỏi thi trên người bệnh				CLO 6 CLO 7 CLO 8 CLO 15 CLO 18	

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

Điểm thi được tính theo thang điểm 10.

9.5. Điểm học phần

Cách đánh giá: Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.1 Điểm lý thuyết:: Điểm lý thuyết = (điểm kiểm tra 1 tiết + điểm thi lý thuyết x 9) / 10

9.2 Điểm thực hành/lâm sàng: Điểm thi lâm sàng

9.3 Điểm tổng kết học phần: Điểm tổng kết học phần = (Điểm tổng kết phần lý thuyết x 2 + điểm lâm sàng x 1)/3

- Điểm đánh giá kết thúc học phần đối với các môn lâm sàng: điểm lý thuyết và thực hành tính độc lập.

- Điểm lý thuyết và thực hành phải đạt 5 điểm trở lên theo thang điểm 10 (làm tròn đến 0,5).

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Bộ môn Châm cứu (2018), *Giáo trình Châm cứu (dành cho học viên sau đại học ngành Y học cổ truyền)*, Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt Nam.

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Bách khoa thư bệnh học, Trung tâm biên soạn Từ điển Bách khoa Viện nam 1991 và 1994

2. Đỗ Kiên Cường, Vũ Công Lập, Nguyễn Thị Tú Lan (1995), *Laser châm: cơ sở khoa học và khả năng ứng dụng*, WWW. Laserhcm.orgr/contents/lib/LSCCSKHNUD.pdf

3. Hoàng Phủ Mật, Lê Quý Ngưu và Lương Tú Vân dịch, *Châm cứu Giáp ất kinh*, Nhà xuất bản Thuận Hóa (2011)

4. Nguyễn Tài Thu –Trần Thuý ; cộng sự Nghiêm Hữu Thành, Nguyễn Bá Quang , *Châm cứu học sau đại học*, Nhà xuất bản Y học 1997.

5. Nguyễn Tử Siêu, *Hoàng đế nội kinh tổ vấn*, Nhà xuất bản TP Hồ Chí Minh

6. Phan Quan Chí Hiếu, *Châm cứu học - Tập 1*, Nhà xuất bản Y học 2007

7. Vũ Nam (2011), *Các học thuyết cơ bản trong y học cổ truyền*, NXB Y học.

11. Hướng dẫn thực hiện

✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/mô đun.

✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

✓ Học viên thực hiện đầy đủ và trung thực các nhiệm vụ học tập, kiểm tra, đánh giá theo Đề cương chi tiết học phần và hướng dẫn của giảng viên giảng dạy học phần.

12. Cấp phê duyệt

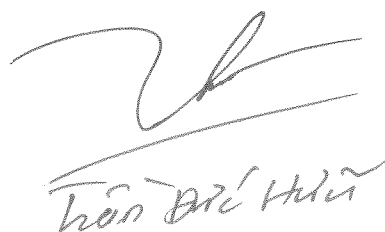
TRƯỞNG KHOA

(Ký, ghi rõ họ tên)

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

BỘ MÔN

(Ký, ghi rõ họ tên)


Trần Đức Hậu

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN: CHÂM CỨU ĐIỀU TRỊ BỆNH LÝ CHUYÊN NGÀNH NỘI

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:
- * Tiếng Việt: **châm cứu điều trị bệnh lý chuyên ngành nội**
- * Tiếng Anh: **Acupuncture treats internal diseases**
- Mã học phần/ mô đun:
- Số tín chỉ: **6 LT/ 9 TH/LS**
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: **811 tiết**
 - + Lý thuyết: **90 tiết**
 - + Thực hành/ Lâm sàng/Seminar: **270 tiết**
 - + Kiểm tra, đánh giá: **..1. tiết**
 - + Thời gian tự học: **450 tiết**
- Đối tượng học (năm thứ): **Bác sĩ chuyên khoa I ngành châm cứu**
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	

- Điều kiện tham gia học phần:
 - + Học phần tiên quyết: sinh viên đảm bảo 2 điều kiện: có tham gia học và dự thi kết thúc học phần
 - + Học phần học trước: Học phần học trước là các học phần lý luận y học cổ truyền nâng cao, Học phần tác phẩm kinh điển về châm cứu Học phần nội tổng hợp.
 - + Học phần song hành: không
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: (ghi rõ tên bộ môn phụ trách)

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	PGS Trần Văn Thanh.	0973833633	drtvthanh@gmail.com
2	PGS.TS Phạm Hồng Vân.	0915009672	vankhth@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT1	Kiến thức:

	<ul style="list-style-type: none"> - Chẩn đoán và điều trị đúng một số bệnh thường gặp thuộc hệ hô hấp, hệ tuần hoàn - Chẩn đoán và điều trị đúng một số bệnh thường gặp thuộc hệ tiêu hóa, hệ tiết niệu sinh dục - Chẩn đoán và điều trị đúng một số bệnh thường gặp thuộc hệ thần kinh
MT2	<p>Kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hành thành thạo kỹ năng khám bệnh bằng YHCT kết hợp YHHD để chẩn đoán một số bệnh nội khoa thường gặp. - Thực hành thành thạo kỹ năng châm cứu và các phương pháp không dùng thuốc điều trị một số bệnh nội khoa thường gặp. - Thực hành thành thạo kỹ năng xác định chính xác huyết vị - Thực hành thành thạo kỹ năng châm cứu và kỹ năng bổ tả trong châm cứu để điều trị một số bệnh nội khoa thường gặp.
MT3	<p>Thái độ làm việc tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>Thực hiện nội quy, quy chế của Học viện, bệnh viện thực hành.</p>

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	(1)	(2)	(3)
MT1	3	3	3
MT2	3	3	3
MT3	3	3	3

1 – Mức đóng góp ít; 2 – Mức đóng góp vừa ; 3 – Mức đóng góp nhiều

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Sau khi học xong học phần, người học có thể:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO 2	<p>Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chẩn đoán và điều trị đúng một số bệnh thường gặp thuộc hệ hô hấp, hệ tuần hoàn - Chẩn đoán và điều trị đúng một số bệnh thường gặp thuộc hệ tiêu hóa, hệ tiết niệu sinh dục - Chẩn đoán và điều trị đúng một số bệnh thường gặp thuộc hệ thần kinh
CLO 6 CLO 7 CLO 8	<p>Kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hành thành thạo kỹ năng khám bệnh bằng YHCT kết hợp YHHD để chẩn đoán một số bệnh nội khoa thường gặp. - Thực hành thành thạo kỹ năng châm cứu và các phương pháp không dùng thuốc điều trị một số bệnh nội khoa thường gặp. - Thực hành thành thạo kỹ năng xác định chính xác huyết vị - Thực hành thành thạo kỹ năng châm cứu và kỹ năng bổ tả trong châm cứu để điều trị một số bệnh nội khoa thường gặp.
CLO 15 CLO 16 CLO 18	<p>Thái độ làm việc tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>Thực hiện nội quy, quy chế của Học viện, bệnh viện thực hành.</p>

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

1 – Mức đóng góp ít; 2 – Mức đóng góp vừa ; 3 – Mức đóng góp nhiều

Bảng 5.1.Mối liên hệ của CDR HP (CLO) đến CDR của CTĐT (PLO)

PLO	1	2	3	4	5	6	7	8	9
CLO1	3		3			3			
CLO2	3		3			3			
CLO3	3		3			3			
....									

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết: Giáo trình, tài liệu tham khảo như mục 10.1 và 10.2

Máy chiếu, loa, mic, phấn, bảng ...

6.1.2. Lâm sàng: (đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo NĐ 111/2017/NĐ-CP)

6.1.3. Thực hành:(Tổ chức dạng SEMINAR)

Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Máy chiếu PROJECTER, LAPTOP
2	loa, mic...

6.2. Yêu cầu đối với sinh viên

- Học viên phải có giáo trình.

- Học viên phải tự đọc tối thiểu đầy đủ tài liệu học tập (tại mục 10), đảm bảo kết quả thi kết thúc học phần với kiến thức có trong giáo trình, trong tài liệu tham khảo và kiến thức cập nhật mới.

- Dự lớp học lý thuyết: Học viên có trách nhiệm tham gia đầy đủ các buổi học và các hoạt động học tập tại lớp; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

- Lâm sàng:

- Tuân thủ thời gian thực hành lâm sàng, trong thời gian đi lâm sàng tại các bệnh viện, tham gia khám, chẩn đoán, điều trị; thực hiện các thủ thuật, kỹ thuật thăm dò và điều trị dưới sự hướng dẫn của giảng viên tại bệnh viện.
- Tham gia trực tại khoa học lâm sàng theo lịch phân công
- Chấp hành đầy đủ các nội quy của Bệnh viện, Khoa, Phòng.
- Thực hiện đúng nội qui chế học lâm sàng, tham gia học lâm sàng và tham gia trực đầy đủ.

- Tự học: Chủ động tổ chức giờ tự học bao gồm: Ôn bài học trước, tự đọc giáo trình và tài liệu tham khảo có liên quan tới chuẩn bị cho bài học mới theo tên bài kèm nội dung ghi tại cột 2 trong các bảng ở mục 8 (bao gồm cả phần tự đọc không giảng trên lớp - nếu có), phân phối thời gian tự học ôn tập phục vụ cho các bài thảo luận/kiểm tra/thi hết thực hành/ thi kết thúc học phần (các hình thức ghi tại mục 9.3); Đảm bảo thời gian tự học theo quy định.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần:

- Lý thuyết: số tiết tham dự lý thuyết tối thiểu đạt 80 %.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Thực hiện đúng nội qui chế học lâm sàng, tham gia học lâm sàng và tham gia trực đầy đủ.

7. Mô tả chung học phần/ mô đun

Học phần châm cứu điều trị chuyên ngành nội là học phần rất quan trọng, nó cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về bệnh học nội khoa, các triệu chứng chẩn đoán bệnh theo YHCT và điều trị các bệnh bằng phương pháp châm cứu. Phần thực hành lâm sàng sẽ tập trung chủ yếu vào thăm khám, nhận định các triệu chứng lâm sàng, chẩn đoán và đề xuất phác đồ điều trị YHCT nói chung và phác đồ theo Châm cứu nói riêng đối với một số bệnh lý nội khoa thường gặp trên lâm sàng.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (... tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/ KT/ Tự học)	CDR của bài học (chương)/ chủ đề	Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của Sinh viên	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1.	Hen phế quản	5/0/0	Chẩn đoán và điều trị được bằng châm cứu bệnh Hen phế quản	CLO 2	Thuyết trình. Động não Giải quyết vấn đề	Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, suy nghĩ - trả lời	
2.	Viêm mũi dị ứng	5/0/0	Chẩn đoán và điều trị được bằng châm cứu bệnh Viêm mũi dị ứng	CLO 2	Thuyết trình. Động não Giải quyết vấn đề	Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, suy nghĩ - trả lời	
3.	Viêm loét dạ dày tá tràng	5/0/0	Chẩn đoán và điều trị được bằng châm cứu bệnh Viêm loét dạ dày tá tràng	CLO 2			
4.	Táo bón	5/0/0	Chẩn đoán và điều trị được bằng châm cứu	CLO 2	Thuyết trình. Động não	Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, suy nghĩ	

			bệnh Táo bón						
5.	Tăng huyết áp		Chẩn đoán và điều trị được bằng châm cứu bệnh Tăng huyết áp	5/0/0	CLO 2	Thuyết trình. Động não Giải quyết vấn đề	Giải quyết vấn đề	- trả lời	
6.	Rối loạn thần kinh tim		Chẩn đoán và điều trị được bằng châm cứu bệnh Rối loạn thần kinh tim	5/0/0	CLO 2	Thuyết trình. Động não Giải quyết vấn đề	Thuyết trình. Động não Giải quyết vấn đề	- trả lời	
7.	Đái dầm		Chẩn đoán và điều trị được bằng châm cứu bệnh Đái dầm	5/0/0	CLO 2	Thuyết trình. Động não Giải quyết vấn đề	Thuyết trình. Động não Giải quyết vấn đề	- trả lời	
8.	Bí đái cơ năng		Chẩn đoán và điều trị được bằng châm cứu bệnh Bí đái cơ năng	5/0/0	CLO 2	Thuyết trình. Động não Giải quyết vấn đề	Thuyết trình. Động não Giải quyết vấn đề	- trả lời	

9.	Tai biến mạch máu não	5/0/0	Chẩn đoán và điều trị được bằng châm cứu bệnh Tai biến mạch máu não	CLO 2	Thuyết trình. Động não Giải quyết vấn đề	Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, suy nghĩ - trả lời	
10.	Đau vai gáy	5/0/0	Chẩn đoán và điều trị được bằng châm cứu bệnh Đau vai gáy	CLO 2	Thuyết trình. Động não Giải quyết vấn đề	Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, suy nghĩ - trả lời	
11.	Đau lưng	5/0/0	Chẩn đoán và điều trị được bằng châm cứu bệnh Đau lưng	CLO 2	Thuyết trình. Động não Giải quyết vấn đề	Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, suy nghĩ - trả lời	
12.	Đau thần kinh hông to	5/0/0	Chẩn đoán và điều trị được bằng châm cứu bệnh Đau thần kinh hông to	CLO 2	Thuyết trình. Động não Giải quyết vấn đề	Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, suy nghĩ - trả lời	
13.	Viêm đa khớp dạng thấp,	5/0/0	Chẩn đoán và điều trị được bằng châm cứu bệnh Viêm đa	CLO 2	Thuyết trình. Động não	Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, suy nghĩ	

			khớp dạng thấp,				Giải quyết vấn đề	- trả lời	
14.	Liệt dây thần kinh VII ngoại biên	5/0/0	Chẩn đoán và điều trị được bằng châm cứu bệnh Liệt dây thần kinh VII ngoại biên	CLO 2	Thuyết trình. Động não Giải quyết vấn đề	Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, suy nghĩ - trả lời			
15.	Đau đầu	5/0/0	Chẩn đoán và điều trị được bằng châm cứu bệnh Đau đầu	CLO 2	Thuyết trình. Động não Giải quyết vấn đề	Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, suy nghĩ - trả lời			
16.	Mất ngủ	5/0/0	Chẩn đoán và điều trị được bằng châm cứu bệnh Mất ngủ	CLO 2	Thuyết trình. Động não Giải quyết vấn đề	Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, suy nghĩ - trả lời			
17.	Đau dây V	5/0/0	Chẩn đoán và điều trị được bằng châm cứu bệnh Đau dây V	CLO 2	Thuyết trình. Động não Giải quyết vấn đề	Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, suy nghĩ - trả lời			

18.	Chăm cứu hỗ trợ cai nghiện	5/0/0	Nắm rõ được phương pháp Chăm cứu hỗ trợ cai nghiện.	CLO 2	Thuyết trình. Động não Giải quyết vấn đề	Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, suy nghĩ - trả lời	
19.	Kiểm tra học phần	0,5 tiết					KTHP

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (... tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)	Số tiết (TH/LS/ KT/ Tự học)	CĐR của bài TH/LS (chương)	Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1	Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3	PP giảng dạy đạt CĐR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1.	Chẩn đoán và điều trị Hen phế quản, Bình bệnh án bệnh nhân Hen phế quản	10/0/0/10	Thực hiện được chẩn đoán, điều trị Hen phế quản	CLO 6 CLO 7 CLO 8 CLO 15 CLO 18	(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo NEĐ 111/2017/N Đ-CP)	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	1. Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm 2. Thuyết trình slide, phân biện 3. Thảo luận	Đánh giá cho điểm bài
2.	Chẩn đoán và	10/0/0/10	Thực hiện được chẩn	CLO 6	(đạt)	1. Thuyết trình	1. Tiến hành	Đánh

	điều trị Viêm mũi dị ứng, Bệnh bệnh án bệnh nhân Viêm mũi dị ứng		đoán, điều trị Viêm mũi dị ứng	CLO 7 CLO 8 CLO 15 CLO 18	chuẩn Bệnh viện thực hành theo NEĐ 111/2017/NĐ-CP)	2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	phân tích tình huống nhóm 2. Thuyết trình slide, phản biện 3. Thảo luận	giá cho điểm bài
3.	Chẩn đoán và điều trị Viêm loét dạ dày tá tràng, Bệnh bệnh án bệnh nhân Viêm loét dạ dày tá tràng	10/0/0/10	Thực hiện được chẩn đoán, điều trị Viêm loét dạ dày tá tràng	CLO 6 CLO 7 CLO 8 CLO 15 CLO 18	(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo NEĐ 111/2017/NĐ-CP)	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	1. Tiến hành phân tích tình huống nhóm 2. Thuyết trình slide, phản biện 3. Thảo luận	Đánh giá cho điểm bài
4.	Chẩn đoán và điều trị Táo bón, Bệnh bệnh án bệnh nhân Táo bón	10/0/0/10	Thực hiện được chẩn đoán, điều trị Bệnh Táo bón	CLO 6 CLO 7 CLO 8 CLO 15 CLO 18	(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo NEĐ 111/2017/NĐ-CP)	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	1. Tiến hành phân tích tình huống nhóm 2. Thuyết trình slide, phản biện 3. Thảo luận	Đánh giá cho điểm bài
5.	Chẩn đoán và điều trị Tăng huyết áp,	10/0/0/10	Thực hiện được chẩn đoán, điều trị Tăng huyết áp,	CLO 6 CLO 7 CLO 8 CLO 15	(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề	1. Tiến hành phân tích tình huống nhóm	Đánh giá cho điểm bài

	Bình bệnh án bệnh nhân Tăng huyết áp			CLO 18	NĐ 111/2017/N Đ-CP)	4. Thảo luận 5. Mô phỏng	2. Thuyết trình slide, phản biện 3. Thảo luận	
6.	Chẩn đoán và điều trị Rối loạn thần kinh tim, Bệnh bệnh án bệnh nhân Rối loạn thần kinh tim	10/0/0/10	Thực hiện được chẩn đoán, điều trị Rối loạn thần kinh tim	CLO 6 CLO 7 CLO 8 CLO 15 CLO 18	(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo NĐ 111/2017/N Đ-CP)	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	1. Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm 2. Thuyết trình slide, phản biện 3. Thảo luận	Đánh giá cho điểm bài
7.	Chẩn đoán và điều trị Đái đái, Bệnh bệnh án bệnh nhân Đái đái	10/0/0/10	Thực hiện được chẩn đoán, điều trị Đái đái	CLO 6 CLO 7 CLO 8 CLO 15 CLO 18	(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo NĐ 111/2017/N Đ-CP)	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	1. Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm 2. Thuyết trình slide, phản biện 3. Thảo luận	Đánh giá cho điểm bài
8.	Chẩn đoán và điều trị Bí đái cơ năng, Bệnh bệnh án bệnh nhân Bí đái cơ	10/0/0/10	Thực hiện được chẩn đoán, điều trị Bí đái cơ năng	CLO 6 CLO 7 CLO 8 CLO 15 CLO 18	(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo NĐ 111/2017/N Đ-CP)	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	1. Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm 2. Thuyết trình slide, phản biện	Đánh giá cho điểm bài

	năng					Đ-CP)		Đánh giá cho điểm bài
9.	Chẩn đoán và điều trị Tai biến mạch máu não, Bệnh bệnh án bệnh nhân Tai biến mạch máu não	10/0/0/15	Thực hiện được chẩn đoán, điều trị Tai biến mạch máu não	CLO 6 CLO 7 CLO 8 CLO 15 CLO 18	(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo ND 111/2017/N Đ-CP)	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	3. Thảo luận 1. Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm 2. Thuyết trình slide, phản biện 3. Thảo luận	Đánh giá cho điểm bài
10.	Chẩn đoán và điều trị Đau vai gáy, Bệnh bệnh án bệnh nhân Đau vai gáy	10/0/0/15	Thực hiện được chẩn đoán, điều trị Đau vai gáy	CLO 6 CLO 7 CLO 8 CLO 15 CLO 18	(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo ND 111/2017/N Đ-CP)	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	1. Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm 2. Thuyết trình slide, phản biện 3. Thảo luận	Đánh giá cho điểm bài
11.	Chẩn đoán và điều trị Đau lưng, Bệnh bệnh án bệnh nhân Đau lưng	10/0/0/15	Thực hiện được chẩn đoán, điều trị Đau lưng	CLO 6 CLO 7 CLO 8 CLO 15 CLO 18	(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo ND 111/2017/N Đ-CP)	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	1. Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm 2. Thuyết trình slide, phản biện 3. Thảo luận	Đánh giá cho điểm bài

12.	Chẩn đoán và điều trị Đau thần kinh hông to, Bình bệnh án bệnh nhân Đau thần kinh hông to	10/0/0/15	Thực hiện được chẩn đoán, điều trị Đau thần kinh hông to	CLO 6 CLO 7 CLO 8 CLO 15 CLO 18	(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo ND 111/2017/N Đ-CP)	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	1. Tiến hành phân tích tình huống nhóm 2. Thuyết trình slide, phân biện 3. Thảo luận	Đánh giá cho điểm bài
13.	Chẩn đoán và điều trị Viêm đa khớp dạng thấp, Bình bệnh án bệnh nhân Viêm khớp dạng thấp	10/0/0/15	Thực hiện được chẩn đoán, điều trị Viêm khớp dạng thấp	CLO 6 CLO 7 CLO 8 CLO 15 CLO 18	(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo ND 111/2017/N Đ-CP)	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	1. Tiến hành phân tích tình huống nhóm 2. Thuyết trình slide, phân biện 3. Thảo luận	Đánh giá cho điểm bài
14.	Chẩn đoán và điều trị Liệt dây thần kinh VII ngoại biên, Bình bệnh án bệnh nhân Liệt VII ngoại biên	10/0/0/15	Thực hiện được chẩn đoán, điều trị Liệt VII ngoại biên	CLO 6 CLO 7 CLO 8 CLO 15 CLO 18	(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo ND 111/2017/N Đ-CP)	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	1. Tiến hành phân tích tình huống nhóm 2. Thuyết trình slide, phân biện 3. Thảo luận	Đánh giá cho điểm bài

15.	Chẩn đoán và điều trị Đau đầu, Bình bệnh án bệnh nhân Đau đầu	10/0/0/15	Thực hiện được chẩn đoán, điều trị Đau đầu	CLO 6 CLO 7 CLO 8 CLO 15 CLO 18	(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo ND 111/2017/N Đ-CP)	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	1. Tiến hành phân tích tình huống nhóm 2. Thuyết trình slide, phân biện 3. Thảo luận	Đánh giá cho điểm bài
16.	Chẩn đoán và điều trị Mát ngủ, Bình bệnh án bệnh nhân Mát ngủ	10/0/0/15	Thực hiện được chẩn đoán, điều trị Mát ngủ	CLO 6 CLO 7 CLO 8 CLO 15 CLO 18	(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo ND 111/2017/N Đ-CP)	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	1. Tiến hành phân tích tình huống nhóm 2. Thuyết trình slide, phân biện 3. Thảo luận	Đánh giá cho điểm bài
17.	Chẩn đoán và điều trị Đau dây V, Bình bệnh án bệnh nhân Đau dây V	10/0/0/10	Thực hiện được chẩn đoán, điều trị Đau dây V		(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo ND 111/2017/N Đ-CP)	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	1. Tiến hành phân tích tình huống nhóm 2. Thuyết trình slide, phân biện 3. Thảo luận	Đánh giá cho điểm bài
18.	Thực hiện kỹ thuật Châm cứu hỗ trợ cai nghiện.gút mạn	10/0/0/15	Thực hiện được phương pháp châm cứu hỗ trợ cai nghiện.gút mạn		(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo ND 111/2017/N Đ-CP)	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề	1. Tiến hành phân tích tình huống	Đánh giá cho điểm bài

	nghiên Bình luận, thảo luận trên bệnh nhân dùng châm cứu hỗ trợ cai nghiện.				hành theo ND 111/2017/N Đ-CP)	đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	nhóm 2. Thuyết trình slide, phân biện 3 . Thảo luận	KTTH
Thi hết thực hành/lâm sàng: Học viên bốc bệnh án, hỏi thi trên người bệnh.								

9. Phương pháp đánh giá học phân

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phân được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm với học phần có cả lý thuyết và thực hành

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Chuyên cần	Hình thức đánh giá: Xét điều kiện được thi						
Kiểm tra 1 tiết	10%	Làm bài kiểm tra tự luận				CLO2	
Điểm thi kết thúc học phần	90%	Lý thuyết: Điểm thi trắc nghiệm trên máy tính				CLO2	
Điểm thi kết thúc học phần	100%	Lâm sàng: Điểm thi: kết quả hỏi thi tại bệnh viện thực hành. Hình thức thi Lâm sàng: học viên bốc bệnh án, hỏi thi trên người bệnh				CLO 6 CLO 7 CLO 8 CLO 15 CLO 18	

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

Điểm thi được tính theo thang điểm 10.

9.5. Điểm học phần

Cách đánh giá: Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.1 Điểm lý thuyết:: Điểm lý thuyết = (điểm kiểm tra 1 tiết + điểm thi lý thuyết x 9) /10

9.2 Điểm thực hành/lâm sàng: Điểm thi lâm sàng

9.3 Điểm tổng kết học phần: Điểm tổng kết học phần = (Điểm tổng kết phần lý thuyết x 2 + điểm lâm sàng x 1)/3

- Điểm đánh giá kết thúc học phần đối với các môn lâm sàng: điểm lý thuyết và thực hành tính độc lập.

- Điểm lý thuyết và thực hành phải đạt 5 điểm trở lên theo thang điểm 10 (làm tròn đến 0,5).

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Bộ môn Châm cứu (2018), *Giáo trình Châm cứu (dành cho học viên sau đại học ngành Y học cổ truyền)*, Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt Nam.

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Bách khoa thư bệnh học, Trung tâm biên soạn Từ điển Bách khoa Viện nam 1991 và 1994

2. Đỗ Kiên Cường, Vũ Công Lập, Nguyễn Thị Tú Lan (1995), *Laser châm: cơ sở khoa học và khả năng ứng dụng*, WWW. Laserhcm.orgr/contents/lib/LSCCSKHNUD.pdf

3. Hoàng Phủ Mật, Lê Quý Ngưu và Lương Tú Vân dịch, *Châm cứu Giáp ất kinh*, Nhà xuất bản Thuận Hóa (2011)

4. Nguyễn Tài Thu –Trần Thuý ; cộng sự Nghiêm Hữu Thành, Nguyễn Bá Quang , *Châm cứu học sau đại học*, Nhà xuất bản Y học 1997.

5. Nguyễn Tử Siêu, *Hoàng đế nội kinh tố vấn*, Nhà xuất bản TP Hồ Chí Minh

6. Phan Quan Chí Hiếu, *Châm cứu học - Tập 1*, Nhà xuất bản Y học 2007

7. Vũ Nam (2011),. *Các học thuyết cơ bản trong y học cổ truyền*, NXB Y học.

11. Hướng dẫn thực hiện

Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.

Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/mô đun.

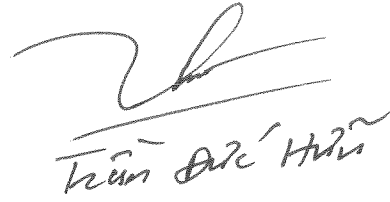
Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Học viên thực hiện đầy đủ và trung thực các nhiệm vụ học tập, kiểm tra, đánh giá theo Đề cương chi tiết học phần và hướng dẫn của giảng viên giảng dạy học phần.

12. Cấp phê duyệt

TRƯỜNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

Hà Nội, ngày tháng năm 2023
BỘ MÔN
(Ký, ghi rõ họ tên)



Trần Đức Hải

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN: TÁC PHẨM KINH ĐIỂN VỀ CHÂM CỨU

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:
- * Tiếng Việt: **châm cứu điều trị bệnh lý chuyên ngành nội**
- * Tiếng Anh: Ancient documents about acupuncture
- Mã học phần/ mô đun:
- Số tín chỉ: 4 LT/ TH/LS
- Số tiết đối với các hoạt động học tập:
 - + Lý thuyết: 60 tiết
 - + Thực hành/ Lâm sàng/Seminar:
 - + Kiểm tra, đánh giá: ..1. tiết
 - + Thời gian tự học:
- Đối tượng học (năm thứ): Bác sĩ chuyên khoa I ngành châm cứu
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Điều kiện tham gia học phần:
 - + Học phần tiên quyết: sinh viên đảm bảo 2 điều kiện: có tham gia học và dự thi kết thúc học phần
 - + Học phần học trước: Học phần học trước là các học phần lý luận y học cổ truyền nâng cao.
 - + Học phần song hành: không
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: (Bộ môn Châm cứu)

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	- PGS. TS. Trần Văn Thanh	0973833633	drtvthanh@gmail.com
2	- PGS. TS. Phạm Quốc Bình	0912757262	phamquocbinh68@gmail.com
3	- PGS.TS. Phạm Hồng Vân	0915009672	vankhth@gmail.com
4	- TS. Trần Đức Hữu	0983951056	ts.bs.huu@gmail.com
5	-TS. Nguyễn Văn Hải	0968504115	dr.hai06@gmail.com
6	-TS. Trần Thị Hồng Ngải		

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT1	Kiến thức: - Trình bày được các cách xác định huyết vị của người xưa. - Trình bày được các quy luật truyền biến bệnh tật của ngũ tạng. - Nắm bắt được các kiến thức về Châm cứu cổ điển trong dự phòng và điều trị bệnh tật.
MT2	Kỹ năng: - Vận dụng được các kiến thức cách thức xác định huyết vị của người xưa trong chẩn đoán và điều trị bệnh. - Phân tích và vận dụng được nội dung của một số tác phẩm kinh điển về phòng bệnh và điều trị bệnh trong châm cứu lâm sàng
MT3	Mức độ tự chủ và tự chịu trách nhiệm: - Chủ động, trung thực trong việc học tập, nghiên cứu kiến thức chuyên sâu về châm cứu - Thực hiện nội quy, quy chế của nhà trường và cơ sở thực hành

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	(1)	(2)	(3)
MT1	3	3	3
MT2	3	3	3
MT3	3	3	3

1 – Mức đóng góp ít; 2 – Mức đóng góp vừa ; 3 – Mức đóng góp nhiều

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Sau khi học xong học phần, người học có thể:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO 2	Kiến thức: - Trình bày được các cách xác định huyết vị của người xưa. - Trình bày được các quy luật truyền biến bệnh tật của ngũ tạng. - Nắm bắt được các kiến thức về Châm cứu cổ điển trong dự phòng và điều trị bệnh tật.
CLO 6 CLO 7 CLO 8	Kỹ năng: - Vận dụng được các kiến thức cách thức xác định huyết vị của người xưa trong chẩn đoán và điều trị bệnh.

	- Phân tích và vận dụng được nội dung của một số tác phẩm kinh điển về phòng bệnh và điều trị bệnh trong lâm sàng lâm sàng
CLO 15 CLO 16 CLO18	Mức độ tự chủ và tự chịu trách nhiệm: - Chủ động, trung thực trong việc học tập, nghiên cứu kiến thức chuyên sâu về lâm sàng - Thực hiện nội quy, quy chế của nhà trường và cơ sở thực hành

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

1 – Mức đóng góp ít; 2 – Mức đóng góp vừa ; 3 – Mức đóng góp nhiều

Bảng 5.1.Mối liên hệ của CDR HP (CLO) đến CDR của CTĐT (PLO)

PLO	1	2	3	4	5	6	7	8	9
CLO1	3		3			3			
CLO2	3		3			3			
CLO3	3		3			3			
....									

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết: Giáo trình, tài liệu tham khảo như mục 10.1 và 10.2

Máy chiếu, loa, mic, phấn, bảng ...

6.1.2. Lâm sàng: (đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo ND 111/2017/ND-CP)

6.1.3. Thực hành:(Tổ chức dạng SEMINAR)

Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Máy chiếu PROJECTER, LAPTOP
2	loa, mic...

6.2. Yêu cầu đối với sinh viên

- Học viên phải có giáo trình.

- Học viên phải tự đọc tối thiểu đầy đủ tài liệu học tập (tại mục 10), đảm bảo kết quả thi kết thúc học phần với kiến thức có trong giáo trình, trong tài liệu tham khảo và kiến thức cập nhật mới.

- Dự lớp học lý thuyết: Học viên có trách nhiệm tham gia đầy đủ các buổi học và các hoạt động học tập tại lớp; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

- Lâm sàng:

- Tuân thủ thời gian thực hành lâm sàng, trong thời gian đi lâm sàng tại các bệnh viện, tham gia khám, chẩn đoán, điều trị; thực hiện các thủ thuật, kỹ thuật thăm dò và điều trị dưới sự hướng dẫn của giảng viên tại bệnh viện.
- Tham gia trực tại khoa học lâm sàng theo lịch phân công
- Chấp hành đầy đủ các nội quy của Bệnh viện, Khoa, Phòng.

- Thực hiện đúng nội qui chế học lâm sàng, tham gia học lâm sàng và tham gia trực đầy đủ.

- Tự học: Chủ động tổ chức giờ tự học bao gồm: Ôn bài học trước, **tự đọc** giáo trình và tài liệu tham khảo có liên quan tới chuẩn bị cho bài học mới theo tên bài kèm nội dung ghi tại cột 2 trong các bảng ở mục 8 (bao gồm cả phần tự đọc không giảng trên lớp - nếu có), phân phối thời gian tự học ôn tập phục vụ cho các bài thảo luận/kiểm tra/thi hết thực hành/ thi kết thúc học phần (các hình thức ghi tại mục 9.3); Đảm bảo thời gian tự học theo quy định.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần:

- Lý thuyết: số tiết tham dự lý thuyết tối thiểu đạt 80 %.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Thực hiện đúng nội qui chế học lâm sàng, tham gia học lâm sàng và tham gia trực đầy đủ.

7. Mô tả chung học phần/ mô đun

Học phần này sẽ giới thiệu một số các tác phẩm kinh điển về chuyên ngành châm cứu như: Hoàng đế Nội kinh linh khu, Châm cứu Giáp ất kinh, qua đó sẽ cung cấp cho học viên các kiến thức nền tảng về châm cứu cổ đại, cách phòng bệnh chữa bệnh, cách sử dụng châm cứu và cầm kỹ trong quá trình sử dụng châm cứu để điều trị bệnh tật.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (... tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/ KT/ Tự học)	CDR của bài học (chương)/ chủ đề	Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của Sinh viên	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	Giáp Át kinh						
1.	Luận về Ngũ tạng biến du	5/0/0	Năm được nội dung kiến thức Luận về Ngũ tạng biến du	CLO 2	Thuyết trình. Động não Giải quyết vấn đề	Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, suy nghĩ - trả lời	
2.	Luận về ngũ tạng sinh bệnh.	5/0/0	Năm được nội dung kiến thức Luận về ngũ tạng sinh bệnh.	CLO 2	Thuyết trình. Động não Giải quyết vấn đề	Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, suy nghĩ - trả lời	
3.	Luận về ngũ tạng truyền bệnh.	5/0/0	Năm được nội dung kiến thức Luận về ngũ tạng truyền bệnh.	CLO 2			
4.	Luận về mạch độ	5/0/0	Năm được nội dung kiến thức	CLO 2	Thuyết trình.	Nghe, ghi chép, đặt câu	

			Luận về mạch độ			Động não giải quyết vấn đề	hỏi, suy nghĩ - trả lời	
5.	Luận về Cẩm ky, Mậu thích trong châm cứu	5/0/0	Nắm được nội dung kiến thức Luận về Cẩm ky, Mậu thích trong châm cứu	CLO 2	Thuyết trình. Động não giải quyết vấn đề	Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, suy nghĩ - trả lời		
6.	Luận về tạp bệnh phụ nhân, tiểu nhi	5/0/0	Nắm được nội dung kiến thức Luận về tạp bệnh phụ nhân, tiểu nhi	CLO 2	Thuyết trình. Động não giải quyết vấn đề	Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, suy nghĩ - trả lời		
7.	Linh khu cơ bản							
8.	Thiên 1. Cửu châm thập nhị nguyên	5/0/0	Nắm được nội dung kiến thức về Cửu châm thập nhị nguyên	CLO 2	Thuyết trình. Động não giải quyết vấn đề	Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, suy nghĩ - trả lời		
9.	Thiên 8. Quan châm	5/0/0	Nắm được nội dung kiến thức về Quan châm	CLO 2	Thuyết trình. Động não giải quyết vấn đề	Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, suy nghĩ - trả lời		

10.	Thiên 14. Cốt độ	5/0/0	Nắm được nội dung kiến thức về Cốt độ	CLO 2	Thuyết trình. Động não Giải quyết vấn đề	Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, suy nghĩ - trả lời	
11.	Thiên 17. Mạch độ	5/0/0	Nắm được nội dung kiến thức về Mạch độ	CLO 2	Thuyết trình. Động não Giải quyết vấn đề	Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, suy nghĩ - trả lời	
12.	Thiên 51. Bồi du	5/0/0	Nắm được nội dung kiến thức về Bồi du	CLO 2	Thuyết trình. Động não Giải quyết vấn đề	Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, suy nghĩ - trả lời	
13.	Thiên 78. Cửu châm luận	5/0/0	Nắm được nội dung kiến thức về Cửu châm luận	CLO 2	Thuyết trình. Động não Giải quyết vấn đề	Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, suy nghĩ - trả lời	
14.	Kiểm tra học phần	0,5 tiết					KTHP

8. Phương pháp đánh giá học phần

8.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8.2. Rubric:

8.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 8.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm với học phần có cả lý thuyết và thực hành

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Chuyên cần	Hình thức đánh giá: Xét điều kiện được thi						
Kiểm tra 1 tiết	10%	Làm bài kiểm tra tự luận				CLO2	
Điểm thi kết thúc học phần	90%	Lý thuyết: Điểm thi trắc nghiệm trên máy tính				CLO2	
Điểm thi kết thúc học phần	100%	Lâm sàng: Điểm thi: kết quả hỏi thi tại bệnh viện thực hành. Hình thức thi Lâm sàng: học viên bốc bệnh án, hỏi thi trên người bệnh				CLO 6 CLO 7 CLO 8 CLO 15 CLO 18	

8.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

Điểm thi được tính theo thang điểm 10.

8.5. Điểm học phần

Cách đánh giá: Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8.1 Điểm lý thuyết:: Điểm lý thuyết = (điểm kiểm tra 1 tiết + điểm thi lý thuyết x 9) / 10

8.2 Điểm thực hành/lâm sàng: Điểm thi lâm sàng

8.3 Điểm tổng kết học phần: Điểm tổng kết học phần = (Điểm tổng kết phần lý thuyết x 2 + điểm lâm sàng x 1)/3

- Điểm đánh giá kết thúc học phần đối với các môn lâm sàng: điểm lý thuyết và thực hành tính độc lập.

- Điểm lý thuyết và thực hành phải đạt 5 điểm trở lên theo thang điểm 10 (làm tròn đến 0,5).

9. Tài liệu học tập

9.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Bộ môn Châm cứu (2018), *Giáo trình Châm cứu (dành cho học viên sau đại học ngành Y học cổ truyền)*, Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt Nam.

9.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Bách khoa thư bệnh học, Trung tâm biên soạn Từ điển Bách khoa Viện nam 1991 và 1994

2. Đỗ Kiên Cường, Vũ Công Lập, Nguyễn Thị Tú Lan (1995), *Laser châm: cơ sở khoa học và khả năng ứng dụng*, WWW. Laserhcm.orgr/contents/lib/LSCCSKHNUD.pdf

3. Hoàng Phủ Mật, Lê Quý Nguu và Lương Tú Vân dịch, *Châm cứu Giáp ất kinh*, Nhà xuất bản Thuận Hóa (2011)

4. Nguyễn Tài Thu –Trần Thuý ; cộng sự Nghiêm Hữu Thành, Nguyễn Bá Quang , *Châm cứu học sau đại học*, Nhà xuất bản Y học 1997.

5. Nguyễn Tử Siêu, *Hoàng đế nội kinh tố vấn*, Nhà xuất bản TP Hồ Chí Minh

6. Phan Quan Chí Hiếu, *Châm cứu học - Tập 1*, Nhà xuất bản Y học 2007

7. Vũ Nam (2011),. *Các học thuyết cơ bản trong y học cổ truyền*, NXB Y học.

10. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.
- ✓ Học viên thực hiện đầy đủ và trung thực các nhiệm vụ học tập, kiểm tra, đánh giá theo Đề cương chi tiết học phần và hướng dẫn của giảng viên giảng dạy học phần.

11. Cấp phê duyệt

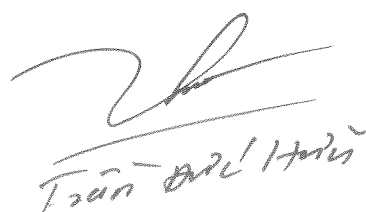
TRƯỞNG KHOA

(Ký, ghi rõ họ tên)

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

BỘ MÔN

(Ký, ghi rõ họ tên)


Trần Đức Hậu

12. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN: CÁC PHƯƠNG PHÁP ĐIỀU TRỊ
KHÔNG DÙNG THUỐC KHÁC**

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:
- * Tiếng Việt: Các phương pháp điều trị không dùng thuốc khác
- * Tiếng Anh: Other non-drug therapies
- Mã học phần/ mô đun:
- Số tín chỉ: 3 LT/ 7 TH/LS
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 811 tiết
 - + Lý thuyết: 45 tiết
 - + Thực hành/ Lâm sàng/Seminar: 315 tiết
 - + Kiểm tra, đánh giá: ..1. tiết
 - + Thời gian tự học: tiết
- Đối tượng học (năm thứ): Bác sĩ chuyên khoa I ngành châm cứu
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Điều kiện tham gia học phần:
 - + Học phần tiên quyết: sinh viên đảm bảo 2 điều kiện: có tham gia học và dự thi kết thúc học phần
 - + Học phần học trước: Học phần học trước là các học phần lý luận y học cổ truyền nâng cao, Học phần tác phẩm kinh điển về châm cứu Học phần nội tổng hợp.
 - + Học phần song hành: không
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: (Bộ môn Châm cứu)

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	PGS Trần Văn Thanh.	0973833633	drtvthanh@gmail.com
	TS. Trần Đức Hữu		
2	TS. Nguyễn Văn Hải	0968504115	dr.hai06@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP

MT1	Trình bày được khái niệm, tác dụng các phương pháp châm cứu khác
MT2	Vận dụng được kiến thức của học phần để có thể lựa chọn và thực hiện các phương pháp châm cứu hiện đại một cách linh hoạt hiệu quả trong điều trị bệnh.
MT3	Thái độ làm việc tự chủ và trách nhiệm: Thực hiện nội quy, quy chế của Học viện, bệnh viện thực hành.

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	(1)	(2)	(3)
MT1	3	3	3
MT2	3	3	3
MT3	3	3	3

1 – Mức đóng góp ít; 2 – Mức đóng góp vừa ; 3 – Mức đóng góp nhiều

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Sau khi học xong học phần, người học có thể:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO 2	Trình bày được khái niệm, tác dụng các phương pháp châm cứu khác
CLO 6 CLO 7 CLO 8	Vận dụng được kiến thức của học phần để có thể lựa chọn và thực hiện các phương pháp châm cứu hiện đại một cách linh hoạt hiệu quả trong điều trị bệnh.
CLO 15 CLO 16 CLO18	Thái độ làm việc tự chủ và trách nhiệm: Thực hiện nội quy, quy chế của Học viện, bệnh viện thực hành.

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

1 – Mức đóng góp ít; 2 – Mức đóng góp vừa ; 3 – Mức đóng góp nhiều

Bảng 5.1. Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)

PLO	1	2	3	4	5	6	7	8	9
CLO1	3		3			3			
CLO2	3		3			3			
CLO3	3		3			3			
....									

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết: Giáo trình, tài liệu tham khảo như mục 10.1 và 10.2

Máy chiếu, loa, mic, phấn, bảng ...

6.1.2. Lâm sàng: (đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo NĐ 111/2017/NĐ-CP)

6.1.3. Thực hành:(Tổ chức dạng SEMINAR)

Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
-----	---

1	Máy chiếu PROJECTER, LAPTOP
2	loa, mic...

6.2. Yêu cầu đối với sinh viên

- Học viên phải có giáo trình.

- Học viên phải tự đọc tối thiểu đầy đủ tài liệu học tập (tại mục 10), đảm bảo kết quả thi kết thúc học phần với kiến thức có trong giáo trình, trong tài liệu tham khảo và kiến thức cập nhật mới.

- Dự lớp học lý thuyết: Học viên có trách nhiệm tham gia đầy đủ các buổi học và các hoạt động học tập tại lớp; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

- Lâm sàng:

- Tuân thủ thời gian thực hành lâm sàng, trong thời gian đi lâm sàng tại các bệnh viện, tham gia khám, chẩn đoán, điều trị; thực hiện các thủ thuật, kỹ thuật thăm dò và điều trị dưới sự hướng dẫn của giảng viên tại bệnh viện.
- Tham gia trực tại khoa học lâm sàng theo lịch phân công
- Chấp hành đầy đủ các nội quy của Bệnh viện, Khoa, Phòng.
- Thực hiện đúng nội qui chế học lâm sàng, tham gia học lâm sàng và tham gia trực đầy đủ.

- Tự học: Chủ động tổ chức giờ tự học bao gồm: Ôn bài học trước, **tự đọc** giáo trình và tài liệu tham khảo có liên quan tới chuẩn bị cho bài học mới theo tên bài kèm nội dung ghi tại cột 2 trong các bảng ở mục 8 (bao gồm cả phần tự đọc không giảng trên lớp - nếu có), phân phối thời gian tự học ôn tập phục vụ cho các bài thảo luận/kiểm tra/thi hết thực hành/ thi kết thúc học phần (các hình thức ghi tại mục 9.3); Đảm bảo thời gian tự học theo quy định.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần:

- Lý thuyết: số tiết tham dự lý thuyết tối thiểu đạt 80 %.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Thực hiện đúng nội qui chế học lâm sàng, tham gia học lâm sàng và tham gia trực đầy đủ.

7. Mô tả chung học phần/ mô đun

Học phần này sẽ cung cấp cho học viên kiến thức về các phương pháp điều trị bệnh không dùng thuốc khác ngoài châm cứu.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (... tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/ KT/ Tự học)	CDR của bài học (chương)/ chủ đề	Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của Sinh viên	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1.	1. Măng chám	8/0/0	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được lịch sử ra đời, định nghĩa Măng chám. - Trình bày được kỹ thuật thực hiện Măng chám. - Trình bày được tác dụng của Măng chám, chỉ định, chống chỉ định. - Trình bày được cách phối hợp Măng chám với các phương 	CLO 2	Thuyết trình. Động não Giải quyết vấn đề	Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, suy nghĩ - trả lời	

2.	Cây chi	8/0/0	<p>pháp điều trị khác.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được kỹ thuật thực hiện Cây chi. - Trình bày được tác dụng của Cây chi, chỉ định, chống chỉ định. - Trình bày được cách phối hợp Cây chi với các phương pháp điều trị khác. 	CLO 2	Thuyết trình. Động não Giải quyết vấn đề	Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, suy nghĩ - trả lời	
3.	Điện châm	6/0/0	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được kỹ thuật thực hiện Điện châm. - Trình bày được tác dụng của Điện châm, chỉ định, chống chỉ định. 	CLO 2			

			<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được tác dụng của dòng điện khi phối hợp với kỹ thuật châm cứu, nguyên tác bổ tã. - Trình bày được cách phối hợp Điện châm với các phương pháp điều trị khác. 	CLO 2	<p>Thuyết trình. Động não Giải quyết vấn đề</p>	<p>Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, suy nghĩ - trả lời</p>	
4.	Thủy châm	6/0/0	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được kỹ thuật thực hiện Thủy châm. - Trình bày được tác dụng của Thủy châm, chỉ định, chống chỉ định. - Trình bày được các loại thuốc sử 				

5.	Nhĩ chàm	4/0/0	<p>dụng trong thủy chàm, phối hợp và tương tác thuốc với nhau</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được cách phối hợp Thủy chàm với các phương pháp điều trị khác. 	CLO 2	<p>Thuyết trình. Động não Giải quyết vấn đề</p>	<p>Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, suy nghĩ - trả lời</p>	
			<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được bản đồ huyết trên vùng tai trong kỹ thuật Nhĩ chàm. - Trình bày được kỹ thuật thực hiện Nhĩ chàm. - Trình bày được tác dụng của Nhĩ chàm, chỉ định, chống chỉ định. 				

			<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được cách phối hợp Nhĩ châm với các phương pháp điều trị khác. 	CLO 2	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được định nghĩa, cách làm Mai hoa châm - Trình bày được kỹ thuật thực hiện Mai hoa châm. - Trình bày được tác dụng của Mai hoa châm, chỉ định, chống chỉ định. - Trình bày được cách phối hợp Mai hoa châm với các phương 		6.	Mai hoa châm	4/0/0	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được định nghĩa, cách làm Mai hoa châm - Trình bày được kỹ thuật thực hiện Mai hoa châm. - Trình bày được tác dụng của Mai hoa châm, chỉ định, chống chỉ định. - Trình bày được cách phối hợp Mai hoa châm với các phương 	CLO 2	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được định nghĩa, cách làm Mai hoa châm - Trình bày được kỹ thuật thực hiện Mai hoa châm. - Trình bày được tác dụng của Mai hoa châm, chỉ định, chống chỉ định. - Trình bày được cách phối hợp Mai hoa châm với các phương 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được định nghĩa, cách làm Mai hoa châm - Trình bày được kỹ thuật thực hiện Mai hoa châm. - Trình bày được tác dụng của Mai hoa châm, chỉ định, chống chỉ định. - Trình bày được cách phối hợp Mai hoa châm với các phương 		
--	--	--	--	-------	--	--	----	--------------	-------	--	-------	--	--	--	--

					2/0/0	Laser châm	7.
pháp điều trị khác.	- Trình bày được nguyên lý hoạt động laser - Trình bày được tác dụng của laser lên cơ thể người, huyết vị, đường kính	CLO 2	Thuyết trình. Động não Giải quyết vấn đề	Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, suy nghĩ - trả lời			
khác.	- Trình bày được kỹ thuật thực hiện Laser châm.						
khác.	- Trình bày được tác dụng của Laser châm, chỉ định, chống chỉ định.						
khác.	- Trình bày được cách phối hợp Laser châm với các phương						

				<p>pháp điều trị khác.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được nguyên lý hoạt động từ trường - Trình bày được tác dụng của Từ trường lên cơ thể người, huyết vi, đường kính - Trình bày được kỹ thuật thực hiện Điện từ châm. - Trình bày được tác dụng của Điện từ châm, chỉ định, chống chỉ định. - Trình bày được cách phối hợp Điện từ châm với các phương 	CLO 2	<p>Thuyết trình. Động não Giải quyết vấn đề</p>	<p>Nghệ, ghi chép, đặt câu hỏi, suy nghĩ - trả lời</p>	
8.	Điện từ châm	2/0/0						

			pháp điều trị khác.	CLO 2	Thuyết trình. Động não Giải quyết vấn đề	Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, suy nghĩ - trả lời	
9.	Cứu, giác, chích lễ	5/0/0	<p>pháp điều trị khác.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được kỹ thuật thực hiện Cứu, Giác, Chích lễ - Trình bày được tác dụng của Cứu, Giác, Chích lễ; chỉ định, chống chỉ định. - Trình bày được cách phối hợp Cứu, Giác, Chích lễ với các phương pháp điều trị khác. 	CLO 2	Thuyết trình. Động não Giải quyết vấn đề	Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, suy nghĩ - trả lời	
10.	Kiểm tra học phần	0,5 tiết					KTHP

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (... tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)	Số tiết (TH/LS/ KT/ Tự học)	CDR của bài TH/LS (chương)	Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1	Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1.	Mãng chám	56/0/0/0	Thực hiện được chẩn đoán, điều trị Hen phế quản	CLO 6 CLO 7 CLO 8 CLO 15 CLO 18	(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo NE 111/2017/N Đ-CP)	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	1. Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm 2. Thuyết trình slide, phản biện 3. Thảo luận	Đánh giá cho điểm bài
2.	Cấy chi	56/0/0/0	Thực hiện được chẩn đoán, điều trị Viêm mũi dị ứng	CLO 6 CLO 7 CLO 8 CLO 15 CLO 18	(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo NE 111/2017/N Đ-CP)	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	1. Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm 2. Thuyết trình slide, phản biện 3. Thảo luận	Đánh giá cho điểm bài
3.	Điện chám	42/0/0/0	Thực hiện được chẩn đoán, điều trị Viêm loét dạ dày tá tràng	CLO 6 CLO 7 CLO 8 CLO 15 CLO 18	(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo NE)	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận	1. Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm 2. Thuyết trình	Đánh giá cho điểm bài

4.	Thủy châm			Thực hiện được chẩn đoán, điều trị Bệnh Táo bón	CLO 6 CLO 7 CLO 8 CLO 15 CLO 18	(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo ND 111/2017/N Đ-CP)	5. Mô phỏng 1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	slide, phần biện 3. Thảo luận 1. Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm 2. Thuyết trình slide, phần biện 3. Thảo luận	Đánh giá cho điểm bài
5.	Nhĩ châm		42/0/0/0	Thực hiện được chẩn đoán, điều trị Tăng huyết áp,	CLO 6 CLO 7 CLO 8 CLO 15 CLO 18	(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo ND 111/2017/N Đ-CP)	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	1. Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm 2. Thuyết trình slide, phần biện 3. Thảo luận	Đánh giá cho điểm bài
6.	Mai hoa châm		28/0/0/0	Thực hiện được chẩn đoán, điều trị Rối loạn thần kinh tim	CLO 6 CLO 7 CLO 8 CLO 15 CLO 18	(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo ND 111/2017/N Đ-CP)	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	1. Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm 2. Thuyết trình slide, phần biện 3. Thảo luận	Đánh giá cho điểm bài

7.	Laser châm	14/0/0/0	Thực hiện được chẩn đoán, điều trị Đái dầm	CLO 6 CLO 7 CLO 8 CLO 15 CLO 18	(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo ND 111/2017/N Đ-CP)	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	1. Tiến hành phân tích tình huống nhóm 2. Thuyết trình slide, phân biện 3. Thảo luận	Đánh giá cho điểm bài
8.	Điện từ châm	14/0/0/0	Thực hiện được chẩn đoán, điều trị Bí đái cơ năng	CLO 6 CLO 7 CLO 8 CLO 15 CLO 18	(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo ND 111/2017/N Đ-CP)	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	1. Tiến hành phân tích tình huống nhóm 2. Thuyết trình slide, phân biện 3. Thảo luận	Đánh giá cho điểm bài
9.	Cứu, giác, chỉch lẻ	35/0/0/0	Thực hiện được chẩn đoán, điều trị Tai biến mạch máu não	CLO 6 CLO 7 CLO 8 CLO 15 CLO 18	(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo ND 111/2017/N Đ-CP)	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Thảo luận 5. Mô phỏng	1. Tiến hành phân tích tình huống nhóm 2. Thuyết trình slide, phân biện 3. Thảo luận	Đánh giá cho điểm bài
Thi hết thực hành/lâm sàng: Học viên bốc bệnh án, hỏi thi trên người bệnh.								KTTH

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm với học phần có cả lý thuyết và thực hành

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Chuyên cần	Hình thức đánh giá: Xét điều kiện được thi						
Kiểm tra 1 tiết	10%	Làm bài kiểm tra tự luận				CLO2	
Điểm thi kết thúc học phần	90%	Lý thuyết: Điểm thi trắc nghiệm trên máy tính				CLO2	
Điểm thi kết thúc học phần	100%	Lâm sàng: Điểm thi: kết quả hỏi thi tại bệnh viện thực hành. Hình thức thi Lâm sàng: học viên bốc bệnh án, hỏi thi trên người bệnh				CLO 6 CLO 7 CLO 8 CLO 15 CLO 18	

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

Điểm thi được tính theo thang điểm 10.

9.5. Điểm học phần

Cách đánh giá: Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.1 Điểm lý thuyết:: Điểm lý thuyết = (điểm kiểm tra 1 tiết + điểm thi lý thuyết x 9) /10

9.2 Điểm thực hành/lâm sàng: Điểm thi lâm sàng

9.3 Điểm tổng kết học phần: Điểm tổng kết học phần = (Điểm tổng kết phần lý thuyết x 2 + điểm lâm sàng x 1)/3

- Điểm đánh giá kết thúc học phần đối với các môn lâm sàng: điểm lý thuyết và thực hành tính độc lập.

- Điểm lý thuyết và thực hành phải đạt 5 điểm trở lên theo thang điểm 10 (làm tròn đến 0,5).

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Bộ môn Châm cứu (2018), *Giáo trình Châm cứu (dành cho học viên sau đại học ngành Y học cổ truyền)*, Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt Nam.

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Bách khoa thư bệnh học, Trung tâm biên soạn Từ điển Bách khoa Viện nam 1991 và 1994

2. Đỗ Kiên Cường, Vũ Công Lập, Nguyễn Thị Tú Lan (1995), *Laser châm: cơ sở khoa học và khả năng ứng dụng*, WWW. Laserhcm.orgr/contents/lib/LSCCSKHNUD.pdf

3. Hoàng Phủ Mật, Lê Quý Ngưu và Lương Tú Vân dịch, *Châm cứu Giáp ất kinh*, Nhà xuất bản Thuận Hóa (2011)

4. Nguyễn Tài Thu –Trần Thuý ; cộng sự Nghiêm Hữu Thành, Nguyễn Bá Quang , *Châm cứu học sau đại học*, Nhà xuất bản Y học 1997.

5. Nguyễn Tử Siêu, *Hoàng đế nội kinh tố vấn*, Nhà xuất bản TP Hồ Chí Minh

6. Phan Quan Chí Hiếu, *Châm cứu học - Tập 1*, Nhà xuất bản Y học 2007

7. Vũ Nam (2011),. *Các học thuyết cơ bản trong y học cổ truyền*, NXB Y học.

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.
- ✓ Học viên thực hiện đầy đủ và trung thực các nhiệm vụ học tập, kiểm tra, đánh giá theo Đề cương chi tiết học phần và hướng dẫn của giảng viên giảng dạy học phần.

12. Cấp phê duyệt

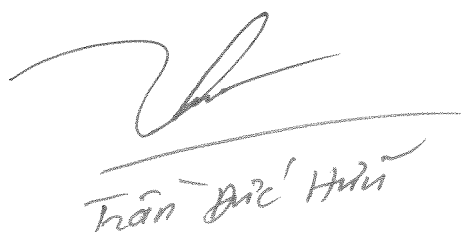
TRƯỞNG KHOA

(Ký, ghi rõ họ tên)

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

BỘ MÔN

(Ký, ghi rõ họ tên)


Trần Đức Hữu

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN DƯỢC CỔ TRUYỀN

Trình độ đào tạo: CKI, Ngành: YHCT, chuyên ngành Châm cứu.

Mã số đào tạo: CKI 9720202

1. Thông tin tổng quát về học phần

- Tên học phần:
- * Tiếng Việt: Dược cổ truyền
- * Tiếng Anh: Traditional pharmacy
- Mã học phần:
- Số tín chỉ: 4TC trong đó: LT 2; TH: 2 TC
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 60 tiết
 - + Lý thuyết: 30 tiết
 - + Thực hành: 30 tiết
 - + Bài tập:..... tiết
 - + Thảo luận, hoạt động nhóm:tiết
 - + Kiểm tra:.....tiết
 - + Thời gian tự học:tiết
- Đối tượng học (năm thứ): 1
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

15

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luyện tốt nghệ nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Điều kiện tham gia học phần:

+ Học phần tiên quyết:

+ Học phần học trước:

+ Học phần song hành:

- Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Dược cổ truyền

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	PGS.TS. Vũ Đức Lợi	0917879959	Ducloi82@gmail.com
2	ThS. Lê Thị Thu Hà	0986621299	lethuhadhn2906@gmail.com
3	ThS. Trần Thị Hồng Nhung	0979428801	nhungtrandkh@gmail.com
4	Các Giảng viên mời giảng theo nhu cầu của Bộ môn		

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu: MT)

MT kiến thức:

-Trình bày được các kiến thức cơ bản của dược học cổ truyền để phân tích và cho ví dụ về một số học thuyết chính: âm dương, ngũ hành, tạng tượng; nguyên nhân, phép tắc chữa bệnh của đông y và vận dụng được vào chế biến, sử dụng thuốc an toàn, hiệu quả, hợp lý.

-Trình bày được các kiến thức cơ bản để phân tích và cho ví dụ về: Định nghĩa, nguồn gốc, thu hái, bảo quản, tứ khí, ngũ vị, khuynh hướng tác dụng của thuốc, quy kinh, bổ tả, tương tác thuốc, phân loại thuốc, tác dụng chung của nhóm thuốc, cách dùng thuốc và nguyên tắc kiêng kỵ.

-Trình bày được tên khoa học, bộ phận dùng, tính vị quy kinh, công năng, chủ trị và kiêng kỵ, mục đích chế biến, các nguyên tắc của phương pháp hòa chế, thủy chế, thủy hòa hợp chế, ý nghĩa của các phụ liệu dùng để chế biến các vị thuốc.

MT Kỹ năng, năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm:

- Bào chế được một số vị thuốc, dạng thuốc YHCT thông dụng

- Xây dựng được danh mục thuốc YHCT, tuân thủ các nguyên tắc của các học thuyết YHCT và nguyên tắc sử dụng thuốc YHCT an toàn hiệu quả, hợp lý

- Có tinh thần cầu tiến, năng lực tự học, tự nghiên cứu để tiếp tục nâng cao trình độ chuyên môn về dược học cổ truyền.

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần (ký hiệu: CLO)

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần

Ký hiệu CDR	Nội dung CDR HP (CLO)
CLO1	Trình bày được các kiến thức cơ bản của dược học cổ truyền để phân tích và cho ví dụ về một số học thuyết chính: âm dương, ngũ hành, tạng tượng; nguyên nhân, phép tắc chữa bệnh của đông y và vận dụng được vào chế biến, sử dụng thuốc an toàn, hiệu quả, hợp lý.
CLO2	Trình bày được các kiến thức cơ bản để phân tích và cho ví dụ về: Định nghĩa, nguồn gốc, thu hái, bảo quản, tứ khí, ngũ vị, khuynh hướng tác dụng của thuốc, quy kinh, bổ tả, tương tác thuốc, phân loại thuốc, tác dụng chung của nhóm thuốc, cách dùng thuốc và nguyên tắc kiêng kỵ.
CLO3	Trình bày được tên khoa học, bộ phận dùng, tính vị quy kinh, công năng, chủ trị và kiêng kỵ, mục đích chế biến, các nguyên tắc của phương pháp hỏa chế, thủy chế, thủy hỏa hợp chế, ý nghĩa của các phụ liệu dùng để chế biến các vị thuốc.
CLO4	- Bảo chế được một số vị thuốc, dạng thuốc YHCT thông dụng
CLO5	- Xây dựng được danh mục thuốc YHCT, tuân thủ các nguyên tắc của các học thuyết YHCT và nguyên tắc sử dụng thuốc YHCT an toàn hiệu quả, hợp lý
CLO6	- Có tinh thần cầu tiến, năng lực tự học, tự nghiên cứu để tiếp tục nâng cao trình độ chuyên môn về dược học cổ truyền.

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

Mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ modun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO) được xác định cụ thể:

- 1 – CLO có đóng góp ít vào PLO
- 2 – CLO có đóng góp vừa vào PLO
- 3 – CLO có đóng góp nhiều vào PLO

Chú thích: 3, 2, 1 phụ thuộc vào mức hỗ trợ của CLO đối với PLO ở mức bắt đầu (1) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế, ... (2) hay mức thuần thục (3)

Bảng 5.1. Mối liên hệ của CDR HP (CLO) đến CDR của CTĐT (PLO)

PLO	6	7	9	11	13	15	23	Ghi chú
CLO 1	3	2						Không

CLO 2	3	2						đóng góp cho các PLO khác
CLO 3	3	2				2		
CLO 4		2		2	2	2		
CLO 5			1	2	2			
CLO 6							2	

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần:

6.1.1. Lý thuyết:

VD: Máy chiếu, loa, mic...

6.1.2. Thực hành:

Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Máy vi tính/laptop, máy chiếu, loa, mic, phần mềm giảng online
2	Bài 1: Chảo gang, bếp đun, dầm sàng, dao cầu.
3	Bài 2: Soxhlet, nồi cách thủy, dao, bếp điện, khay inox, chày cối, bản mỏng silicagel
4	Bài 3: Chảo gang, bản mỏng silicagen, cối chày, máy xay, dầm, sàng, dao cầu
5	Bài 4: Tủ sấy, dao cầu, khay inox sấy máy xay, bộ rây.

6.2. Yêu cầu đối với sinh viên

- Dự lớp: theo quy định chung của Học viện
- Bài tập:
- Tự học: có thời gian sinh viên tự học tập nghiên cứu tài liệu.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: theo quy định chung của Học viện

7. Mô tả chung học phần

Học phần Dược học cổ truyền dành cho đối tượng BSYHCT chuyên ngành châm cứu là học phần quan trọng trong chương trình đào tạo sau đại học, giữ vai trò then chốt trong việc cung cấp cho người học các nội dung về sự hình thành nền YHCTVN; một số học thuyết YHCT chính; các nguyên nhân gây bệnh và phương pháp chẩn đoán theo YHCT; bát cương, bát pháp; phép tắc trị bệnh và nội dung phương thuốc cổ truyền. Học phần cũng cung cấp cho người học các nội dung về định nghĩa thuốc YHCT, nguồn gốc, tính năng dược vật, cảm kỳ của thuốc YHCT và tính vị, tác dụng, chỉ định, chống

chỉ định và liều lượng các vị thuốc YHCT, các vị thuốc nam và các phương thuốc thường dùng trong cộng đồng; các phương pháp chế biến thuốc cổ truyền. Từ đó người học có thể nhận biết, phân loại được các nhóm thuốc và vị thuốc YHCT, có kỹ năng chế biến các vị thuốc, một số dạng thuốc YHCT và thực hiện tư vấn và hướng dẫn sử dụng các thuốc YHCT an toàn, hiệu quả, hợp lý.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (... tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/KT/ Tự học)	CĐR của bài học (chương)/ chủ đề	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	PP giảng dạy đạt CĐR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Tuần 1	I. Sơ lược về sự hình thành nền YHCTVN	0,5	CLO 1	6,7,15	Thuyết trình/trao đổi dựa trên vấn đề	hoạt động nhóm/động não/ học dựa trên vấn đề	Bài kiểm tra giữa kỳ
Tuần 1	II. Một số học thuyết YHCT	0,5	CLO 1	6,7,15	Thuyết trình/trao đổi dựa trên vấn đề	hoạt động nhóm/động não/ học dựa trên vấn đề	
Tuần 2	III. Nguyên nhân bệnh và phương pháp chẩn đoán theo YHCT	1	CLO 1	6,7,15	Thuyết trình/trao đổi dựa trên vấn đề	hoạt động nhóm/động não/ học dựa trên vấn đề	
Tuần 2	IV. Bát cương, bát pháp	1	CLO 2	6,7,15	Thuyết trình/trao	hoạt động nhóm/động	

					đổi dựa trên vấn đề	nã/ học dựa trên vấn đề	
Tuần 3	V. Phép tắc trị bệnh và nội dung phương thuốc cổ truyền	1	CLO 2	6,7,15	Thuyết trình/trao đổi dựa trên vấn đề	hoạt động nhóm/động nã/ học dựa trên vấn đề	
Tuần 4	VI. Đại cương về thuốc YHCT	3	CLO 2	6,7,15	Thuyết trình/trao đổi dựa trên vấn đề	hoạt động nhóm/động nã/ học dựa trên vấn đề	
Tuần 5-12	VII. Phân loại thuốc cổ truyền	19	CLO 3	6,7,15	Thuyết trình/trao đổi dựa trên vấn đề	hoạt động nhóm/động nã/ học dựa trên vấn đề	
Tuần 13-14	VIII. Chế biến thuốc theo phương pháp cổ truyền	4	CLO 3	6,7,15	Thuyết trình/trao đổi dựa trên vấn đề	hoạt động nhóm/động nã/ học dựa trên vấn đề	

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (.... tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)	Số tiết (TH/ KT/ Tự học)	CĐR của bài TH/LS (chương)	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3	PP giảng dạy đạt CĐR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
Tuần	Bài 1:	1	CLO	7,11,13	Mục 2	Trao	Thực	Đánh

2	sao thuốc		4,5,6	,15,23		đổi/hướng dẫn	hành/thảo luận nhóm/báo cáo	giá kết quả các bài thực hành
Tuần 3	Bài 2: chích gừng một số dược liệu	2	CLO 4,5,6	7,11,13	Mục 3	Trao đổi/hướng dẫn	Thực hành/thảo luận nhóm/báo cáo	
Tuần 4	Bài 3: chế hương phụ	2	CLO 4,5,6	,15,23	Mục 4	Trao đổi/hướng dẫn	Thực hành/thảo luận nhóm/báo cáo	
Tuần 5	Bài 4: thuốc bột (thuốc tán)	2	CLO 4,5,6	7,11,13	Mục 5	Trao đổi/hướng dẫn	Thực hành/thảo luận nhóm/báo cáo	

Ghi chú:

- (3) Số tiết (LT/TH/LS/KT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, lâm sàng, bài tập, thảo luận, kiểm tra của từng chương
- (6) PP giảng dạy đạt CDR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CDR
- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên số....).

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

9.2.1. Rubric đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng				Điểm
		Rất tốt	Tốt	Đạt yêu cầu	Không đạt	
		10 – 8.5	8.4 – 7.0	6.9 – 5.0	4.9 – 0.0	

Mức độ tham dự theo TKB	50	Tham dự >90% buổi học	Tham dự 80-90% buổi học	Tham dự 70-80% buổi học	Tham dự <70% buổi học	
Mức độ tham gia các hoạt động học tập	50	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Có đặt/trả lời > 2 câu hỏi	Có đặt/trả lời ít nhất 1 câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp	

9.2.2. Rubric đánh giá bài thực hành

Tiêu chí đánh giá	CĐR	Trọng số	Mô tả mức chất lượng				Điểm
			Giỏi 10 – 8.5	Khá 8.4 – 7.0	Trung bình 6.9 – 5.0	Yếu 4.9 – 0.0	
Chuyên cần	CLO 4	10%	Đến đúng giờ quy định	-----			Đến muộn trên 15 phút
Chuẩn bị lý thuyết	CLO 3	20%	Trả lời đầy đủ, đúng các câu hỏi	Trả lời đầy đủ, đúng trên 70% số câu hỏi	Trả lời đầy đủ, đúng trên 50% số câu hỏi	Trả lời không đầy đủ hoặc đúng dưới 50% số câu hỏi	
Thao tác thí nghiệm và xử lý số liệu	CLO 4	50%	Thực hiện đúng quy trình thí nghiệm và xử lý số liệu tốt	Thực hiện đúng quy trình thí nghiệm và xử lý số liệu khá	Thực hiện đúng quy trình thí nghiệm nhưng xử lý số liệu chưa đúng	Thực hiện không đúng quy trình thí nghiệm, xử lý số liệu sai	
Kết quả TN và trả lời câu hỏi	CLO 4, 5	20%	Kết quả TN đúng và trả lời đúng các câu hỏi	Kết quả TN đúng và trả lời đúng trên 70% số câu hỏi	Kết quả TN đúng và trả lời đúng trên 50% số câu hỏi	Kết quả TN sai hoặc trả lời đúng dưới 50% số câu hỏi	
ĐIỂM TỔNG							

9.2.3. Rubric đánh giá tiểu luận

Tiêu chí đánh giá	CĐR	Trọng số	Mô tả mức chất lượng				Điểm
			Giỏi 10 – 8.5	Khá 8.4 – 7.0	Trung bình 6.9 – 5.0	Yếu 4.9 – 0.0	
Hình thức	CLO 4,5	10%	Không có lỗi chính tả; hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ rõ ràng, đúng quy định	-----			Nhiều lỗi chính tả; hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ không đúng quy định
Bố cục	CLO 4,5	10%	Đầy đủ các phần và độ dài theo quy định, lô-gic	-----			Không theo quy định, không lô-gic
Tài liệu tham khảo	CLO 4	10%	Phong phú, được sắp xếp đúng quy định, trích dẫn đúng thể thức	-----			Rất ít TLTK, sắp xếp không đúng quy định, trích dẫn không đúng thể thức
Nội dung chính 1:	CLO 3	30%	Đáp ứng 80%-100% yêu cầu	Đáp ứng 70%-80% yêu cầu	Đáp ứng 50%-70% yêu cầu	Đáp ứng dưới 50% yêu cầu	
Nội dung chính 2:	CLO 3	20%					
Nội dung chính 3:	CLO 3	20%					

ĐIỂM TỔNG	
------------------	--

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	CDR của học phần/mô đun (CLO)	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Lý thuyết		Điểm chuyên cần				CLO ...	
		Điểm thảo luận nhóm, bài tập lớn,					
		Điểm thi trắc nghiệm trên máy tính/ Tự luận/ Báo cáo tiểu luận...					
Thực hành/ Lâm sàng		Điểm chuyên cần					
		Điểm bài thực hành/ lâm sàng					
		Điểm thi thực hành, lâm sàng					

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

Tên Chủ đề (nội dung, chương...)	Cấp độ	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng		Tổng
				Cấp độ thấp	Cấp độ cao	
		TNKQ	TNKQ	TNKQ	TNKQ	
Chủ đề 1: (I. Sơ lược về sự hình thành nền YHCTVN) Y lý YHCT		Chuẩn KT, KN cần kiểm tra (Ch)				
<i>Số câu</i>		<i>Số câu: 20</i>	<i>Số câu 28</i>	<i>Số câu: 27</i>	<i>Số câu</i>	<i>Số câu: 75</i>
<i>Số điểm Tỷ lệ %</i>		<i>Số điểm:</i>	<i>Số điểm</i>	<i>Số điểm</i>	<i>Số điểm</i>	<i>...</i>

					điểm=.16,66%
Chủ đề 2: II. Một số học thuyết YHCT Đại cương TYHCT					
<i>Số câu</i> <i>Số điểm Tỉ lệ %</i>	<i>Số câu: 41</i> <i>Số điểm</i>	<i>Số câu: 108</i> <i>Số điểm</i>	<i>Số câu: 40</i> <i>Số điểm</i>	<i>Số câu</i> <i>Số điểm</i>	<i>Số câu: 189</i> ... <i>điểm=.36,67..%</i>
Chủ đề 3: III. Nguyên nhân bệnh và phương pháp chẩn đoán theo YHCT Phân loại TYHCT					
<i>Số câu</i> <i>Số điểm Tỉ lệ %</i>	<i>Số câu: 51</i> <i>Số điểm</i>	<i>Số câu 107</i> <i>Số điểm</i>	<i>Số câu: 43</i> <i>Số điểm</i>	<i>Số câu</i> <i>Số điểm</i>	<i>Số câu: 201</i> ... <i>điểm=.36,67%</i>
Chủ đề 4: Chế biến TYHCT					
<i>Số câu</i> <i>Số điểm Tỉ lệ %</i>	<i>Số câu: 16</i> <i>Số điểm</i>	<i>Số câu: 24</i> <i>Số điểm</i>	<i>Số câu: 11</i> <i>Số điểm</i>	<i>Số câu</i> <i>Số điểm</i>	<i>Số câu: 51</i> ... <i>điểm=.10,0%</i>
Tổng số câu Tổng số điểm <i>Tỉ lệ %</i>	Số câu: 161 Số điểm 15 %	Số câu: 235 Số điểm 70 %	Số câu: 120 Số điểm 15 %	Số câu: 516 Số điểm	

9.5. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm lý thuyết* và *Điểm thực hành* theo bảng 9.3.1

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Bộ Y tế (2014) Một số chuyên đề về chế biến thuốc YHCT, NXB Y học
2. Bộ Y tế (2014), *Dược học cổ truyền* – Sách đào tạo Dược sỹ đại học, NXB Y học, Hà Nội
3. Bộ môn Dược học cổ truyền – Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam – *Thực hành Dược cổ truyền* – Tài liệu lưu hành nội bộ.
4. Vũ Đức Lợi (2017), *Thực hành thực vật, dược liệu, dược cổ truyền*, NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Đỗ Tất Lợi (2005), *Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam*, NXB Y học
2. Nguyễn Trung Hòa (2009), *Đông y toàn tập*, NXB Thuận Hóa
3. Phan Văn Chiêu (2009), *Đông Nam Dược Nghiệm phương*, NXB Thuận Hóa
4. Phạm Xuân Sinh (2010), *Một số chuyên đề thuốc cổ truyền*, NXB Y học
5. Viện Y học cổ truyền Việt Nam (1993), *Phương pháp bào chế và sử dụng đông dược*, NXB Y học, Hà Nội

6. Viện trung y Bắc Kinh (1998), *Phương tế học giảng nghĩa*, NXB Y học (TS. Dương Trọng Hiếu dịch)

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

12. Cấp phê duyệt

Hà Nội, ngày tháng ... năm 20...

PHỤ TRÁCH KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN



PGS.TS. Vũ Đức Lợi

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN:
MÔN: PHƯƠNG TẾ HỌC LÂM SÀNG

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun: phương tế học lâm sàng

* Tiếng Việt: phương tế học lâm sàng

* Tiếng Anh: Prescription science in Traditional Medicine clinical

- Mã học phần/ mô đun: 112316

- Số tín chỉ: 02 LT/ 01LS

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 75 tiết

+ Lý thuyết: 30 tiết

+ Lâm sàng: 45 tiết

+ Kiểm tra, đánh giá: tiết

+ Thời gian tự học: tiết

- Đối tượng học (năm thứ): Chuyên khoa I ngành Châm cứu năm thứ 2

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Điều kiện tham gia học phần:

+ Học phần tiên quyết: Y lý YHCT, bệnh học YHCT, đông dược

+ Học phần học trước: Y lý YHCT, bệnh học YHCT, đông dược

+ Học phần song hành: Không

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: bộ môn Phương tế

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	PGS.TS Trần Thị Thu Vân	0989255272	Thuvan1972@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT1	+ Trình bày được đặc điểm phối ngũ chung của mỗi phương thuốc

	+ Phân tích được cơ chế bệnh sinh của mỗi Phương thuốc theo YHCT + Giải thích được ý nghĩa phối ngũ của mỗi phương thuốc + So sánh được phương thuốc cùng nhóm
MT2	Vận dụng được phương thuốc đó trên lâm sàng
MT3	Nhận thức được vai trò, trách nhiệm khi kê phương thuốc điều trị trên bệnh nhân trên lâm sàng, hướng tới mục tiêu sử dụng thuốc an toàn, hợp lý và hiệu quả.

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	(1)	(2)	(3)	(4)
MT1	3	1	2	2
MT2	3	1	2	2
MT3	2	1	3	3

1 – Mức đóng góp ít; 2 – Mức đóng góp vừa ; 3 – Mức đóng góp nhiều

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Sau khi học xong học phần, người học có thể:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Thực hiện thành thạo chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh tật một số bệnh thường gặp trên lâm sàng bằng phương pháp dùng thuốc YHCT kết hợp phương pháp châm cứu
CLO2	Có khả năng phân tích, xử lý những vấn đề phát sinh trong điều trị bệnh bằng YHCT
CLO3	Làm việc nhóm và giao tiếp hiệu quả với đồng nghiệp, người bệnh và xã hội, chịu trách nhiệm cá nhân trong công tác khám chữa bệnh và nghiên cứu khoa học
CLO4	Có trách nhiệm tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn về các bài thuốc YHCT trong quá trình điều trị bệnh

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

1 – Thấp; 2 – Trung bình ; 3 – Cao

Bảng 5.1. Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)

PLO	1	2	3	4	5	6	7	8	9
CLO1	2	2	3	1	2	3	3	3	3
CLO2	2	2	3	1	2	3	3	3	3
CLO3	2	2	3	3	2	3	3	3	3
CLO4	2	2	3	3	2	3	3	3	3

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết: Giáo trình, tài liệu tham khảo như mục 10.1 và 10.2

Máy chiếu, loa, mic, bảng, phấn...

6.1.2. Lâm sàng: đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo NĐ 111/2017/NĐ-CP

6.1.3. Thực hành:

Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Máy chiếu PROJECTER, LAPTOP
2	loa, mic...
3	Phấn, bảng

6.2. Yêu cầu đối với học viên

- Học viên phải có giáo trình.

- Học viên phải tự đọc tối thiểu đầy đủ tài liệu học tập (tại mục 10), đảm bảo kết quả thi kết thúc học phần với kiến thức có trong giáo trình, trong tài liệu tham khảo và kiến thức cập nhật mới.

- Dự lớp học lý thuyết: Học viên có trách nhiệm tham gia đầy đủ các buổi học và các hoạt động học tập tại lớp; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

- Thực hành/thảo luận: Thực hiện đầy đủ các bài thực hành/thảo luận phân theo cá nhân, theo nhóm. Đọc trước nội dung liên quan đến phần thực hành/thảo luận và viết báo cáo tóm tắt qui trình thực hành trước các buổi học.

- Tự học: Chủ động tổ chức giờ tự học bao gồm: Ôn bài học trước, **tự đọc** giáo trình và tài liệu tham khảo có liên quan tới chuẩn bị cho bài học mới theo tên bài kèm nội dung ghi tại cột 2 trong các bảng ở mục 8 (bao gồm cả phần tự đọc không giảng trên lớp - nếu có), phân phối thời gian tự học ôn tập phục vụ cho các bài thảo luận/kiểm tra/thi hết thực hành/ thi kết thúc học phần (các hình thức ghi tại mục 9.3); Đảm bảo thời gian tự học theo quy định.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự lý thuyết tối thiểu đạt 80 %. Hoàn thành 100% số bài kiểm tra và bài thực hành (nếu có)

7. Mô tả chung học phần/ mô đun

Phương tiện học lâm sàng là môn học về cách cấu tạo, hình thành bài thuốc bằng cách phối hợp các vị thuốc với các tính vị khác nhau dựa theo nguyên tắc của YHCT kết hợp với thăm khám lâm sàng để đưa ra phương thuốc phù hợp điều trị bệnh, tăng cường sức khỏe.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (... tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/ KT/ Tự học)	CDR của bài học (chương)/ chủ đề	Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của Sinh viên	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Tuần 1 (8 tiết)	<p>CHƯƠNG 1 Nguyên tắc trị liệu YHCT Phương thuốc giải biểu Phương thuốc thanh nhiệt</p>	08/0/0	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được nguyên tắc trị liệu của YHCT - Trình bày được đặc điểm phối ngũ chung của mỗi phương thuốc - Phân tích được cơ chế bệnh sinh của mỗi phương thuốc theo YHCT - Giải thích 	CLO1 CLO2 CLO4	<ol style="list-style-type: none"> 1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép 	

			<p>được ý nghĩa phối ngữ của mỗi phương thuốc</p> <p>- So sánh được phương thuốc cùng nhóm</p> <p>- Vận dụng được phương thuốc đó trên lâm sàng</p>	<p>CLO1 CLO2 CLO4</p>	<p>1. Thuyết trình</p> <p>2. Động não</p> <p>3. Giải quyết vấn đề</p>	<p>1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi,</p> <p>2. suy nghĩ - trả lời</p> <p>3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép</p>	
<p>Tuần 2 (8 tiết)</p>	<p>CHƯƠNG 2</p> <p>Phương thuốc hoà giải</p> <p>Phương thuốc ôn lý</p> <p>Phương thuốc trừ phong</p> <p>Phương thuốc trừ thấp</p> <p>Phương thuốc trừ phong thấp</p>	<p>08/0/0</p>	<p>- Phân tích được cơ chế bệnh sinh của mỗi phương thuốc theo YHCT</p> <p>- Giải thích được ý nghĩa phối ngữ của mỗi phương thuốc</p> <p>- So sánh được</p>				

Tuần 3 (8 tiết)			<p>phương thuốc cùng nhóm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng được phương thuốc đó trên lâm sàng 	CLO1 CLO2 CLO4	<ol style="list-style-type: none"> 1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép 	
	<p>CHƯƠNG 3 Phương thuốc an thần Phương thuốc cố sáp Phương thuốc lý khí Phương thuốc lý huyết Phương thuốc trừ đàm</p>	08/0/0	<p>- Phân tích được cơ chế bệnh sinh của mỗi phương thuốc theo YHCT</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải thích được ý nghĩa phối ngũ của mỗi phương thuốc - So sánh được phương thuốc cùng nhóm - Vận dụng được phương thuốc đó trên lâm sàng 				

Tuần 4 (6 tiết)	CHƯƠNG 4 Phương thuốc bổ	06/0/0	<ul style="list-style-type: none"> - Phân tích được cơ chế bệnh sinh của mỗi phương thuốc theo YHCT - Giải thích được ý nghĩa phối ngũ của mỗi phương thuốc - So sánh được phương thuốc cùng nhóm - Vận dụng được phương thuốc đó trên lâm sàng 	CLO1 CLO2 CLO4	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép	
--------------------	------------------------------------	--------	---	----------------------	--	---	--

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (... tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)	Số tiết (LS/ KT/ Tự học)	CDR của bài TH/LS (chương)	Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1	Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
Buổi 1 (6 tiết)	Bệnh bệnh án điều trị chứng thất miên	6/0/0	<ol style="list-style-type: none"> Phân tích, xử lý những vấn đề phát sinh trong điều trị bệnh bằng YHCT Tự định hướng, đưa ra kết luận về chẩn đoán bệnh và kê đơn thuốc YHCT Làm việc nhóm và giao tiếp hiệu quả với đồng nghiệp, người bệnh và xã hội 	CLO2 CLO3 CLO4	Máy tính Projector Phấn Bảng	<ol style="list-style-type: none"> Thuyết trình ngắn kèm đặt câu hỏi và kiểm tra nội dung thông tin lý thuyết đã học Động não Giải quyết vấn đề Thảo luận Vấn đáp 	<ol style="list-style-type: none"> Nghe, Trả lời, Ghi chép Suy nghĩ – trả lời Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm Thuyết trình slide, phân biện Viết báo cáo 	
Buổi 2 (6 tiết)	Thảo luận lâm sàng điều trị chứng tỷ	6/0/0	<ol style="list-style-type: none"> Phân tích, xử lý những vấn đề phát sinh trong điều trị bệnh bằng YHCT Tự định hướng, đưa ra kết luận về chẩn đoán bệnh và kê đơn thuốc YHCT Làm việc nhóm và 	CLO2 CLO3 CLO4	Máy tính Projector Phấn Bảng	<ol style="list-style-type: none"> Thuyết trình ngắn kèm đặt câu hỏi và kiểm tra nội dung thông tin lý thuyết đã học Động não Giải quyết vấn đề 	<ol style="list-style-type: none"> Nghe, Trả lời, Ghi chép Suy nghĩ – trả lời Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm 	

<p>Buổi 3 (6 tiết)</p>	<p>Bình bệnh án điều trị chứng huyễn vựng</p>	<p>6/0/0</p>	<p>giao tiếp hiệu quả với đồng nghiệp, người bệnh và xã hội</p> <p>1. Phân tích, xử lý những vấn đề phát sinh trong điều trị bệnh bằng YHCT</p> <p>2. Tự định hướng, đưa ra kết luận về chẩn đoán bệnh và kê đơn thuốc YHCT</p> <p>3. Làm việc nhóm và giao tiếp hiệu quả với đồng nghiệp, người bệnh và xã hội</p>	<p>CLO2 CLO3 CLO4</p>	<p>Máy tính Projecter Phấn Bảng</p>	<p>3. Thảo luận 4. Vấn đáp</p> <p>1. Thuyết trình ngắn kèm đặt câu hỏi và kiểm tra nội dung thông tin lý thuyết đã học</p> <p>2. Động não</p> <p>3 Giải quyết vấn đề</p> <p>3. Thảo luận</p> <p>4. Vấn đáp</p>	<p>5. Thuyết trình slide, phản biện</p> <p>6. Viết báo cáo</p>
<p>Buổi 4 (6 tiết)</p>	<p>Thảo luận lâm sàng điều trị Trúng phong</p>	<p>6/0/0</p>	<p>1. Phân tích, xử lý những vấn đề phát sinh trong điều trị bệnh bằng YHCT</p> <p>2. Tự định hướng, đưa ra kết luận về chẩn đoán bệnh và kê đơn thuốc YHCT</p> <p>3. Làm việc nhóm và giao tiếp hiệu quả với đồng nghiệp, người bệnh và xã hội</p>	<p>CLO2 CLO3 CLO4</p>	<p>Máy tính Projecter Phấn Bảng</p>	<p>3. Thảo luận 4. Vấn đáp</p> <p>1. Thuyết trình ngắn kèm đặt câu hỏi và kiểm tra nội dung thông tin lý thuyết đã học</p> <p>2. Động não</p> <p>3 Giải quyết vấn đề</p> <p>3. Thảo luận</p> <p>4. Vấn đáp</p>	<p>5. Thuyết trình slide, phản biện</p> <p>6. Viết báo cáo</p>

<p>Buổi 5 (6 tiết)</p>	<p>Thảo luận lâm sàng điều trị chứng đàm thấp</p>	<p>6/0/0</p>	<p>1. Phân tích, xử lý những vấn đề phát sinh trong điều trị bệnh bằng YHCT 2. Tự định hướng, đưa ra kết luận về chẩn đoán bệnh và kê đơn thuốc YHCT 3. Làm việc nhóm và giao tiếp hiệu quả với đồng nghiệp, người bệnh và xã hội</p>	<p>CLO2 CLO3 CLO4</p>	<p>Máy tính Projector Phấn Bảng</p>	<p>1. Thuyết trình ngắn kèm đặt câu hỏi và kiểm tra nội dung thông tin lý thuyết đã học 2. Động não 3 Giải quyết vấn đề 3. Thảo luận 4. Vấn đáp</p>	<p>1. Nghe, Trả lời, Ghi chép 2. Suy nghĩ – trả lời 3. Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm 5. Thuyết trình slide, phân biện 6. Viết báo cáo</p>	
<p>Buổi 6 (5 tiết)</p>	<p>Bình bệnh án điều trị chứng tiết tả</p>	<p>5/0/0</p>	<p>1. Phân tích, xử lý những vấn đề phát sinh trong điều trị bệnh bằng YHCT 2. Tự định hướng, đưa ra kết luận về chẩn đoán bệnh và kê đơn thuốc YHCT 3. Làm việc nhóm và giao tiếp hiệu quả với đồng nghiệp, người bệnh và xã hội</p>	<p>CLO2 CLO3 CLO4</p>	<p>Máy tính Projector Phấn Bảng</p>	<p>1. Thuyết trình ngắn kèm đặt câu hỏi và kiểm tra nội dung thông tin lý thuyết đã học 2. Động não 3 Giải quyết vấn đề 3. Thảo luận 4. Vấn đáp</p>	<p>1. Nghe, Trả lời, Ghi chép 2. Suy nghĩ – trả lời 3. Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm 5. Thuyết trình slide, phân biện 6. Viết báo cáo</p>	
<p>Buổi 7 (4 tiết)</p>	<p>Bình bệnh án điều trị chứng tiêu khát</p>	<p>4/0/0</p>	<p>1. Phân tích, xử lý những vấn đề phát sinh trong điều trị bệnh bằng YHCT</p>	<p>CLO2 CLO3 CLO4</p>	<p>Máy tính Projector Phấn</p>	<p>1. Thuyết trình ngắn kèm đặt câu hỏi và kiểm tra nội dung</p>	<p>1. Nghe, Trả lời, Ghi chép 2. Suy nghĩ – trả lời</p>	

			<p>2. Tự định hướng, đưa ra kết luận về chẩn đoán bệnh và kê đơn thuốc YHCT</p> <p>3. Làm việc nhóm và giao tiếp hiệu quả với đồng nghiệp, người bệnh và xã hội</p>		<p>Bảng</p>	<p>thông tin lý thuyết đã học</p> <p>2. Động não</p> <p>3 Giải quyết vấn đề</p> <p>3. Thảo luận</p> <p>4. Vấn đáp</p>	<p>3. Tiến hành phân tích tình huống nhóm</p> <p>5. Thuyết trình slide, phân biện</p> <p>6. Viết báo cáo</p>	<p>Điểm lâm sàng</p>
<p>Thi lâm sàng: Hỏi thi vấn đáp</p>		<p>6,0 tiết</p>						

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm với học phần có cả lý thuyết và thực hành

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm thi lâm sàng	33,3%	Hỏi thi vấn đáp 1 lần cuối đợt	01 bài	33,3%/bài	Không	CLO2 CLO3 CLO4	Theo KH đi lâm sàng
Điểm thi lý thuyết	66,7%	Làm bài tiểu luận	01 Bài	66,7%	Không	CLO1 CLO2	Theo KH của Bộ môn

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

9.5. Điểm học phần

Cách đánh giá: Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.1 Điểm lý thuyết: chấm theo thang điểm 10

9.2 Điểm lâm sàng:

- Học viên làm bệnh án

- Giảng viên hỏi thi vấn đáp: 2 giảng viên hỏi thi 01 học viên (trong đó có 01 giảng viên chính là Tiến sĩ trở lên)

- Chấm theo thang điểm 10 (điểm bệnh án 4 điểm, điểm vấn đáp 6 điểm)

9.3 Điểm tổng kết học phần:

- Điểm đánh giá kết thúc học phần các môn có cả lý thuyết và lâm sàng = (Điểm tổng kết phần lâm sàng X 1.0 + Điểm tổng kết phần lý thuyết X 2.0)/3

- Điểm lý thuyết và thực hành phải đạt 5 điểm trở lên theo thang điểm 10 (làm tròn đến 0,5).

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

Giáo trình Phương tế dành cho đối tượng sau đại học - Bộ môn Phương tế thuộc Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam biên soạn.

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. 邓中甲 (2021), 方剂学. 新世纪 – 全国高等中医院校规划教材, 供 中 医 药 类 专 业 用。中国中医药出版社。

Đặng Trung Giáp (2021). Phương tễ học. Giáo trình dành cho các trường đại học Trung y được trong toàn quốc- Thế kỷ mới. Hải thượng Y tông tâm lĩnh – NXB Y Học 2008

2. - 彭怀仁 (2015), 中医方剂大辞典, 人民卫生出版社。

Bành Hoài Nhân (1994). Trung y phương tễ đại từ điển. Nhà xuất bản Vệ sinh nhân dân Trung Quốc, xuất bản lần thứ 2

3. Viện Y học trung y Bắc Kinh (1994), *Phương tễ giảng nghĩa*, NXB Y học.

4. Trần Văn Bản (2013), *Phương tễ học*, Nhà xuất bản Y học.

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.
- ✓ Sinh viên thực hiện đầy đủ và trung thực các nhiệm vụ học tập, kiểm tra, đánh giá theo Đề cương chi tiết học phần và hướng dẫn của giảng viên giảng dạy học phần.

12. Cấp phê duyệt

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

Hà Nội, ngày tháng năm 2023
BỘ MÔN
(Ký, ghi rõ họ tên)



PGS.TS Trần Thị Thu Vân

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN:
MÔN: Châm cứu điều trị bệnh lý chuyên ngành Ngoại

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:
- * Tiếng Việt: Châm cứu điều trị bệnh lý chuyên ngành Ngoại
- * Tiếng Anh:
- Mã học phần/ mô đun:
- Số tín chỉ: 02 LT/03 TH/LS
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 120 tiết
 - + Lý thuyết: 30 tiết
 - + Thực hành/ Lâm sàng/Seminar: 90 tiết
 - + Kiểm tra, đánh giá: tiết
 - + Thời gian tự học: tiết
- Đối tượng học (năm thứ): Chuyên khoa I ngành Châm cứu
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>	

- Điều kiện tham gia học phần:

- + Học phần tiên quyết:
- + Học phần học trước:
- + Học phần song hành: Không

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Ngoại

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	PGS.TS. Đoàn Minh Thụy	0912933156	doanminhthuyvn@yahoo.com
2	PGS. TS. Lê Mạnh Cường	0912234722	drcuong68@gmail.com
3	PGS. TS. Lê Lương Đồng	091 3506029	leluongdongyh@gmail.com

4	Ts. Dương Minh Sơn	0913553209	tuongson.dng@gmail.com
5	Giảng viên thỉnh giảng/Giảng viên mới		

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT1	Giải thích cơ chế bệnh nguyên, bệnh sinh và triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, vận dụng một cách thành thạo để chẩn đoán được các bệnh lý ngoại khoa theo YHHĐ.
MT2	Phân tích được các chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán và phương pháp điều trị các bệnh lý ngoại khoa theo YHHĐ.
MT3	Phân tích được nguyên nhân, biện chứng luận trị, chẩn đoán và pháp phương điều trị các bệnh lý ngoại khoa bằng YHCT
MT4	Tổng hợp đánh giá đưa ra pháp phương điều trị các bệnh lý ngoại khoa theo YHCT và thực hiện thành thạo các phương pháp điều trị bệnh lý ngoại khoa kết hợp YHCT với YHHĐ một cách khoa học.

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6	CĐR7	CĐR8
MT1	2	1	1	2	3	3	1	1
MT2	2	2	1	2	3	3	1	1
MT3	2	2	1	2	3	3	1	1
MT4	2	2	2	2	3	3	2	2

1 – Mức đóng góp ít; 2 – Mức đóng góp vừa ; 3 – Mức đóng góp nhiều

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Sau khi học xong học phần, người học có thể:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Giải thích cơ chế bệnh nguyên, bệnh sinh và triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, vận dụng một cách thành thạo để chẩn đoán được các bệnh lý ngoại khoa theo YHHĐ.
CLO2	Phân tích được các chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán và phương pháp điều trị các bệnh lý ngoại khoa theo YHHĐ.
CLO3	Phân tích được nguyên nhân, biện chứng luận trị, chẩn đoán và pháp phương điều trị các bệnh lý ngoại khoa bằng YHCT
CLO4	Tổng hợp đánh giá đưa ra pháp phương điều trị các bệnh lý ngoại khoa theo YHCT và thực hiện thành thạo các phương pháp điều trị bệnh lý ngoại khoa kết hợp YHCT với YHHĐ một cách khoa học
CLO5	Có tinh thần tự chủ và chịu trách nhiệm trước tổ/nhóm/lớp trong chuẩn bị bài học

	chung, hợp tác trong học tập mang tính kỹ thuật cao
CLO6	Thể hiện được sự cẩn trọng, tỉ mỉ, tính chuyên nghiệp đối với các chứng cứ y học khi đưa ra chẩn đoán, điều trị các bệnh lý ngoại khoa theo YHCT và YHHĐ

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

1 – Thấp; 2 – Trung bình ; 3 – Cao

Bảng 5.1.Mối liên hệ của CDR HP (CLO) đến CDR của CTĐT (PLO)

PLO	1	2	3	4	5	6	7	8
CLO1	2	1	1	2	3	3	1	1
CLO2	2	2	1	2	3	3	1	1
CLO3	2	2	1	2	3	3	1	1
CLO4	2	2	2	2	3	3	2	2
CLO5	1	1	1	3	1	1	3	3
CLO6	1	2	1	3	3	3	1	1

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết: Giáo trình, tài liệu tham khảo như mục 10.1 và 10.2

Máy chiếu, loa, mic, bảng, phấn...

6.1.2. Lâm sàng: Thực tập lâm sàng tại các bệnh viện thuộc khu vực Hà Nội: Bệnh viện YHCT Trung Ương, Bệnh viện YHCT Bộ Công An, Bệnh viện Tuệ Tĩnh, Bệnh viện YHCT Quân Đội, Bệnh viện châm cứu Trung Ương, Bệnh viện đa khoa YHCT Hà Nội, Bệnh viện YHCT Hà Đông, Bệnh viện E, Bệnh viện 198, Bệnh viện Bạch Mai, Bệnh viện Việt Đức (đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo NĐ 111/2017/NĐ-CP).

6.1.3. Thực hành:(Tổ chức dạng SEMINAR)

Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Máy chiếu PROJECTER, LAPTOP
2	loa, mic...
3

6.2. Yêu cầu đối với học viên

- Học viên phải có giáo trình.

- Học viên phải tự đọc tối thiểu đầy đủ tài liệu học tập (tại mục 10), đảm bảo kết quả thi kết thúc học phần với kiến thức có trong giáo trình, trong tài liệu tham khảo và kiến thức cập nhật mới.

- Dự lớp học lý thuyết: Học viên có trách nhiệm tham gia đầy đủ các buổi học và các hoạt động học tập tại lớp; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

- Thực hành/thảo luận: Thực hiện đầy đủ các bài thực hành/thảo luận phân theo cá nhân, theo nhóm. Đọc trước nội dung liên quan đến phần thực hành/thảo luận và viết báo cáo tóm tắt qui trình thực hành trước các buổi học.

- Tự học: Chủ động tổ chức giờ tự học bao gồm: Ôn bài học trước, **tự đọc** giáo trình và tài liệu tham khảo có liên quan tới chuẩn bị cho bài học mới theo tên bài kèm nội dung ghi tại cột 2 trong các bảng ở mục 8 (bao gồm cả phần tự đọc không giảng trên lớp - nếu có), phân phối thời gian tự học ôn tập phục vụ cho các bài thảo luận/kiểm tra/thi hết thực hành/ thi kết thúc học phần (các hình thức ghi tại mục 9.3); Đảm bảo thời gian tự học theo quy định.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự lý thuyết tối thiểu đạt 80 %. Hoàn thành 100% số bài kiểm tra và bài thực hành.

7. Mô tả chung học phần/ mô đun

Giúp học viên có kiến thức tổng hợp, phân tích và vận dụng các kiến thức của YHCT trong việc học tập và nghiên cứu về bệnh nguyên, bệnh sinh, triệu chứng, biện chứng luận trị đưa ra chẩn đoán và pháp phương điều trị các mặt bệnh ngoại khoa theo YHCT, kết hợp YHCT và YHHĐ một cách khoa học. Đồng thời giúp sinh viên ứng dụng một số kỹ thuật hiện đại trong thăm khám, chẩn đoán, đưa ra pháp phương điều trị, dự phòng các bệnh lý ngoại khoa theo YHCT và YHHĐ.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (... tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/ KT/ Tự học)	CDR của bài học (chương)/ chủ đề	Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của Sinh viên	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Buổi 1 (4 tiết)	<p>Chương 1. Bệnh lý mạch máu</p> <p>Bệnh động mạch ngoại vi mãn tính</p> <p>A. Y học hiện đại</p> <ol style="list-style-type: none"> Giải phẫu thành mạch, cơ chế hình thành mảng xơ vữa, cục máu đông, vôi hóa thành mạch, giải phẫu bệnh động mạch chi dưới. Các yếu tố nguy cơ bệnh động mạch ngoại vi. Sinh bệnh học, tiên lượng bệnh động mạch ngoại vi. Lâm sàng, cận lâm sàng và các giai đoạn bệnh. Chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt bệnh động mạch ngoại vi. Các phương pháp điều trị, phòng bệnh bằng y học hiện đại. <p>B. Y học cổ truyền</p> <ol style="list-style-type: none"> Bệnh danh, bệnh nguyên, bệnh cơ. Chẩn đoán và điều trị các thể lâm sàng. 	4/0/0	CDR 5, CDR 6	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO6	<ol style="list-style-type: none"> Thuyết trình Động não Giải quyết vấn đề 	<ol style="list-style-type: none"> Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, suy nghĩ - trả lời Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép 	

<p>Buổi 1 (4 tiết)</p> <p>Buổi 2 (4 tiết)</p>	<p>Chương 2. Bệnh lý hậu môn trực tràng</p> <p>1. Rò hậu môn</p> <p>A. Y học hiện đại</p> <ol style="list-style-type: none"> Đại cương, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh và phân loại rò hậu môn, yếu tố thuận lợi hình thành bệnh rò hậu môn Triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng của rò hậu môn Chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt rò hậu môn Các phương pháp điều trị, phòng bệnh rò hậu môn bằng y học hiện đại. <p>B. Y học cổ truyền</p> <ol style="list-style-type: none"> Bệnh danh, nguyên nhân, triệu chứng, biện chứng luận trị và điều trị theo thể bệnh của rò hậu môn Phương pháp điều trị không dùng thuốc, thảo dược điều trị bệnh rò hậu môn Phòng bệnh <p>2. Bệnh trĩ</p> <p>A. Y học hiện đại</p> <ol style="list-style-type: none"> Đại cương, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh và phân độ Trĩ, yếu tố thuận lợi hình thành bệnh trĩ Triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng của bệnh trĩ Chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt bệnh trĩ Các phương pháp điều trị, phòng bệnh trĩ bằng 	<p>8/0/0</p>	<p>CDR 5 , CDR 6</p>	<p>CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO6</p>	<p>1. Thuyết trình</p> <p>2. Động não</p> <p>3. Giải quyết vấn đề</p>	<p>1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép</p>	
---	---	--------------	----------------------	---	---	--	--

<p>y học hiện đại. B. Y học cổ truyền</p> <ol style="list-style-type: none">Bệnh danh, nguyên nhân, triệu chứng, biện chứng luận trị và điều trị theo thể bệnh của trĩPhương pháp điều trị không dùng thuốc, thảo dược điều trị bệnh trĩPhòng bệnh									
<p>Buổi 1 (4 tiết)</p> <p>Buổi 2 (4 tiết)</p>	<p>Chương 3: Bệnh tăng sản tuyến tiền liệt</p> <p>A. Y học hiện đại</p> <ol style="list-style-type: none">Giải phẫu, mô học, sinh lý tuyến tiền liệt, mô bệnh học và sinh lý bệnh tăng sinh lành tính tuyến tiền liệtBảng điểm IPSS, triệu chứng thực thể bệnh tăng sinh lành tính tuyến tiền liệt.Xét nghiệm để chẩn đoán tăng sinh lành tính tuyến tiền liệtCác phương pháp điều trị, phòng bệnh tăng sinh lành tính tuyến tiền liệt bằng y học hiện đại. <p>B. Y học cổ truyền</p> <ol style="list-style-type: none">Sinh lý tạng thận, can, tỳ, bàng quang. Một số hội chứng bệnh: tạng thận, bàng quang, tỳ thận dương hư, can khí uất kếtBệnh danh, nguyên nhân, triệu chứng và điều trị theo thể bệnh tăng sinh lành tính tuyến tiền liệt.Phương pháp điều trị không dùng thuốc.				CDR 5 , CDR 6	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO6	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép	
<p>Buổi 1 (4 tiết)</p>	<p>Chương 4: Sỏi tiết niệu</p>			8/0/0	CDR 5 , CDR 6	CLO1	1. Thuyết trình	1. Nghe, ghi chép, đặt câu	

<p>Buổi 2 (4 tiết)</p>	<p>A. Y học hiện đại</p> <ol style="list-style-type: none"> Đại cương, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh và các loại sỏi tiết niệu, yếu tố làm sỏi tiết niệu dễ hình thành Triệu chứng sỏi đường tiết niệu trên, sỏi đường tiết niệu dưới và các xét nghiệm cận lâm sàng để chẩn đoán sỏi tiết niệu Chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt sỏi tiết niệu Các phương pháp điều trị, phòng bệnh sỏi tiết niệu bằng y học hiện đại. <p>B. Y học cổ truyền</p> <ol style="list-style-type: none"> Nguyên nhân, biện chứng luận trị chứng thạch lâm Triệu chứng, biện chứng luận trị và pháp phương điều trị các thể bệnh chứng thạch lâm. Phương pháp điều trị không dùng thuốc, thảo dược điều trị sỏi tiết niệu Phòng bệnh 			<p>CLO2 CLO3 CLO4 CLO6</p>	<p>2. Động não</p> <p>3. Giải quyết vấn đề</p>	<p>hỏi, 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép</p>	
<p>Buổi 1 (4 tiết)</p>	<p>Chương 5: Gãy xương</p> <p>A. Y học hiện đại</p> <ol style="list-style-type: none"> Định nghĩa và phân loại gãy xương Triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng, xử trí và nguyên tắc cố định, kỹ thuật sơ cứu các loại gãy xương Tiến triển của gãy xương <p>B. Y học cổ truyền</p> <ol style="list-style-type: none"> Thời gian nắn chỉnh, các phương pháp vô cảm và các thủ pháp nắn chỉnh, tiêu chuẩn nắn 	<p>4/0/0</p>	<p>CDR 5, CDR 6</p>	<p>CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO6</p>	<p>1. Thuyết trình</p> <p>2. Động não</p> <p>3. Giải quyết vấn đề</p>	<p>1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép</p>	

	chính. 2. Các nhân tố gây di lệch thứ phát sau khi nắn chỉnh và có định xương gãy, tác dụng của có định ngoài cục bộ, các phương pháp và các loại cố định ngoài cục bộ. 3. Những điểm cần chú ý sau cố định nẹp cục bộ, xử lý những biến cố sau khi bó nẹp, thời gian bó nẹp và tiêu chuẩn liền xương 2. Luyện tập công năng: 3 thời kỳ 4. Thuốc - Thuốc dùng ngoài - Thuốc dùng trong: 3 thời kỳ Thi kết thúc học phần	0,5 tiết				KTHP
--	--	----------	--	--	--	------

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Ví dụ Hình thức: Thảo luận seminar

Tuần/ Buổi (... tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)	Số tiết (TH/LS/ KT/ Tự học)	CDR của bài TH/LS (chương)	Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1	Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
Buổi 1 (4 tiết)	Bệnh lý mạch máu	0/12/0/0	1. Giải thích cơ chế bệnh nguyên, bệnh sinh và triệu chứng lâm sàng,	CLO1 CLO2 CLO3	Máy chiếu PROJECTOR , LAPTOP,	1. Giảng dạy trên lâm sàng, hướng dẫn thăm khám,	1. Nghe, Trả lời, Ghi chép 2. Suy nghĩ ...	Đánh giá cho điểm bài
Buổi 2 (4								

<p>tiết)</p> <p>Buổi 3 (4 tiết)</p>			<p>cận lâm sàng, vận dụng một cách thành thạo để chẩn đoán được Bệnh lý mạch máu theo YHHD</p> <p>2. Phân tích được các chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán và phương pháp điều trị Bệnh lý mạch máu theo YHHD.</p> <p>3. Phân tích được nguyên nhân, biện chứng luận trị, chẩn đoán và pháp phương điều trị Bệnh lý mạch máu bằng YHCT</p>	<p>CLO4</p> <p>CLO5</p> <p>CLO6</p>	<p>loa, mic...</p>	<p>điều trị bệnh nhân tại khoa thực tập.</p> <p>2. Động não</p> <p>3 Giải quyết vấn đề</p> <p>3. Thảo luận</p> <p>4. Vấn đáp</p>	<p>trả lời</p> <p>3. Tiến hành phân tích, chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán và phương pháp điều trị</p> <p>5. Phản biện</p> <p>6. Viết bệnh án</p>	<p>1</p>
<p>Buổi 1 (4 tiết)</p>	<p>Bệnh lý hậu môn trực tràng</p>	<p>0/22/0/0</p>	<p>1. Giải thích cơ chế bệnh nguyên, bệnh sinh và triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, vận dụng một cách thành thạo để chẩn đoán được Bệnh lý hậu môn trực tràng theo YHHD</p> <p>2. Phân tích được các chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán và phương pháp điều trị Bệnh lý hậu môn trực tràng theo YHHD.</p>	<p>CLO1</p> <p>CLO2</p> <p>CLO3</p> <p>CLO4</p> <p>CLO5</p> <p>CLO6</p>	<p>Máy chiếu</p> <p>PROJECTOR</p> <p>, LAPTOP,</p> <p>loa, mic...</p>	<p>1. Giảng dạy trên lâm sàng, hướng dẫn thăm khám, điều trị bệnh nhân tại khoa thực tập.</p> <p>2. Động não</p> <p>3 Giải quyết vấn đề</p> <p>3. Thảo luận</p> <p>4. Vấn đáp</p>	<p>1. Nghe, Trả lời, Ghi chép</p> <p>2. Suy nghĩ – trả lời</p> <p>3. Tiến hành phân tích, chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán và phương pháp điều trị</p> <p>5. Phản biện</p> <p>6. Viết bệnh án</p>	<p>Đánh giá cho điểm bài 2</p>

					3. Phân tích được nguyên nhân, biện chứng luận trị, chẩn đoán và pháp phương điều trị Bệnh lý hậu môn trực tràng bằng YHCT							
Buổi 1 (4 tiết)	Bệnh tăng sản tuyến tiền liệt			0/20/0/0	1. Giải thích cơ chế bệnh nguyên, bệnh sinh và triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, vận dụng một cách thành thạo để chẩn đoán được Bệnh tăng sản tuyến tiền liệt theo YHHĐ	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	Máy chiếu PROJECTER , LAPTOP, loa, mic...	1. Giảng dạy trên lâm sàng, hướng dẫn thăm khám, điều trị bệnh nhân tại khoa thực tập. 2. Động não 3 Giải quyết vấn đề 3. Thảo luận 4. Vấn đáp	1. Nghe, Trả lời, Ghi chép 2. Suy nghĩ – trả lời 3. Tiến hành phân tích, chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán và phương pháp điều trị 5. Phân biện 6. Viết bệnh án		Đánh giá cho điểm bài 3	
Buổi 2 (4 tiết)												
Buổi 3 (4 tiết)												
Buổi 4 (4 tiết)												
Buổi 5 (4 tiết)												
Buổi 1 (4 tiết)	Sỏi tiết niệu			0/20/0/0	1. Giải thích cơ chế bệnh nguyên, bệnh sinh và	CLO1 CLO2	Máy chiếu PROJECTER	1. Giảng dạy trên lâm sàng, hướng	1. Nghe, Trả lời, Ghi chép		Đánh giá cho	

Buổi 2 (4 tiết)			triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, vận dụng một cách thành thạo để chẩn đoán được Bệnh Sỏi tiết niệu theo YHHD	CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	, LAPTOP, loa, mic...	đến thăm khám, điều trị bệnh nhân tại khoa thực tập. 2. Động não 3 Giải quyết vấn đề 3. Thảo luận 4. Vấn đáp	2. Suy nghĩ – trả lời 3. Tiến hành phân tích, chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán và phương pháp điều trị 5. Phản biện 6. Viết bệnh án	điểm bài 4
Buổi 3 (4 tiết)			2. Phân tích được các chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán và phương pháp điều trị Bệnh Sỏi tiết niệu theo YHHD. 3. Phân tích được nguyên nhân, biện chứng luận trị, chẩn đoán và pháp phương điều trị Bệnh Sỏi tiết niệu bằng YHCT					
Buổi 4 (4 tiết)								
Buổi 5 (4 tiết)								
Buổi 1 (4 tiết)	Gãy xương		1. Giải thích cơ chế bệnh nguyên, bệnh sinh và triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, vận dụng một cách thành thạo để chẩn đoán được Gãy xương theo YHHD	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	Máy chiếu PROJECTER , LAPTOP, loa, mic...	1. Giảng dạy trên lâm sàng, hướng dẫn thăm khám, điều trị bệnh nhân tại khoa thực tập. 2. Động não 3 Giải quyết vấn đề 3. Thảo luận 4. Vấn đáp	1. Nghe, Trả lời, Ghi chép 2. Suy nghĩ – trả lời 3. Tiến hành phân tích, chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán và phương pháp điều trị 5. Phản biện 6. Viết bệnh án	Đánh giá cho điểm bài 5
Buổi 2 (4 tiết)		0/12/0/0						
Buổi 3 (4 tiết)								

			3. Phân tích được nguyên nhân, biện chứng luận trị, chẩn đoán và pháp phương điều trị Gãy xương bằng YHCT						
Thi hết thực hành/làm sáng: Chấm hợp điểm các bài	4,0 tiết								KTTH

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

Ví dụ Rubric 1: Đánh giá bài kiểm tra/bài tập lớn/ Bài tập của bài thực hành

Tiêu chí đánh giá	Trọng số %	Chuẩn đầu ra của Học phần	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			8.5-10 điểm	7.0-8.4 điểm	5.5- 6.9 điểm	4.0-5.4 điểm	0 – 3.9 điểm	
Bệnh án lâm sàng	20%	CLO 1 CLO2	Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp, sạch sẽ; Bỏ cục chặt chẽ, mạch lạc; Không lỗi chính tả. Kết quả chẩn đoán và điều trị đúng, đầy đủ	Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp; Bỏ cục tương đối chặt chẽ; mô tả kết quả chưa rõ ràng Kết quả chẩn đoán và điều trị đúng đến 85%	Chữ viết đọc được; Bỏ cục chưa chặt chẽ; không mô tả được kết quả bài toán Kết quả chẩn đoán và điều trị đúng đến 70%	Chữ viết xấu, khó đọc; Bỏ cục không rõ ràng; còn một số lỗi chính tả Kết quả chẩn đoán và điều trị đúng đến 55%	Câu trả; Không có bỏ cục cụ thể; sai nhiều lỗi chính tả; Kết quả chẩn đoán và điều trị đúng dưới 40%	100%

Hỏi Thi lâm sàng	80%		Lập luận logic	Lập luận chưa logic, đầy đủ	Lập luận chưa rõ logic	Có lập luận; chưa logic	Lập luận sai, lập luận không lập luận	
------------------	-----	--	----------------	-----------------------------	------------------------	-------------------------	---------------------------------------	--

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm với học phần có cả lý thuyết và thực hành

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm thi lâm sàng kết thúc học phần	33.4%	Theo từng chủ đề	01 bài	100%	Rubric 1 Rubric 2	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	Theo KH của Bộ môn
Điểm thi kết thúc học phần	66.6%	Thi trắc nghiệm trên máy	Bài kết thúc học phần	100%	Không	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO6	Theo KH của Bộ môn

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

Ví dụ:

Thời gian: 20 phút ;

Tổng số câu: 40

Chuẩn đầu ra học phần/mô đun	Trọng số	Tổng số câu hỏi	Số câu hỏi bậc 1 (Tái hiện: Nhớ)	Số câu hỏi bậc 2 (Tái tạo: Hiểu, Áp dụng)	Số câu hỏi bậc 3 (Lập luận sáng tạo: Phân tích, Tổng hợp, Đánh giá, Sáng tạo)
CLO1	25%	10	3 (30%)	5 (50%)	2 (20%)
CLO2	25%	10	3 (30%)	5 (50%)	2 (20%)
CLO3	25%	10	3 (30%)	5 (50%)	2 (20%)
CLO4	25%	10	3 (30%)	5 (50%)	2 (20%)
Tổng	100%	40	12	20	8

Điểm thi được tính theo thang điểm 10.

9.5. Điểm học phần

Cách đánh giá: Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm tổng kết phần lâm sàng X 1.0 + Điểm tổng kết phần lý thuyết X 2.0)/3.

9.1 Điểm lý thuyết: Điểm thi kết thúc học phần thi test hoặc luận văn.

9.2 Điểm thực hành/lâm sàng: Điểm thi lâm sàng sau khi kết thúc thời gian thực tập lâm sàng tại các Bệnh viện thực tập.

Điểm đánh giá kết thúc lâm sàng = (Điểm bệnh án X 20 + Điểm hỏi thi lâm sàng X 80)/100

9.3 Điểm tổng kết học phần:

- Các môn học có lý thuyết và thực hành: - Điểm đánh giá kết thúc học phần các môn có cả lý thuyết và thực hành = (Điểm tổng kết phần thực hành/lâm sàng X 1.0 + Điểm tổng kết phần lý thuyết X 2.0)/3

- Các môn học chuyên ngành: điểm lý thuyết và thực hành tính độc lập.

- Điểm lý thuyết và thực hành phải đạt từ 6, riêng môn chuyên ngành phải từ 7 trở lên thang điểm 10, làm tròn đến 0,5.

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

[1]. Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam (2016), *Giáo trình ngoại khoa y học cổ truyền*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia.

[2]. Bộ môn Châm cứu (2018), *Giáo trình Châm cứu (dành cho học viên sau đại học ngành Y học cổ truyền)*, Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt Nam.

[3]. Bộ Y tế (2013), *Giáo trình đào tạo Châm cứu (dành cho đối tượng sau đại học)*, Bệnh viện Châm cứu Trung ương

[4]. Tài liệu phát tay.

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1]. Bộ y tế (2008), *Ngoại bệnh lý*, Nhà xuất bản y học.

[2]. Trường đại học y Hà Nội, Bộ môn ngoại(2013), *Bài giảng triệu chứng học ngoại khoa*. Nhà xuất bản y học.

[3]. Trường đại học y Hà Nội, Bộ môn ngoại(2010), *Bài giảng bệnh học ngoại khoa*. Nhà xuất bản y học.

[4]. Trường đại học y Hà Nội, Khoa y học cổ truyền(2007), *Ngoại khoa y học cổ truyền*. Nhà xuất bản y học.

[5]. Bộ Y tế (2015), *Hướng dẫn quy trình kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh - Chuyên ngành Châm cứu*: Ban hành kèm theo Quyết định số 792/QĐ-BYT ngày 12/03/2013, NXB Y học.

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.
- ✓ Sinh viên thực hiện đầy đủ và trung thực các nhiệm vụ học tập, kiểm tra, đánh giá theo Đề cương chi tiết học phần và hướng dẫn của giảng viên giảng dạy học phần.

12. Cấp phê duyệt

TRƯỞNG KHOA

(Ký, ghi rõ họ tên)

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

BỘ MÔN

(Ký, ghi rõ họ tên)

Đoàn Minh Phụng

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN:
MÔN: NHI KHOA YHCT KẾT HỢP YHHĐ

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:

* Tiếng Việt: Châm cứu điều trị chuyên ngành Nhi

* Tiếng Anh: Acupuncture treatment specialized in Pediatrics

- Mã học phần/ mô đun: 112319

- Số tín chỉ: 5,0 (2 LT/3LS)

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 120 tiết

+ Lý thuyết: 30 tiết

+ Lâm sàng: 90 tiết

+ Kiểm tra, đánh giá: 04 tiết

+ Thời gian tự học: 120 tiết

- Đối tượng học (năm thứ 2): Chuyên khoa I ngành Châm cứu

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>	

- Điều kiện tham gia học phần:

+ Học phần tiên quyết: Lý luận Y học cổ truyền

+ Học phần học trước: Nội tổng hợp YHCT kết hợp YHHĐ

+ Học phần song hành: Không

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Nhi

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Ts. Trần Quang Minh	0912355774	tranquangminh260878@gmail.com
2			
3			

4	Giảng viên thỉnh giảng/Giảng viên mới (khi có nhu cầu)		
---	--	--	--

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT1	Trình bày được đặc điểm sinh lý, bệnh lý trẻ em, các khái niệm và nội dung về chẩn đoán nhi khoa YHCT
MT2	Có kiến thức sâu rộng trong chẩn đoán và điều trị, chăm sóc, phòng một số bệnh hay gặp ở nhi khoa theo YHCT, có kết hợp YHHD.
MT3	Có kỹ năng thu thập thông tin; kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng giao tiếp tốt với bệnh nhi và người nhà bệnh nhi;
MT4	Nghiêm túc, tích cực, chăm chỉ trong học tập, tự nghiên cứu, tự học.

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	(1)	(2)	(3)
MT 2: Có kiến thức lý thuyết và lâm sàng sâu rộng; có khả năng thực hành nghề nghiệp thành thạo dựa trên bằng chứng ở một số lĩnh vực chuyên môn; phân tích, tổng hợp đánh giá dữ liệu để đưa ra giải pháp xử lý trong một số lĩnh vực chuyên ngành y học cổ truyền, kết hợp y học cổ truyền với y học hiện đại một cách khoa học.			x
MT3: Tôn trọng luật pháp, thực hiện đúng, đầy đủ yêu cầu nghề nghiệp, trung thực khách quan và ý thức học tập phát triển nghề nghiệp suốt đời, có khả năng đồng cảm, chia sẻ và hết lòng phục vụ người bệnh. Luôn đặt quyền lợi được chăm sóc sức khỏe an		x	

toàn chất lượng của người bệnh và của cộng đồng.			
--	--	--	--

1 – Mức đóng góp ít; 2 – Mức đóng góp vừa ; 3 – Mức đóng góp nhiều

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Sau khi học xong học phần, người học có thể:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Giải thích rõ ràng các đặc điểm sinh lý, bệnh tật của trẻ em theo YHCT
CLO2	Phân tích được chẩn đoán, biện chứng luận trị, pháp điều trị, dùng thuốc và không dùng thuốc đối với một số bệnh hay gặp ở nhi khoa theo YHCT, có kết hợp YHHD
CLO3	Giao tiếp có hiệu quả với bệnh nhi, người nhà bệnh nhi.
CLO4	Vận dụng tốt được các kỹ năng của YHCT và YHHD để thăm khám bệnh nhi, đưa ra chẩn đoán, điều trị một số bệnh thường gặp ở bệnh nhi.
CL05	Có khả năng cao làm việc độc lập hoặc phối hợp theo nhóm trong học tập tại trường học, bệnh viện thực hành.
CL06	Tuân thủ tốt các nội quy học tập, các nguyên tắc về đạo đức trong chăm sóc sức khỏe nhân dân

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

1 – Thấp; 2 – Trung bình ; 3 – Cao

Bảng 5.1. Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)

PLO	1	2	3	4	5	6	7
CLO1				(3)			
CLO2				(3)	(2)		
CLO3				(3)			
CLO4					(2)		
CLO5						(3)	(3)
CLO6				(3)			

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết: Giáo trình, tài liệu tham khảo như mục 10.1 và 10.2

Máy chiếu, loa, mic, bảng, phấn...

6.1.2. Lâm sàng: thực tập tại các bệnh viện Châm cứu Trung ương, Y học cổ truyền Trung ương (đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo NĐ 111/2017/NĐ-CP)

Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ lâm sàng
1	Máy chiếu PROJECTER, LAPTOP

2	loa, mic...
3	Ống nghe tim phổi, máy đo huyết áp, nhiệt độ, búa gõ phản xạ, gối xem mạch

6.2. Yêu cầu đối với học viên

- Học viên phải có giáo trình.
- Học viên cần có ống nghe tim phổi, máy đo huyết áp, nhiệt độ, búa gõ phản xạ, gối xem mạch...
- Học viên phải tự đọc tối thiểu đầy đủ tài liệu học tập (tại mục 10), đảm bảo kết quả thi kết thúc học phần với kiến thức có trong giáo trình, trong tài liệu tham khảo và kiến thức cập nhật mới.
- Dự lớp học lý thuyết: Học viên có trách nhiệm tham gia đầy đủ các buổi học và các hoạt động học tập tại lớp; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.
- Lâm sàng/thảo luận: Thực hiện đầy đủ các yêu cầu lâm sàng /thảo luận phân theo cá nhân, theo nhóm. Chuẩn bị đầy đủ nội dung liên quan đến phần lâm sàng/thảo luận và viết báo cáo/ bệnh án trước các buổi học.
- Tự học: Chủ động tổ chức giờ tự học bao gồm: Ôn bài học trước, **tự đọc** giáo trình và tài liệu tham khảo có liên quan tới chuẩn bị cho bài học mới theo tên bài kèm nội dung ghi tại cột 2 trong các bảng ở mục 8 (bao gồm cả phần tự đọc không giảng trên lớp - nếu có), phân phối thời gian tự học ôn tập phục vụ cho các bài thảo luận/kiểm tra/thi hết thực hành/ thi kết thúc học phần (các hình thức ghi tại mục 9.3); Đảm bảo thời gian tự học theo quy định.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự lý thuyết tối thiểu đạt 80 %. Hoàn thành 100% số bài kiểm tra và bài thực hành.

7. Mô tả chung học phần/ mô đun

Nội dung gồm các kiến thức về đặc điểm nhi khoa YHCT, Nguyên tắc điều trị và chẩn đoán nhi khoa YHCT, các kiến thức về bệnh học và điều trị nhi khoa YHCT có kết hợp YHHĐ gồm nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, các thể lâm sàng, điều trị và phòng bệnh các bệnh thường gặp ở trẻ em.

Tư vấn giáo dục sức khỏe về phòng bệnh, bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe trẻ em.

Sau khi học xong học phần học viên có kiến thức sâu rộng về Nhi khoa Y học cổ truyền có kết hợp Y học hiện đại

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (... tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/ KT/ Tự học)	CĐR của bài học (chương) chủ đề	Liên qua n đến CL O nào ở bảng 5.1	PP giảng dạy đạt CĐR	Hoạt động học của Sinh viên	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Buổi 1 (4 tiết)	CHƯƠNG I: Đại cương về nhi khoa y học cổ truyền - Đặc điểm nhi khoa y học cổ truyền - Nguyên tắc điều trị nhi khoa y học cổ truyền	4/0/4	...	CL O1 CL O2	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép	
Buổi 2 (2 tiết)	CHƯƠNG I: Đại cương về nhi khoa y học cổ truyền - Chẩn đoán nhi khoa y học cổ truyền	2/0/4	.	CL O1 CL O2	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép	
Buổi	Chương 2: Tiêu hóa - Táo bón mạn tính chức	4/0/4		CL O2	1. Thuyết	1. Nghe, ghi	

3 (4 tiết)	năng			CL O3 CL O4	trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề	chép, đặt câu hỏi, 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép	
Buổi 4 (4 tiết)	Chương 2: Tiêu hóa - Tiêu chày	4/0/4		CL O2 CL O3 CL O4	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép	
Buổi 5 (4 tiết)	Chương 2: Tiêu hóa - Suy dinh dưỡng - Sa trực tràng	4/0/4		CL O2 CL O3 CL O4	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép	
Buổi 6 (4)	Chương 3: Hô hấp	4/0/4		CL	1.	1. Nghe,	

tiết)	- Hen phế quản			O2 CL O3 CL O4	Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề	ghi chép, đặt câu hỏi, 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép	
Buổi 7 (4 tiết)	Chương 4: Thần kinh - Liệt VII ngoại biên	4/0/4		CL O2 CL O3 CL O4	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép	
Buổi 8 (4 tiết)	Chương 4: Thần kinh - Bại não - Các chứng liệt	4/0/4		CL O2 CL O3 CL O4	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép	

	Thi kết thúc học phần	0,5 tiết						KTHP
--	-----------------------	-------------	--	--	--	--	--	------

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (.... tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)	Số tiết (TH/ LS/ KT/ Tự học)	CDR của bài TH/LS (chương)	Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1	Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
Buổi 1 4 tiết	Bài 1: Đặc điểm nhi khoa y học cổ truyền	04/0/0/ 4	1. Vận dụng tốt kiến thức về phân loại các đặc điểm sinh lý của trẻ theo YHCT và YHHĐ 2. Vận dụng tốt kiến thức về phân loại các đặc điểm bệnh lý của trẻ theo YHCT và YHHĐ	CLO1 CL02	Phòng bệnh, phòng thảo luận, hồ sơ bệnh án	1. Động não 2.Giải quyết vấn đề 3.Thảo luận 4.Vấn đáp	1. Nghe, Trả lời, Ghi chép 2. Suy nghĩ – trả lời 3. Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm 4. Viết báo cáo	Đánh giá cho điểm bài 1
4 tiết	Bài 2: Nguyên tắc điều trị nhi khoa y học cổ truyền	04/0/0/ 4	Vận dụng tốt kiến thức về nguyên tắc điều trị trẻ em theo YHCT có kết hợp YHHĐ	CLO1 CL02	Phòng bệnh, Phòng thảo luận, hồ sơ bệnh án	1. Động não 2.Giải quyết vấn đề 3.Thảo luận 4.Vấn đáp	1. Nghe, Trả lời, Ghi chép 2. Suy nghĩ – trả lời 3. Tiến hành phân	Đánh giá cho điểm bài 2

							tích tình huống theo nhóm 4. Viết báo cáo	
8 tiết	Bài 3: Chẩn đoán nhi khoa y học cổ truyền	08/0/0/8	Vận dụng tốt kiến thức trong chẩn đoán nhi khoa	CLO1 CL02	Phòng bệnh, Phòng thảo luận, hồ sơ bệnh án	1. Động não 2. Giải quyết vấn đề 3. Thảo luận 4. Vấn đáp	1. Nghe, Trả lời, Ghi chép 2. Suy nghĩ – trả lời 3. Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm 4. Viết báo cáo	Đánh giá cho điểm bài 3
8 tiết	Bài 4: Táo bón mạn tính chức năng	08/0/0/8	Vận dụng tốt kiến thức trong chẩn đoán, điều trị cho trẻ táo bón mạn tính chức năng bằng các châm cứu và các phương pháp không dùng thuốc khác	CLO1 CL02 CL03	Phòng bệnh, Phòng thảo luận, hồ sơ bệnh án	1. Động não 2. Giải quyết vấn đề 3. Thảo luận 4. Vấn đáp	1. Nghe, Trả lời, Ghi chép 2. Suy nghĩ – trả lời 3. Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm 4. Viết báo cáo	Đánh giá cho điểm bài 4
8 tiết	Bài 5: Tiêu chảy	08/0/0/8	Vận dụng tốt kiến thức trong chẩn đoán, điều trị cho trẻ tiêu chảy bằng các châm cứu và các phương	CLO1 CL02 CL03	Phòng bệnh, Phòng thảo luận, hồ sơ bệnh án	1. Động não 2. Giải quyết vấn đề 3. Thảo luận	1. Nghe, Trả lời, Ghi chép 2. Suy nghĩ – trả lời 3. Tiến	Đánh giá cho điểm bài 5

			pháp dùng thuốc khác			4. Vấn đáp	hành phân tích tình huống theo nhóm 4. Viết báo cáo	
8 tiết	Bài 6: Suy dinh dưỡng	08/0/0/8	Vận dụng tốt kiến thức trong chẩn đoán, điều trị cho trẻ suy dinh dưỡng bằng các châm cứu và các phương pháp không dùng thuốc khác	CLO1 CL02 CL03	Phòng bệnh, Phòng thảo luận, hồ sơ bệnh án	1. Động não 2. Giải quyết vấn đề 3. Thảo luận 4. Vấn đáp	1. Nghe, Trả lời, Ghi chép 2. Suy nghĩ – trả lời 3. Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm 4. Viết báo cáo	Đánh giá cho điểm bài 6
8 tiết	Bài 7: Sa trực tràng	08/0/0/8	Vận dụng tốt kiến thức trong chẩn đoán, điều trị cho trẻ sa trực tràng bằng các châm cứu và các phương pháp không dùng thuốc khác	CLO1 CL02 CL03	Phòng bệnh, Phòng thảo luận, hồ sơ bệnh án	1. Động não 2. Giải quyết vấn đề 3. Thảo luận 4. Vấn đáp	1. Nghe, Trả lời, Ghi chép 2. Suy nghĩ – trả lời 3. Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm 4. Viết báo cáo	Đánh giá cho điểm bài 4
16tiết	Bài 8: Hen phế quản	16/0/0/8	Vận dụng tốt kiến thức trong chẩn đoán, điều trị cho trẻ hen phế quản bằng các châm cứu	CLO1 CL02 CL03	Phòng bệnh, Phòng thảo luận, hồ sơ bệnh	1. Động não 2. Giải quyết vấn đề 3. Thảo	1. Nghe, Trả lời, Ghi chép 2. Suy nghĩ – trả lời	Đánh giá cho điểm bài 8

			và các phương pháp không dùng thuốc khác		án	luận 4.Vấn đáp	3. Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm 4. Viết báo cáo	
8 tiết	Bài 9: Liệt VII ngoại biên	08/0/0/8	Vận dụng tốt kiến thức trong chẩn đoán, điều trị cho trẻ liệt VII ngoại biên bằng các châm cứu và các phương pháp không dùng thuốc khác	CLO1 CL02 CL03	Phòng bệnh, Phòng thảo luận, hồ sơ bệnh án	1. Động não 2.Giải quyết vấn đề 3.Thảo luận 4.Vấn đáp	1. Nghe, Trả lời, Ghi chép 2. Suy nghĩ – trả lời 3. Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm 4. Viết báo cáo	Đánh giá cho điểm bài 9
16 tiết	Bài 10: Bại não và các chứng liệt	16/0/0/8	Vận dụng tốt kiến thức trong chẩn đoán, điều trị cho trẻ bại não và mắc các chứng liệt bằng các châm cứu và các phương pháp không dùng thuốc khác	CLO1 CL02 CL03	Phòng bệnh, Phòng thảo luận, hồ sơ bệnh án	1. Động não 2.Giải quyết vấn đề 3.Thảo luận 4.Vấn đáp	1. Nghe, Trả lời, Ghi chép 2. Suy nghĩ – trả lời 3. Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm 4. Viết báo cáo	Đánh giá cho điểm bài 10
Thi hết lâm sàng: Chấm hợp điểm các bài		4,0 tiết						KTT H

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

Rubric 1 – Nội dung thuyết trình thảo luận lâm sàng (có slides đi kèm)

STT	Nội dung tính điểm	Tỉ trọng	Chuẩn đầu ra học phần	Mức độ				
				8.5- 10 điểm	7.0-8.4 điểm	5.5- 6.9 điểm	4.0-5.4 điểm	0 – 3.9 điểm
1	Nội dung báo cáo	25%	CLO1 CLO2 CLO4	- Nội dung chuyên môn đúng, theo đúng đảm bảo trích dẫn phù hợp - Nội dung đúng hệ thống, biện chứng lập luận logic	- Nội dung chuyên môn đúng, theo đúng đảm bảo trích dẫn phù hợp - Nội dung tương đối đúng hệ thống, biện chứng lập luận logic	- Nội dung chuyên môn đúng, theo trích dẫn còn sai sót - Nội dung tương đối đúng hệ thống, biện chứng lập luận logic	Nội dung chuyên môn đúng, trích dẫn chưa phù hợp - Nội dung chưa theo hệ thống biện chứng lập luận chưa logic	Nội dung chuyên môn chưa đúng, trích dẫn chưa phù hợp - Nội dung chưa theo hệ thống, biện chứng lập luận chưa logic
2	Hình thức các slides	10%	CLO1 CLO2 CLO4	- Các slide rõ ràng, dễ theo dõi, - Đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày - Khuyến khích một số hiệu	- Các slide rõ ràng, dễ theo dõi, - Đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày - Hiệu ứng xuất hiện chưa	- Các slide rõ ràng, dễ theo dõi, - Chưa đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày - Hiệu ứng xuất	- Các slide chưa rõ ràng, khó theo dõi - Chưa đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày - Hiệu	- Các slide chưa rõ ràng, khó theo dõi - Chưa đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày - Hiệu

				ứng khi cần thiết	phù hợp	hiện khi cần thiết	ứng xuất hiện khi cần thiết	ứng xuất hiện ảnh hưởng đến theo dõi
3	Kỹ năng trình bày	25%	CLO1 CLO2 CLO4	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình rõ ràng, đầy đủ nội dung, đủ thời lượng - Thuyết trình sinh động, tự tin, tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình rõ ràng, đầy đủ nội dung, đủ thời lượng - Thuyết trình sinh động, tự tin, tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe chưa tốt 	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình rõ ràng, đầy đủ nội dung, đủ thời lượng - Thuyết trình sinh động, thiếu tự tin, chưa tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe 	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình rõ ràng, đầy đủ nội dung, vượt thời lượng ít - Thuyết trình thiếu tự tin, chưa tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe 	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình không rõ ràng, đầy đủ nội dung, vượt thời lượng nhiều - Thuyết trình khó khăn, chưa tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe
4	Trả lời câu hỏi	10%	CLO1 CLO2 CLO4	<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời đúng nội dung ($\geq 85\%$) - Trả lời ngắn gọn, đi thẳng vào trọng tâm vấn đề 	<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời tương đối đúng nội dung ($\geq 70\%$) - Trả lời ngắn gọn, đi thẳng vào trọng tâm vấn đề 	<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời còn nhiều chỗ nội dung không chính xác - Trả lời có nói tới trọng tâm vào vấn đề 	<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời còn nhiều chỗ nội dung chưa chính xác - Trả lời chưa đi vào trọng tâm vấn đề 	<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời sai cơ bản nội dung; lan man
5	Làm việc nhóm 1. Thành viên nhóm	15%	CLO5 CLO6	<ul style="list-style-type: none"> 1. - Tham gia nhiệt tình - Hoàn thành công việc được phân công 	<ul style="list-style-type: none"> 1. - Tham gia nhiệt tình - Hoàn thành công việc được phân công 	<ul style="list-style-type: none"> 1. - Tham gia nhiệt tình - Hoàn thành công việc được phân công 	<ul style="list-style-type: none"> 1. - Ít tham gia nhiệt tình - Hoàn thành công việc được phân công 	<ul style="list-style-type: none"> 1. - Tham gia không nhiệt tình - Chưa hoàn thành công việc được phân công

2. Trưởng nhóm			<ul style="list-style-type: none"> - Chia sẻ công việc thành viên - Tham gia ý kiến chung 2. - Kế hoạch rõ ràng - Phân công cụ thể - Giám sát thành viên - Kiểm soát kết quả - Đánh giá thành viên 	<ul style="list-style-type: none"> - Chia sẻ công việc thành viên - Ít tham gia ý kiến chung 2. - Kế hoạch rõ ràng - Phân công cụ thể - Giám sát thành viên - Kiểm soát kết quả - Chưa đánh giá thành viên 	<ul style="list-style-type: none"> - Ít chia sẻ công việc thành viên - Ít tham gia ý kiến chung 2. - Kế hoạch rõ ràng - Phân công cụ thể - Giám sát thành viên - Chưa kiểm soát kết quả - Chưa đánh giá thành viên 	<ul style="list-style-type: none"> - Không chia sẻ công việc thành viên - Ít tham gia ý kiến chung 2. - Kế hoạch đầy đủ - Không phân công cụ thể - Giám sát thành viên - Chưa kiểm soát kết quả - Chưa đánh giá thành viên 	<ul style="list-style-type: none"> - Không chia sẻ công việc thành viên - Ít tham gia ý kiến chung 2. - Kế hoạch không rõ ràng - Không phân công cụ thể - Giám sát thành viên - Chưa kiểm soát kết quả - Chưa đánh giá thành viên
----------------------	--	--	---	---	---	---	--

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm học phần

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm thực hành	40%	Theo chủ đề	01 bài	100%	Rubric 1	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	Theo KH của Bộ môn
Điểm thi kết thúc học phần	60%	Thi trắc nghiệm trên máy	Bài kết thúc học phần	100%	Không	CLO1 CLO2 CLO4	Theo KH của Bộ môn

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

Thời gian: 90 ;

Tổng số câu: 3

Chuẩn đầu ra học phần/mô đun	Trọng số	Tổng số câu hỏi	Số câu hỏi bậc 1 (Tái hiện: Nhớ)	Số câu hỏi bậc 2 (Tái tạo: Hiểu, Áp dụng)	Số câu hỏi bậc 3 (Lập luận sáng tạo: Phân tích, Tổng hợp, Đánh giá, Sáng tạo)
CLO1 CLO2	100%	03	1	1	1
Tổng	100%	03	1	1	1

Điểm thi được tính theo thang điểm 10.

9.5. Điểm học phần

Cách đánh giá: Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.3 Điểm tổng kết học phần:

- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm tổng kết phân lâm sàng X 1.0 + Điểm tổng kết phân lý thuyết X 2.0)/3

- Điểm đạt khi: điểm đánh giá kết thúc học phần từ 5,5 điểm trở lên theo thang điểm 10.

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

[1]. Nhi khoa Y học cổ truyền, Khoa Y học cổ truyền, Đại học Y Hà Nội, Nhà xuất bản Y học, năm 2017.

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1]. Giáo trình Nhi Khoa Y học cổ truyền, Bộ môn Nhi, Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam.

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho học viên vào buổi học đầu tiên của học phần/mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.
- ✓ Học viên thực hiện đầy đủ và trung thực các nhiệm vụ học tập, kiểm tra, đánh giá theo Đề cương chi tiết học phần và hướng dẫn của giảng viên giảng dạy học phần.

12. Cấp phê duyệt

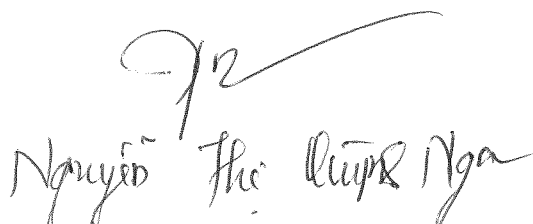
TRƯỞNG KHOA

(Ký, ghi rõ họ tên)

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

BỘ MÔN

(Ký, ghi rõ họ tên)


Nguyễn Thị Quỳnh Nga

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/MÔ ĐUN

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-HVYDCT, ngày tháng... năm 2023
của Giám đốc Học viện)

Trình độ đào tạo: Chuyên khoa I, Ngành: Châm cứu Mã số đào tạo:

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/mô đun:

* Tiếng Việt: **Châm cứu điều trị chuyên ngành Lão khoa**

* Tiếng Anh: Acupuncture treatment of Geriatrics

- Mã học phần/ mô đun: 112320

- Số tín chỉ: 05(01LT/ 04LS)

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: tiết

+ Lý thuyết: 15 tiết

+ Thực hành/ Lâm sàng: 120 tiết

+ Bài tập:..... tiết

+ Thảo luận, hoạt động nhóm:tiết

+ Kiểm tra:.....tiết

+ Thời gian tự học: tiết

- Đối tượng học (năm thứ):

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>						Thực tập và khóa luận tốt nghệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở khối ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>	

- Điều kiện tham gia học phần:

+ Học phần tiên quyết (đã học và thi đạt yêu cầu):

+ Học phần học trước (đã học):

+ Học phần song hành:

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Lão

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Điện thoại	Email
1	Ts. Nguyễn Thị Kim Ngân	0983315313	Ngan_duong1969@yahoo.com
2	PGS.Ts Phạm Vũ Khánh	0913563042	Bsypnamvukhanh@yahoo.com
3	Ts. Tống Thị Tam Giang	0912660287	bstongthitamgiang@gmail.com
4	Ts. Phạm Thủy Phương	0983654033	thuyphuongydhctvn@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT HP1	Trình bày được sự thay đổi sinh lý, bệnh lý của người cao tuổi
MT HP2	Vận dụng được các nguyên tắc điều trị bệnh nhân lão khoa
MT HP3	Vận dụng được các kiến thức đã học để chẩn đoán và điều trị một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi.
MT HP4	Thực hiện chính xác kỹ năng giao tiếp và thăm khám lâm sàng với bệnh nhân người cao tuổi

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	(1)	(2)	(3)	(4)
MT HP1				
MT HP2	2	2		
MT HP3		2		
MT HP4			2	2

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Trình bày được sự thay đổi sinh lý, bệnh lý của người cao tuổi
CLO2	Vận dụng được các nguyên tắc điều trị bệnh nhân lão khoa
CLO3	Vận dụng được các kiến thức đã học để chẩn đoán và điều trị một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi.
CLO4	Thực hiện chính xác kỹ năng giao tiếp và thăm khám lâm sàng với bệnh nhân người cao tuổi

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

Bảng 5.1. Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO 1							
CLO 2			2				
CLO 3			2	1	1	1	
CLO4							2

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết:

Phòng học có máy chiếu, mic

6.1.2. Lâm sàng:

Bệnh viện Tuệ Tĩnh, Bệnh viện YHCT Hà Nội, Bệnh viện đa khoa Đống Đa, Bệnh viện Châm cứu TW

6.2. Yêu cầu đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các buổi học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt trên 80%, số tiết tham dự thực hành đạt 100%

7. Mô tả chung học phần/ mô đun

Môn học Bệnh học và Điều trị Lão bao gồm Y học cổ truyền kết hợp Y học hiện đại mô tả về những thay đổi tâm sinh lý và bệnh lý ở người cao tuổi theo quan điểm YHHĐ và YHCT. Từ đó, đưa ra các nguyên tắc điều trị bệnh lý người cao tuổi theo YHHĐ và YHCT. Môn

học hướng dẫn học viên cách thức chẩn đoán và điều trị nói chung và Chăm cứu điều trị nói riêng các bệnh Lão khoa thông thường bằng các liệu pháp YHCT kết hợp với YHHD.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phân/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (4tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/ KT/ Tự học)	CDR của bài học (chương)/ chủ đề	Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Đại cương về lão khoa YHHD + YHCT	4/	Trình bày được đặc điểm sinh lý, bệnh lý của người cao tuổi theo YHHD + YHCT	CLO1	Phương pháp giảng dạy tích cực kết hợp giảng truyền thống	Đọc tài liệu, thảo luận nhóm	
2	Nguyên tắc điều trị bệnh người cao tuổi YHHD + YHCT	4	Trình bày được các nguyên tắc điều trị bệnh người cao tuổi	CLO2	Phương pháp giảng dạy tích cực kết hợp giảng truyền thống	Đọc tài liệu, thảo luận nhóm	
3	Bệnh học và Điều trị, Chăm cứu một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi	4	Vận dụng được các kiến thức đã học để chẩn đoán và điều trị bệnh ở người cao tuổi.	CLO3	Phương pháp giảng dạy tích cực kết hợp giảng truyền thống	Đọc tài liệu, thảo luận nhóm	
8	Giải đáp thắc mắc	3	Giải đáp thắc mắc.	CLO1 CLO2 CLO3	Phương pháp giảng dạy tích cực kết hợp giảng truyền thống	Đọc tài liệu, thảo luận nhóm	

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần / Buổi (4 tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)	Số tiết (TH/LS / KT/ Tự học)	CĐR của bài TH/LS (chương)	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3	PP giảng dạy đạt CĐR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Châm cứu điều trị tăng huyết áp	4	Thăm khám, phát hiện chính xác các triệu chứng cơ năng, thực thể Chẩn đoán và Điều trị đúng bệnh Sử dụng đúng phương pháp châm cứu điều trị bệnh Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe người cao tuổi, tôn trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh	CLO 2, CLO 3, CLO 4,		Phương pháp giảng dạy tích cực kết hợp giảng truyền thống	Thảo luận nhóm	
2	Chẩn đoán và điều trị TBMMN	4	Thăm khám, phát hiện chính xác các triệu chứng cơ năng, thực thể Chẩn đoán và Điều trị đúng bệnh Sử dụng đúng phương pháp châm cứu điều trị bệnh Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe người cao tuổi, tôn trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh	CLO 2, CLO 3, CLO 4,		Phương pháp giảng dạy tích cực kết hợp giảng truyền thống	Thảo luận nhóm	
3	Chẩn đoán và Điều trị Đái tháo đường	4	Thăm khám, phát hiện chính xác các triệu chứng cơ năng, thực thể Chẩn đoán và Điều trị đúng bệnh Sử dụng đúng phương pháp châm cứu điều trị bệnh Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe người cao tuổi, tôn trọng, cảm	CLO 2, CLO 3, CLO 4,		Phương pháp giảng dạy tích cực kết hợp giảng truyền thống	Thảo luận nhóm	

			thông và hết lòng phục vụ người bệnh				
4	Chẩn đoán và Điều trị Loãng xương, thoái hóa khớp	4	Thăm khám, phát hiện chính xác các triệu chứng cơ năng, thực thể Chẩn đoán và Điều trị đúng bệnh Sử dụng đúng phương pháp chăm sóc điều trị bệnh Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe người cao tuổi, tôn trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh	CLO 2, CLO 3, CLO 4,		Phương pháp giảng dạy tích cực kết hợp giảng truyền thống	Thảo luận nhóm
5	Chẩn đoán và Điều trị COPD	4	Thăm khám, phát hiện chính xác các triệu chứng cơ năng, thực thể Chẩn đoán và Điều trị đúng bệnh Sử dụng đúng phương pháp chăm sóc điều trị bệnh Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe người cao tuổi, tôn trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh	CLO 2, CLO 3, CLO 4,		Phương pháp giảng dạy tích cực kết hợp giảng truyền thống	Thảo luận nhóm
6	Chẩn đoán và Điều trị Alzheimer	4	Thăm khám, phát hiện chính xác các triệu chứng cơ năng, thực thể Chẩn đoán và Điều trị đúng bệnh Sử dụng đúng phương pháp chăm sóc điều trị bệnh Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe người cao tuổi, tôn trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh	CLO 2, CLO 3, CLO 4,		Phương pháp giảng dạy tích cực kết hợp giảng truyền thống	Thảo luận nhóm
7	Chẩn đoán và Điều trị mất ngủ	4	Thăm khám, phát hiện chính xác các triệu chứng cơ năng, thực thể Chẩn đoán và Điều trị đúng bệnh Sử dụng đúng phương pháp chăm sóc điều trị bệnh Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe người cao tuổi, tôn trọng, cảm	CLO 2, CLO 3, CLO 4,		Phương pháp giảng dạy tích cực kết hợp giảng	Thảo luận nhóm

			thông và hết lòng phục vụ người bệnh			truyền thống		
8	Chẩn đoán và Điều trị Rối loạn chuyển hóa Lipid	4	Thăm khám, phát hiện chính xác các triệu chứng cơ năng, thực thể Chẩn đoán và Điều trị đúng bệnh Sử dụng đúng phương pháp chăm sóc điều trị bệnh Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe người cao tuổi, tôn trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh	CLO 2, CLO 3, CLO 4,		Phương pháp giảng dạy tích cực kết hợp giảng truyền thống	Thảo luận nhóm	
9	Chẩn đoán và Điều trị Parkinson	4	Thăm khám, phát hiện chính xác các triệu chứng cơ năng, thực thể Chẩn đoán và Điều trị đúng bệnh Sử dụng đúng phương pháp chăm sóc điều trị bệnh Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe người cao tuổi, tôn trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh	CLO 2, CLO 3, CLO 4,		Phương pháp giảng dạy tích cực kết hợp giảng truyền thống	Thảo luận nhóm	

9. Phương pháp đánh giá học phần

Trường hợp học phần/mô đun có cả lý thuyết và thực hành:

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

* Chỉ tiêu đánh giá:

- Lý thuyết: Thi theo hình thức thi trắc nghiệm khách quan.
- Lâm sàng: Cách làm, trình bày bệnh án.
Thực hiện các chỉ tiêu lâm sàng.
Đánh giá theo bảng kiểm.

* Phương pháp đánh giá:

Nội dung	Số lần	Phương pháp	Trọng số
Điểm thi kết thúc học phần	01	Thi test	0,2
Điểm thi lâm sàng	01	Vấn đáp trên bệnh nhân, bệnh án	0.1

* Phương pháp tính điểm môn học:

Điểm TKMH = (Điểm TKLT* 2 + Điểm TKLS) /3

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

[1] Tên tác giả (năm xuất bản). Tên giáo trình. Nơi xuất bản: Tên nhà xuất bản.

- Lão khoa Y học cổ truyền – NXB Giáo dục
- Bệnh học lão khoa, đại cương lão khoa – Nhà xuất bản Y học

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

12. Cấp phê duyệt

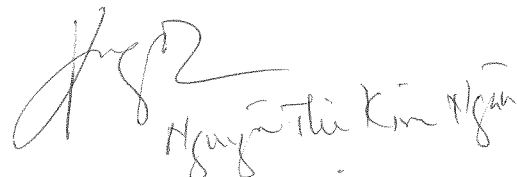
TRƯỞNG KHOA

(Ký, ghi rõ họ tên)

Hà Nội, ngày tháng năm

BỘ MÔN/MÔ ĐUN

(Ký, ghi rõ họ tên)


Nguyễn Thị Kim Ngân

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật